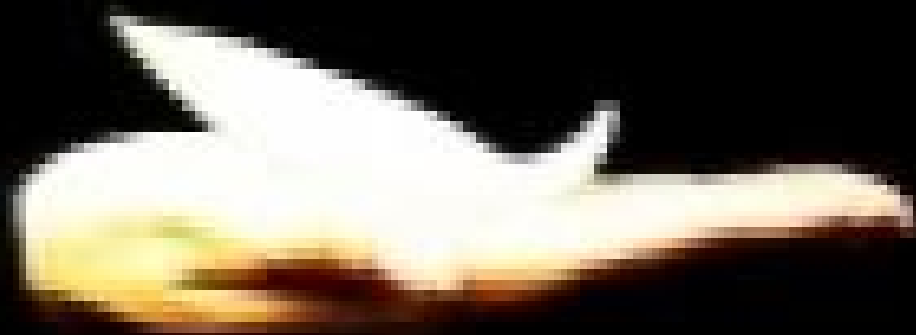


05.11.13

10

Mẫu Truyện Thiên Cho
Đời Sống Thường Nhật
Con Người



Mục lục

[Lời Giới Thiệu](#)

[Tiểu sử Tác Giả: OSHO](#)

[Câu truyện thiền số 1](#)

[Câu truyện thiền số 2](#)

[Câu truyện thiền số 3](#)

[Câu truyện thiền số 4](#)

[Câu truyện thiền số 5](#)

[Câu truyện thiền số 6](#)

[Câu truyện thiền số 7](#)

[Câu truyện thiền số 8](#)

[Câu truyện thiền số 9](#)

[Câu truyện thiền số 10](#)

Osho

10 Mẫu Truyện Thiền cho Đời Sống Thường Nhật Con Người
Dịch giả Thích Nữ Minh Tâm

Lời Giới Thiệu

*"Thiền không hứa hẹn với bạn một điều gì cả,
Thiền chỉ đơn thuần hướng dẫn bạn sống và ý thức ngay phút giây
hiện tại và ở đây".*

Quyển sách này thật quý giá; nó là một kho tàng. Nó có thể trở thành một cuộc đối thoại giữa bạn và đạo sư Osho. Nó có thể trở thành một hiện tượng hiếm có, và sống động.

Trong niềm an tịnh và sùng kính, Osho đã khai phóng toàn thể nét đẹp, bí mật và cốt tủy Thiền tông. Chắc chắn bạn sẽ tìm thấy niềm tịch nhiên an lạc và bất ngờ pha lẫn thích thú trong "Không Nước Không Trăng". Những cú đấm, la hét, hay cười phá lên của các Thiền sư chỉ là những cái mẹo để tấn công, bắt buộc người đệ tử phải vận dụng tận cùng khả năng phá vỡ thành trì của Bản Ngã, hầu đạt tới cửa ngõ Giác Ngộ.

Qua những ngôn từ vay mượn hữu hạn của loài người, Osho đã phơi bày trọn vẹn thế giới nội tâm của ông cũng như sự sáng tỏ về ý nghĩa Tình Yêu, Cuộc Sống, Cái Chết, Thiền Định và Giác Ngộ trên từng nét chữ câu văn. Bạn chắc chắn sẽ tìm thấy "chính mình" khi soi bóng trên chiếc gương của Tư Duy và Thầm Lặng.

Những mẫu đối thoại trong mười câu truyện Thiền dưới đây là những viên đá đầu tiên giúp bạn đặt chân tới vùng đất tâm linh bởi vì chúng nó đang nói về bạn, ám chỉ tới bạn; chúng nó chính là "bạn" đấy! Bạn chính là kho tàng đang bị che dấu sau cái vỏ của chính mình.

"Thiền là khai mở mắt trí huệ,

Thiền là nhìn sâu thẳm vào trong ta "

Quyển sách này thật quý giá; nó là một kho tàng. Nó là một món quà của Chân Lý hiện hữu đang kêu gọi bạn quay về quê hương, quay về tổ ấm.

Ma Yoga Rabiya

Osho

10 Mẫu Truyện Thiền cho Đời Sống Thường Nhật Con Người Dịch giả Thích Nữ Minh Tâm

Tiểu sử Tác Giả: OSHO

Hầu như tất cả chúng ta đều sống trong hoài niệm quá khứ và kỳ vọng tương lai. Có thể nói rất ít, rất ít ai chạm đến được cái Phi Thời Gian của Hiện Tại - khoảnh khắc khám phá ra cái Đẹp bất ngờ, hay đối diện với sự Hiểm Nguy bất ngờ. Rất ít người có thể bước ra khỏi thế giới của Thời Gian và Tri Thức, của Đam Mê và Tranh Đấu, để sống trong thế giới Phi Thời Gian, Phi Không Gian.

Trong số những người rất ít đó, chỉ có những Thánh nhân đã đạt được tới cái siêu việt "Không - Thời Gian" đó là Đức Phật, Tổ Bồ Đề Đạt Ma, Lão Tử, v.v... và gần đây nhất là George Gurdjieff, Ramana Maharshi, J. Krishnamurti, v.v... Khi đương thời, những bậc vĩ nhân này bị mọi người dèm pha cho là kỳ dị hay điên khùng, nhưng sau khi họ chết đi thì họ được tôn xưng là thánh nhân hay triết gia vĩ đại.

Osho là một trong những người rất hiếm có đã mở ra được cánh cửa của phi thời gian của Hiện Tại. Ông ta tự xưng là "người theo thuyết hiện sinh thực sự" và ông đã dành trọn cuộc đời để khuyến khích những người khác hãy tự khám phá lấy chính mình, và bước ra khỏi vòng kèm tỏa của Quá Khứ và Tương Lai để sống trong thế giới Hiện Tại bất diệt, vĩnh cửu.

Osho sanh vào ngày 11 tháng 12 năm 1931 tại làng Kuchwada, Madhya Pradesh, Ấn Độ. Từ lúc còn là cậu bé con, Osho đã chứng tỏ cho mọi người thấy ông là một người có cá tính độc lập, cương quyết và nổi loạn, khẳng khẳng bảo vệ chính kiến của mình bằng kinh nghiệm tư duy, sống thực thụ chứ không phải đi học mót lại hay lặn mò theo tín ngưỡng của người khác.

Sau khi đạt ngộ vào năm 21 tuổi, Osho đã hoàn tất văn bằng Tiến Sĩ và dạy triết vài năm ở Đại Học Jabalpur, Ấn Độ. Cùng thời gian đó, ông đã đi du thuyết khắp nơi ở Ấn tranh luận công khai với nhiều đạo sư các tông phái chính thống khác, đặt vấn đề về những tín ngưỡng truyền thống đương thời, và gặp mặt nhiều người từ mọi tầng lớp, chức vụ thượng lưu đến bình dân hạ tiện.

Cuối những năm 60, Osho đã tung ra phương pháp học thiền của

chính ông. Ông cho rằng ngày nay người ta bị chèn ép và chất nặng trên vai những truyền thống tập tục, tín ngưỡng của quá khứ và những bất an của đời sống văn minh hiện đại; vì thế người ta cần phải gột rửa trí óc để có thể đi vào trạng thái an nhiên vô niệm của Thiền Định.

Osho nói "Chỉ có một số rất ít người can đảm thôi mới sẵn sàng chết đi để sống lại thành con người mới. Chỉ có những người can đảm đó mới liều mạng để nghe tôi nói, nói Sự Thật".

Osho từ giã cõi đời vào ngày 19 tháng giêng năm 1990. Cộng đồng những môn đệ của Osho ở Ấn vẫn tiếp tục duy trì theo đường lối của ông và ngày nay nó đã trở thành một trung tâm tu học phát triển tâm linh lớn mạnh nhất thế giới hấp dẫn hàng ngàn người khắp nơi về Ấn thực tập thiền định, điều trị tâm lý, chữa tật bệnh, đề xuất ra những chương trình sáng tạo hay trao đổi những kinh nghiệm tâm linh.

Osho không đến không đi.

Osho chỉ ghé lại hành tinh Địa Cầu này từ năm 1931 đến 1990.

Osho

10 Mẫu Truyện Thiền cho Đời Sống Thường Nhật Con Người Dịch giả Thích Nữ Minh Tâm

Câu truyện thiền số 1

KHÔNG NƯỚC KHÔNG TRẮNG

"Ni Cô Chiyono đã tu học nhiều năm, nhưng vẫn chưa đạt được gì cả. Một đêm, cô quấy đôi thùng xuống suối múc nước. Khi cô gánh nước trở về tu viện, cô vừa đi vừa ngắm ánh trăng soi rọi xuống mặt nước trong thùng. Bất thành linh, đòn gánh gãy đôi, giầy thùng đứt và thùng nước rơi xuống. Nước đổ ào ra, bóng trăng tan biến - không còn - và Chiyono hoát nhiên giác ngộ. Cô đã viết bài thơ:

"Bằng cách này hay cách khác, tôi đã kèm giữ đôi thùng nước,
Mong rằng chiếc đòn gánh đòn yếu kia sẽ không gãy
Bất chợt, giầy đứt thùng văng,
Không còn nước trong thùng, không còn trăng trong nước,
Tay tôi rỗng không, chẳng có vật gì,
Tâm tôi rỗng không, chẳng có vật gì".

Giác ngộ không hẹn mà đến, thật bất ngờ, thật đột ngột. Không có sự tuần tự tiến trình tìm tới sự Giác Ngộ, bởi vì sự tuần tự thuộc về trí óc, và Giác Ngộ không phải là sản phẩm của trí óc. Giác Ngộ vượt qua hàng rào tư duy và nhận thức lô gích của trí óc. Vì thế, chúng ta không thể tiến dần về Giác Ngộ, mà đơn thuần chúng ta nhảy một bước vọt vào trong Giác Ngộ. Chúng ta không đi từng bước từng bước; không, không có những từng bước đó. Một là chúng ta đại ngộ, hai là không. Không có sự chứng đắc từng phần, từng mảnh. Chân Lý là Chân Lý hoàn toàn, là viên mãn, tròn đầy. Chứng đắc là chứng đắc toàn diện. Hãy nhớ kỹ một điều cơ bản là: "trí óc không thể nào suy lường hiểu thấu được Chân Lý. Trí óc có thể làm công việc phân tích, suy luận, cân nhắc, v.v... những gì chúng ta có thể chia chẻ ra được. Trí óc có thể hiểu tất cả những gì mà chúng ta đem ra cân đong, đo lường, tính đếm. Vì thế, nếu chúng ta nghe theo trí óc, chúng ta không bao giờ đạt tới Chân Lý viên mãn được.

Đó chính là điều mà ni cô Chiyono đã sai lầm. Chiyono đã tu học, đã tư duy nhiều năm và đã bao năm trôi qua, cô vẫn chưa gặt hái được điều gì. Không có một sự cố gì xảy ra cho cô cả.

Trí óc con người có thể nghiên cứu về Thượng Đế, về Giác Ngộ, về Tuyệt Đối. Nó cũng có thể lừa bịp chúng ta là tất cả mọi sự việc trên đời này đều đã được giải thích tường tận, đã cho ra một đáp số trọn vẹn rồi. Ngay cả khi chúng ta nói chúng ta đã hiểu rõ ràng tất cả "về" Thượng Đế, về Chân Lý, về Phật, về Chúa, chúng ta đã tự lừa dối mình vậy.

Trí thức viên mãn là trí thức không phải "về" một cái gì. Khi chúng ta nói "về", thí dụ như tôi suy nghĩ "về" anh, suy nghĩ "về" cuộc đời, suy nghĩ "về" tình yêu, v.v... chúng ta đã tự đặt mình trong thế nhị nguyên đối đãi. Vì có cái này nên có cái kia, vì có anh nên có tôi, vì có đối tượng nên có người suy nghĩ; chúng ta đang xoay vòng theo một vòng tròn như con kiến bò theo miệng chén; chúng ta không bao giờ nhảy vào được bên trong vòng tròn đó. Vì thế, khi một người nào đó nói rằng: "tôi đã hiểu được chân lý, tôi đã hiểu được "Thượng Đế", hẳn ta thực ra chẳng hiểu được một tí gì cả.

Phật Tánh, Chân Lý, Thượng Đế, Chúa v.v... là trung tâm điểm; không phải là chu vi, ngoại giới, không phải là cái bên ngoài. Chúng ta phải thể nhập vào Chân Lý, chúng ta với Phật, với Chúa là một; đó là con đường duy nhất, không có con đường nào khác.

Đó là lý do Chúa Giê Su đã nói : "Chúa là Tình Yêu - Tình Yêu viết hoa - chứ không phải là sự ái nhiễm của nam nữ. Bạn không định nghĩa được Tình Yêu, bởi vì bạn chưa hội nhập được vào tình yêu; bạn chưa là một với tình yêu. Bạn có thể là một nhà nghiên cứu, một nhà tâm lý, bạn có thể trở thành một học giả vĩ đại, nhưng bạn chưa bao giờ thể nhập vào Tình Yêu, vào Chân Lý Tuyệt Đối.

Tình Yêu chỉ thực sự hiện diện khi bạn trở thành tình yêu. Ngay cả khi người yêu bạn biến mất đi, tình yêu vẫn còn đó, bởi vì tình yêu đơn thuần là tình yêu, không có chủ thể, không có đối tượng. Cả hai chữ "chủ thể" và "đối tượng" đều là cái bên ngoài, là đối đãi. "Có cái này nên có cái kia", "vì có anh nên tôi có mặt"; nếu còn có sự đối đãi, thì bạn đang đánh mất thực tại.

Khi hai tình nhân đứng bên nhau, cả hai đều vắng bóng. Chỉ có Tình Yêu hiện diện, chỉ có giai điệu Tình Yêu phát ra tiết tấu. Tình Yêu có mặt khi bản ngã con người vắng bóng; Trí Thức có mặt khi đầu óc con người chứa đầy ý niệm. Trí Thức thì thuộc về bản ngã, về cái tôi, và cái tôi đó không thể nào xâm nhập được vào trung tâm điểm cả;

nó chỉ là chu vi, là vòng tròn ngoại giới. Với cái Tôi đầy ắp những quan niệm, Kinh Thánh, Kinh Vệ Đà, Áo Nghĩa Thư hay Kinh Koran, bạn mãi mãi là một kẻ xa lạ.

"Ni cô Chiyono đã tu học nhiều năm..."

Ni cô đó đã tu học nhiều năm hay nhiều kiếp rồi. Bạn cũng đã tu học nhiều năm hay nhiều kiếp rồi. Bạn đang chạy trên một vòng tròn. Bạn tưởng rằng bạn đã tới đích, nhưng không, bạn đang di chuyển trên một vòng tròn lập đi lập lại. Vòng tròn đó, người tín đồ Ấn độ giáo gọi là "Samsara", có nghĩa là bánh xe, là vòng tròn. Bạn di chuyển, di chuyển mãi và không bao giờ tới đích cả. Bạn không bao giờ thấy được cái vòng tròn đó vì bạn chỉ biết một phần của vòng tròn đó mà thôi. Nó mãi mãi là một con đường, một con đường vô tận. Đó là những gì đã xảy ra cho bao kiếp nhân sinh.

"Chiyono đã tu tập và tu tập, nhưng vẫn chưa đạt được chân lý". Vì sao? Không phải vì chân lý, giác ngộ khó khăn, hóc búa, mà chính vì khi bạn nỗ lực tìm hiểu nghiên cứu chân lý, bạn đã đi lạc hướng rồi. Bạn đã đi trật đường rầy rồi. Điều đó cũng giống như khi một người nào đó muốn đi vào căn phòng lại đâm đầu vào bức tường vậy. Vào căn phòng không phải khó, nhưng phải vào qua cánh cửa, chứ không phải qua bức tường. Nhiều người, rất nhiều người, khi họ bắt đầu cuộc hành trình, họ bắt đầu bằng học hỏi, nghiên cứu, bằng kiến thức, thông tin, triết lý, hệ thống hay lý thuyết. Họ bắt đầu từ "cái... về một cái... gì đó" cho nên họ đã va mặt vào bức tường vậy.

"Hãy là Chân Lý, hãy là Tình Yêu". Nếu bạn muốn biết Tình Yêu. Nếu bạn muốn biết Thượng Đế, hãy thiền định. Nếu bạn muốn thể nhập vào vô tận, hãy lắng lòng cầu nguyện. Phải tự chính mình là Chân Lý, là Tình Yêu; chứ không phải là người đang cầu nguyện, không phải là người đang thu góp lại những gì người khác nhả ra và nhai lại. Hãy buông bỏ tất cả chữ nghĩa, kinh điển. Chúng nó chỉ là những hàng rào, những bức tường ngăn cản bạn nhảy vọt vào Bản Thể Tuyệt Đối. Cánh cửa Chân Lý sẽ không bao giờ mở ra nếu bạn ôm đồm một mớ Kinh Thánh, Kinh Vệ Đà, Kinh Koran, v.v... cũng như ni cô Chiyono đã tu học nhiều năm nhưng vẫn chưa đạt được gì.

Giác Ngộ là gì? Đó chính là sự tỉnh giác "Ta là Ai?". Giác Ngộ không có gì liên quan với thế giới bên ngoài. Giác Ngộ không có gì liên quan đến những gì người ta nói về nó. Những gì người ta nói đều lạc

hướng hay chỉ diễn tả được một phần của Giác Ngộ. "Bạn đang có mặt tại đây, ngay phút giây này". Tại sao bạn phải đi tìm cầu nơi Kinh Thánh hay Kinh Vệ Đà? Hãy nhắm mắt lại và bạn đang ở đây, trong niềm hoan lạc thiêng liêng vô tận. Hãy nhắm mắt lại và cánh cửa đã mở. Bạn đang có mặt tại đây, ngay phút giây này. Không cần phải hỏi ai hết, không cần một tấm bản đồ chỉ dẫn. Trong thế giới nội tại, không có bản đồ, không cần có bản đồ, bởi vì bạn không đi về một hướng vô định.

Bạn đang có sẵn trong tâm một "nẻo về của ý".

Thực ra, bạn cũng không di chuyển gì cả. Bạn đang ở đây; bạn là mục đích. Bạn không phải là kẻ tìm kiếm. Bạn chính là "Giác Ngộ"; bạn chính là "Giải Thoát"; bạn chính là "Chân Lý". Khi bạn chạy rong tìm kiếm cái bên ngoài, bạn là kẻ vô minh. Khi bạn quay ngược về bên trong mình, bạn chính là sự Giác Ngộ. Điều khác biệt duy nhất chính là sự chú tâm, sự quay ngược về.

Trong Kinh Thánh, danh từ "cải hoá" rất đẹp rất hay; nhưng nhiều người vì đã hiểu sai nên đã sử dụng nó không đúng. Sự "cải hoá" không có nghĩa là thay đổi một người Ấn Độ giáo thành một tín đồ Thiên Chúa, cũng không phải biến một người Công Giáo thành một tín đồ Ấn Độ giáo. "Cải Hóa" có nghĩa là quay lại. "Cải Hóa" có nghĩa là quay về nguồn, quay về bên trong, quay về tâm linh.

Tâm thức của bạn như một dòng sông, có thể trôi về hai phía, bên ngoài hay bên trong; chỉ có hai phía mà thôi, định hướng cho một dòng sông tâm thức. Nếu tâm thức bạn quay ra bên ngoài thì nó sẽ trôi qua nhiều đời, nhiều kiếp, và sẽ không bao giờ đạt tới mục đích; bởi vì mục đích chính là cội nguồn mà bạn đã quay đi, bỏ lại sau lưng. Cội nguồn đó không phải trước mặt, không phải là nơi mà bạn sẽ hướng tìm tới. Cội nguồn chính là nơi mà bạn đã quay lưng. Nếu bạn có thể quay ngược về điểm đầu tiên mà bạn đã xuất phát, bạn đã tìm thấy cội nguồn tâm linh rồi vậy.

Đó, đó là vì sao mà Chiyono đã tu học nhiều năm mà vẫn chưa đạt được gì, bởi vì cô đã chạy về phía trước tìm chân lý.

Còn một điều này nữa tôi muốn nói với bạn: "Đừng tìm kiếm Chân Lý trong kinh điển". Kinh điển chỉ là những xác chết, những thân mọ Đời sống là một dòng linh động, phát triển. Đi hỏi những xác chết về sự sống thì thực đáng buồn cười thay, phải không? (ghi chú của người

dịch: Câu nói này có nghĩa là chúng ta không nên chấp trước vào văn tự chữ nghĩa, dù đó là kinh điển, mà hãy thực nghiệm tâm linh để thể chứng; Sự và Lý phải đi đôi, viên dung với nhau thì mới có thể đạt được giác ngộ; nếu chấp vào một bên thì sẽ rơi vào kiến chấp, sơ cứng tâm linh). Thần Krishna hay Chúa Giê Su cũng không thể giúp gì cho bạn - trừ phi chính bạn là Krishna hay Chúa Giê Su. Nếu bạn nghĩ rằng bạn sẽ tìm thấy câu trả lời trong kinh điển thì bạn đã sai lầm lớn rồi vậy. Câu trả lời sẽ không bao giờ tìm thấy đâu, bạn ạ. Đó là lý do vì sao các triết gia, các học giả cứ lẫn lộn, loanh quanh với mớ chủ nghĩa, lý thuyết, hệ thống v.v... Họ đã lạc hướng quá xa rồi.

Không, không có ai trả lời bạn được đâu. Đừng đi đến bất cứ ai để mong được câu trả lời về giác ngộ, giải thoát. Nếu bạn tìm đến vị đạo sư thì tất cả những gì ông ta làm là giúp bạn tìm ra chính bạn, tìm ra con người thật của bạn. Không có một vị đạo sư nào giúp bạn có câu trả lời sẵn; không có ai cho bạn cái chìa khóa đâu. Vị đạo sư chỉ giúp bạn quay về bên trong, nhìn vào bên trong bạn. Tất cả là ở đó; kho tàng là ở đó; chìa khóa là ở đó - bên trong con người bạn.

"Chiyono quấy đôi thùng cũ đầy nước... "

Chúng ta cũng vậy. Chúng ta cũng gánh cái đầu óc cũ kỹ đầy ắp những học thuyết, quan niệm, chủ nghĩa của chúng ta ngày nay qua ngày khác. Cái đầu óc đó đã cũ kỹ rồi, đã sơ cứng rồi, đã chết rồi.

Các thiền sư đã nói: "Quá khứ không truy tìm, tương lai chưa kịp đến, an trú trong hiện tại, giây phút đẹp tuyệt vời". Thực tại là đây, bạn đang có mặt tại đây - nhưng giữa bạn và thực tại là bức màn tri thức. Những gì bạn thấy, bạn thấy qua bức màn tri thức đó. Những gì bạn nghe, bạn nghe qua bức màn tri thức đó. Chúa Giê Su đã nói với các tông đồ rằng: "Nếu các người có tai để nghe, hãy nghe ta. Nếu các người có mắt để nhìn, hãy thấy ta". Nhưng chúa Giê Su đã biết là các tông đồ đã mù và đã điếc rồi vậy.

Những gì bạn nghe qua tri thức, những gì bạn thấy qua tri thức, những gì bạn thấy qua tri thức đã bị tri thức tô màu, thay đổi hay pha trộn. Tri thức đã đánh lừa bạn, đã đưa bạn vào vùng ảo giác, mê hồn trận.

Chúng ta không thể nào đổi mới được với tri thức. Đừng tự lừa dối mình hay người qua lớp vỏ tri thức. Vì thế, nếu bạn muốn làm một

cuộc cách mạng tư tưởng, trước hết phải nhìn lại rõ mình. Những người Cộng Sản không thể nào làm cách mạng được, vì họ không bao giờ định tâm thiền định. Chủ nghĩa Công Sản mà họ đang tôn thờ đó là sản phẩm của tri thức. Họ không tin vào bất cứ một đấng thần linh nào, họ tin vào Karl Marx hay họ tin vào Mao Trạch Đông (bản sao cuối cùng của Marx); nhưng họ tin. Những người Cộng Sản hay những tín đồ Ấn Độ giáo, Công giáo và Hồi giáo thực giống nhau, bởi vì những người này đều nhắm mắt tin theo những chủ nghĩa, giáo điều hay hệ thống thiết lập trên nền tảng không vững chắc của tư duy và khái luận. Vì thế, trên thế gian này, chỉ có tôn giáo nào dám lật đổ mọi giáo điều cũ rích, hệ thống tư duy sai lạc để đưa con người quay trở về với bản thể, chân như, giác ngộ; tôn giáo đó mới thực sự làm cuộc cách mạng vĩ đại nhất; tôn giáo đó mới có thể làm một cuộc cách mạng chính xác, đúng đắn và toàn diện nhất. Một khi bạn phá vỡ được thành trì kiến chấp, giáo điều, hệ thống, buông xả được tri thức, bản ngã, thì lúc đó, bạn sẽ nhìn vạn vật vạn sự trên cõi đời này khác hơn, xuyên suốt hơn, mới mẻ hơn. Vạn vật sẽ trở nên tươi thắm, linh động. Bạn sẽ trở thành trẻ thơ trở lại. Mắt bạn ngây thơ hơn, trong sáng hơn, vô tư hơn. Bạn sẽ nhìn vạn vật không xuyên qua một bức màn che phủ nào. Cây cối xanh tươi và tiếng chim hót du dương trên cành cây kia sẽ là điệu nhạc đời muôn thưở. Cảm giác khinh an đó rất khác với cảm giác mê ly của những người say ma túy. Aldous Huxley (một triết gia, tiểu thuyết gia, phê bình gia, nghị luận gia người Anh) đã sai lầm khi sử dụng ma túy, tưởng rằng sẽ tìm được cảm giác khinh an thoát tục. Thế hệ trẻ bây giờ nghiện cần sa ma túy cũng vì tưởng rằng sẽ tìm được an nhiên giải thoát cho những bế tắc khủng hoảng tâm linh. Được tánh trong cần sa á phiện là độc dược. Nó làm tê liệt trung khu não bộ, và gây ra những ảo giác mờ mịt, khoái cảm bệnh hoạn cho người sử dụng nó. Hệ thần kinh của người sử dụng ma túy không còn hoạt động nhạy bén được nữa, và dần dần nếu còn dùng ma túy nhiều thì độc tố trong người càng tăng, mức độ khoái cảm càng bị kích thích cao. Ma túy đã đẩy trí óc qua một bên và chiếm chỗ, và những gì người sử dụng ma túy thấy và cảm giác họ kinh qua đều sai lạc và bệnh hoạn. Tri thức con người cũng độc hại như ma túy vậy. Nó ngăn che không cho chúng ta nhìn rõ lại chính mình. Nó cũng tạo ra những ảo giác

mê lầm, đưa đến bệnh Ngã - Kiến chấp cho chúng ta.

Chỉ có Thiền Định mới có thể giết chết bệnh Ngã - Kiến chấp đó. Chỉ có Thiền Định mới là liều thuốc giải độc tố tri thức của con người. Thiền định giúp người ta khai phóng mắt trí tuệ. Thiền định có nghĩa là nhìn - nhìn sâu vào bên trong.

Danh từ "Darshan" trong Ấn Độ giáo có nghĩa là "Nhìn" (looking at) - vì thế, tín đồ Ấn Độ giáo định nghĩa "Thiền" là "Nhìn" - nhìn sâu vào bên trong ta để tìm ra con người thật của chính mình.

Bạn hãy thử làm một thí nghiệm nhỏ này. Bạn vào phòng, đóng cửa lại, và bắt đầu lấy giấy bút viết ra tất cả những ý tưởng nào chợt đến, chợt đi, chợt thoáng qua trong đầu óc bạn. Hãy viết tất cả, bất cứ một ý nghĩ nào vụt đến. Bạn đừng thay đổi chúng, đừng biến dạng chúng, vì bạn không cần phải đưa mảnh giấy đó cho ai xem cả. Bạn cứ viết như vậy trong vòng mười phút thôi và sau đó nhìn lại: đó là những gì bạn tư tưởng, những gì bạn suy nghĩ. Nếu bạn nhìn kỹ, thì bạn sẽ nghĩ đó là tác phẩm của một kẻ điên loạn, mắc bệnh thần kinh. Những ý tưởng lằng xằng lộn xộn, không ăn nhập vào nhau, có cái thánh thiện, có cái ghê tởm, có cái thuần lương, có cái quỷ sứ, v.v... Đó, trí óc con người là thế đó, là một cái hộp số chứa đầy những bí ẩn và phức tạp, và chúng ta lại đi che dấu sự điên loạn rồi ren đó đằng sau cái mặt nạ con người. Chúng ta luôn luôn ẩn nấp, che dấu, không dám lộ diện con người thật của chúng ta Đằng sau cái bộ mặt người đó, chúng ta chỉ là một kẻ điên, một người mắc bệnh thần kinh. Nhưng tại sao chúng ta lại đánh giá "tư tưởng" quá cao như vậy? Phải chăng chúng ta đã say mê nó, đã nghiện phải nó. Tri thức là ma túy, là một chất hóa học đầu độc con người. Trong sự mê loạn đó, con người tưởng rằng có thể quên hết sự đời, buông bỏ lo âu, bồn chồn trách nhiệm, hoặc trở thành một mẫu anh hùng lý tưởng nào đó. Đã ngủ quên trong mộng, con người lại chồng chất thêm những cơn mộng huyễn hoặc phù du Ban đêm họ đã ngủ mợ Ban ngày, họ cũng nằm mợ Những cơn mợ đó phủ vây con người và họ đắm chìm trong đó, không thể thoát ra và có lẽ họ cũng không muốn thoát ra. Con người đã tự giam hãm mình trong cái tù chật hẹp đó, để rồi thống trách bi thương, để rồi đau khổ. Nhưng, mặc dù đã biết rõ như vậy, họ cũng đã ở trong nhà tù tư tưởng đó quá lâu đến nỗi họ đâm ra quen thuộc với nó, ôm ấp nó như ôm tình nhân, cũng giống như

những tên tội phạm vì ở tù quá lâu nên đâm ra sợ hãi thế giới bên ngoài, sợ hãi được trả lại tự do Thật mâu thuẫn và chua chát, phải không? Biết ở tù là đau khổ, là sợ hãi nhưng vẫn can tâm chịu đựng không muốn giải thoát. Cái sợ "được trả lại tự do" đó bắt nguồn từ nỗi sợ hãi phải đối diện với cái mới, trách nhiệm mới, nếp sống mới, con người mới, xã hội mới v.v... Sự lột xác toàn diện khiến người ta đâm ra sợ hãi phải đối diện, phải chui đầu ra khỏi cái vỏ sò, chui đầu ra khỏi nhà tù quen thuộc.

Con người đã bám víu lấy tri thức như cái bóng của mình; một khi đánh mất nó đi, con người cảm thấy mất thăng bằng, không đứng vững. Krishnamurti đã nói: "Con người cảm thấy như mất thăng bằng nếu không suy nghĩ". Có lẽ con người cảm nhận là nếu không suy nghĩ thì họ sẽ làm gì bây giờ?

Một bộ Óc bình thường có thể chứa đựng tất cả thư viện trên thế giới. Trong cái đầu bé nhỏ của bạn, có 70 triệu tế bào thần kinh, mỗi một tế bào có thể chứa đựng ít nhất là một triệu thông tin. Không có một cái máy vi tính nào có thể so sánh nổi với bộ Óc con người. Bạn mang cả một thế giới cồng kềnh trong cái đầu nhỏ bé của bạn, và lẽ dĩ nhiên, sức chuyên chở có hạn, ngày nào đó bộ Óc bị quá tải sẽ nổ tung ra, văng hết.

Ni cô Chiyono đã tu học, đã tu học nhiều năm. Cô đã cố chế đầy thêm nước vào thùng cũng như cô đã cố nhồi nhét tri thức vào đầu óc cô, và vừa quấy đôi thùng đầy nước, Chiyono vừa ngắm ánh trăng phản chiếu xuống mặt nước trong thùng. Đó không phải là chuyện lạ. Không phải chỉ riêng Chiyono mà chúng ta đây cũng vậy. Chúng ta không bao giờ nhìn mặt trăng. Chúng ta luôn nhìn cái bóng của mặt trăng phản chiếu xuống nước, phản chiếu trong tư tưởng, trong đầu óc chúng ta.

Danh từ Ấn Độ "Maya" có nghĩa là "Ảo Giác". Tất cả những gì ta thấy, ta nghe đều là ảo giác; có nghĩa là chúng ta chỉ thấy bóng của mặt trăng chứ không phải là mặt trăng thật. Những gì chúng ta thấy, chúng ta nghe; chúng ta thấy nghe qua sự phản chiếu. Mắt chúng ta phản chiếu, tai chúng ta phản chiếu. Tất cả giác quan, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, đều là những cái gương phản chiếu sự vật, đưa đến sự sai lầm, ảo giác.

Chân Lý không bao giờ xảy ra khi chúng ta chỉ biết nhìn cái bóng

phản chiếu trong gương; Chân Lý chỉ đến khi tấm gương bị đập nát đi, thùng nước vỡ đi, nước không còn, sự phản chiếu biến mất.

Giác Ngộ đến thật đột ngột, bất thành linh. Giác Ngộ có thể ví như một tai nạn xảy đến đột ngột. Chúng ta không thể đoán trước tai nạn sẽ xảy ra lúc nào. Nếu chúng ta có thể biết chắc tai nạn sẽ xảy ra, thì đó là sự sắp đặt, không phải là tai họa. Giác ngộ cũng vậy. Chúng ta không thể sắp đặt chờ đón giác ngộ sẽ đến thế này thế kia. Không, không bao giờ có chuyện như thế cả. Đột nhiên, chúng ta tỉnh thức; đột nhiên, chúng ta giác ngộ. Thế thôi. Khi Bồ Tát Sĩ đạt Ta chứng đắc quả Phật, có phải ngài vẫn là con người cũ không? Không, con người cũ không thể chứng đắc. Con người cũ đã hoàn toàn chết đi, thành con người mới, một con người hoàn toàn mới. Thái tử Sĩ đạt Ta, người đã từ bỏ cung vàng điện ngọc, từ bỏ vợ đẹp con thơ, không còn nữa. Cái "Tự Ngã" của thái tử Sĩ đạt Ta không còn nữa. Cái "Tri Thức" của Sĩ đạt Ta không còn nữa. Con người cũ đã chết, cái thùng nước cũ đã vỡ. Bây giờ, là hoàn toàn một con người mới, một cái tên mới, chúng ta gọi Ngài một cái tên mới - Đức Phật - Bạc Giác Ngộ. Cái tên cũ "Sĩ đạt Ta" không còn thuộc về người này nữa. Nhưng hãy cẩn thận coi chừng! Khi tôi ví dụ giác ngộ cũng giống như một tai họa bất ngờ, tôi không có ý nói là bạn không nên làm gì cả. Đó không phải là ý nghĩa xác thực của lời tôi nói. Nếu bạn ngồi yên không làm gì cả, lẽ dĩ nhiên tai nạn không xảy ra, giác ngộ không xảy ra. Ví dụ tai nạn chỉ xảy ra cho những người chạy xe nhanh quá hay ẩu quá; cũng vậy giác ngộ chỉ xảy ra cho những người công phu tinh tấn nhất. Nhưng điểm khác biệt là thế này: cái hành động chạy xe nhanh không phải là cái Nhân của tai nạn mà đó là cái Duyên đưa đến tai nạn; công phu tham thiền miên mật không phải là cái Nhân của giác ngộ. Vì thế, Đức Phật không thể nói khi nào giác ngộ sẽ đến với bạn. Có nhiều người đến hỏi tôi như vậy, và tôi trả lời họ "sắp tới rồi". Câu trả lời đó chẳng có ý nghĩa gì; "sắp tới" có thể sẽ là phút tới, có thể sẽ là ngày mai, có thể sẽ xảy ra trong nhiều kiếp sau, vô hạn. Bạn không thể đoán trước được. Bạn cứ việc làm, cứ việc tham thiền, cứ việc tu học. Đừng mong cầu, đừng ngóng đợi, đừng trông chờ. Cái gì đến sẽ đến. Bạn cứ an nhiên sẵn sàng trong tỉnh thức đón nhận cái gì đến với bạn. Vì nếu bạn không ở trong tư thế sẵn sàng, nếu bạn mơ ngủ thì có thể điều kỳ diệu sẽ tới và vụt tới, mất

dấu. Ngay cả khi bạn sẵn sàng, bạn vẫn phải chờ đón. Bạn không thể bắt buộc giấc ngộ phải xảy ra, bạn cũng không thể mong giấc ngộ tới. Nếu bạn có thể bắt buộc, thì tôn giáo sẽ chẳng khác gì một môn khoa học. Đó là điểm khác nhau cơ bản giữa tôn giáo và khoa học. Khoa học có thể tạo ra những phản ứng hóa học, những kết quả vì nó tùy thuộc vào nguyên nhân. Khoa học có thể tạo ra sự vật vì nó tìm ra được cái nhân, ví dụ như: nếu bạn đun sôi nước lên 100 độ thì nước bốc hơi. Bạn biết chắc chắn rằng khi nước đun sôi tới 100 độ thì nước tự nhiên sẽ bốc hơi hay nếu bạn pha trộn hai nguyên tử oxy và hydro thì bạn sẽ tạo ra nước (H_2O). Bạn có thể tạo ra những phản ứng hóa học bạn muốn. Khoa học là môn học nghiên cứu tìm ra nguyên nhân vạn vật.

Tôn giáo thì khác, cơ bản rất khác, và tôn giáo không bao giờ trở thành một môn khoa học theo nghĩa đơn thuần của danh từ "khoa học", bởi vì tôn giáo đi tìm cái không cùng, cái không nhân, tôn giáo đi tìm sự Chuyển Hóa Tuyệt Đối.

Bạn có thể hỏi ngược lại tôi rằng : "Nếu giấc ngộ xảy ra đột ngột, không biết trước được lúc nào giống như tai nạn xảy đến đột ngột như lời ông nói thì cần gì phải thiền? cần gì phải tham cứu? Cứ đơn giản ngồi chờ nó tới!" Không, sự chờ đợi của bạn không phải là sự chờ đợi biếng lười như vậy. Sự chờ đợi của bạn phải là sự chờ đợi tích cực, tươi mát, sống động. Bạn không nên ngồi chờ thụ động như một xác chết được; luôn luôn bạn chờ đợi trong tỉnh thức, trong chánh niệm, sống động và tươi thắm. Chỉ có trong trạng thái hồn nhiên tỉnh thức đó, điều kỳ diệu nhiệm màu sẽ xảy ra cho bạn. Có bao giờ bạn quan sát cuộc đời và nhận xét rằng vạn sự vạn vật trên thế gian này đều vô thường, không chắc chắn, duy chỉ có cái chết chắc chắn sẽ đến với tất cả chúng sanh hữu tình không? Tất cả sự vật vật đều vô thường, không chắc thật! Tình yêu cũng vậy, không có cái tình yêu bất tử. Chỉ có một điều chắc chắn: đó là cái Chết, và sự chắc chắn thuộc về cái Chết, không phải thuộc về sự sống đâu, bạn ạ. Nếu bạn đang đi tìm Sự Sống Vĩnh Cửu, hãy sống cởi mở, an nhiên, bình dị ngay từ phút giây tỉnh thức này.

Tôi muốn kể cho bạn nghe về ni cô Chyonọ Trước khi xuất gia, Chiyono là một giai nhân tuyệt sắc. Sắc đẹp diễm lệ của cô quyến rũ đến nỗi khi cô muốn đi tu, đến nơi nào cô cũng bị từ chối vì các đại

sư e ngại sắc đẹp của cô sẽ làm các vị sư khác đắm nhiễm mê say. Cuối cùng, Chiyono quyết định táo bạo là đốt phòng gương mặt cô thành sẹo để không một ai mơ tưởng nữa. Từ đó, Chiyono sống yên trong một tu viện. Cô đã tinh tấn chiến đấu không ngừng với bản thân. Cô đã tu học tham thiền 10 năm, 20 năm, 30 năm, 40 năm liên tục không mệt mỏi, và đột ngột, một đêm kia, "kẻ lạ mặt" mà Chiyono đã cố công tìm kiếm đến gõ cửa nhà cô.

"Bất thành linh, giây thừng đứt, thùng nước rơi, Nước đổ ào ra, bóng trăng biến mất - và Chiyono hoát nhiên đại ngộ".

Chiyono đang ngắm bóng trăng - bóng trăng thật đẹp, vì chúng phản chiếu cái Đẹp Tuyệt Đối. Thế gian này cũng rất đẹp vì nó là cái bóng phản chiếu Thượng Đế, phản chiếu cái Đẹp Thiên Liêng. Ngoài thế gian, chúng ta không thể nào tìm ra cái Đẹp Tuyệt Đối. Những người đi tìm cái Đẹp Tuyệt Đối hay Chân Lý không bao giờ nhầm lẫn cái Thật và cái bóng phản chiếu. Anh ta không phủ nhận cái bóng, không chối bỏ nó, nhưng anh ta không đắm nhiễm nó, không nhầm lẫn nó với cái Thật. Anh ta mượn nó để tìm đến cái Thật, tìm thấy cái Thật.

"Chiyono ngắm bóng trăng phản chiếu trong thùng nước. Bỗng nhiên, giây đứt, thùng rơi, bóng trăng biến mất".

Chiyono ngược mắt nhìn lên trời - vành trăng tròn thực sự đang ở trên cao. Hoát nhiên Chiyono trực nhận rằng tất cả những gì cô ta thấy nghe đều là ảo ảnh, sai lầm - vì cô ta thấy nghe qua tri thức.

Nhưng, hãy coi chừng. Đừng đi theo Chiyono. Chiyono không phải là bạn. Bạn không phải là Chiyono. Cái hoát nhiên chốn ngộ đó sẽ không xảy ra cho bạn đâu. Chiyono là Chiyono; bạn là bạn. Mục tiêu giải thoát vẫn là một, nhưng không có phương cách nào giống phương cách nào; không có sự chốn ngộ nào giống với sự chốn ngộ nào. Không ai có thể là Chiyono thứ hai được. Thế giới không bao giờ lập lại. Chiyono chỉ sanh ra một lần, và không bao giờ có một Chiyono nữa. Bạn không thể lập lại hay bắt chước, vì bạn không phải là Chiyono. Mỗi người tu tập một pháp môn; mỗi người tự thân chứng lấy một cách.

Ngay hình tượng Đức Phật cũng vậy. Bạn có thể ngồi kiết già thiền định như Đức Phật, dưới cội cây Bồ đề, y như Phật đã ngồi, mà thậm chí có thể bạn ngồi hay hơn Phật nữa kia, nhưng mãi mãi bạn không

bao giờ trở thành một Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thứ hai. (bạn có thể thành Đức Phật X, Đức Phật Y... nhưng không thể là Phật Thích Ca Mâu Ni).

Sự kiện Đức Phật Thích Ca ngồi dưới cội cây bồ đề là một sự kiện ngẫu nhiên. Nếu Phật không ngồi ở đó mà đi thiền hành hoặc ngồi ở cội cây khác thì Phật vẫn đạt ngộ như thường. Chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên Đức Phật đến dưới cội cây bồ đề và thiền định. Hình tượng không quan trọng; cây bồ đề không phải là nguyên nhân giác ngộ, cái dáng ngồi kiết già không phải là nguyên nhân giác ngộ - đó chẳng qua chỉ là những duyên đưa đẩy đến sự giác ngộ của Phật Thích Ca.

Đừng bao giờ mù quáng chạy theo bắt chước một ai, dù người đó là Đức Phật. Không phải bạn ngồi kiết già như Phật mà bạn mà bạn có thể thành Phật. Thực sự là chúng ta nên tu tập theo những lời dạy của Phật nhưng chúng ta vẫn phải tự mình chứng đạt, tự mình tìm ra tự tánh chân thật tự xưa của mình. Mỗi người chứng nghiệm một cách. Đức Phật, Lão Tử, Mahavira, Krishna hay Zarathustra - không có ai gánh nước như Chiyono mà giác ngộ. Trước và sau Đức Phật Thích Ca, không có ai ngồi dưới cây bồ đề mà giác ngộ.

Vì thế, đừng đóng khung trong lễ thói, trong kinh điển, v.v... Hãy tỉnh thức và suy nghiệm! Đó là con đường duy nhất để thực hành, để chứng đạt. Tỉnh thức trong từng sát na, tỉnh thức trong từng hành động, ý nghĩ.

"Bất thành linh giây từng đứt,

Không còn nước, không còn trăng trong nước,

Tay tôi rỗng không, chẳng có vật gì,

Tâm tôi rỗng không, chẳng có vật gì".

Đó chính là những gì mà Đức Phật chứng ngộ; đó chính là định nghĩa một vị Phật là gì.

"Không - vạn vật giai không".

"Không" không có nghĩa là không có gì, phủ định. "Không" có nghĩa là "Có" - "Có" có nghĩa là "Không". "Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc, Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc" (Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Sắc tức là Không, Không tức là Sắc)... (Bát Nhã Tâm Kinh)

"Không" trong tay có nghĩa là suối nguồn giác ngộ trong tay Vạn vật

giai không, không có cái tướng của ta, không có cái tướng của người, không có tướng chúng sanh, không có tướng lãnh thọ của chúng sanh (Kinh Kim Cang).

Và một khi bốn tướng đó đều là Không thì bạn chạm tới bộ mặt thật của Thiền rồi vậy.

Và Chiyono đã tìm ra: "Không Nước - Không Trăng"

"Tay tôi rỗng không

Tâm tôi rỗng không... "

Osho

10 Mẫu Truyện Thiền cho Đời Sống Thường Nhật Con Người
Dịch giả Thích Nữ Minh Tâm

Câu truyện thiền số 2

TRANH LUẬN TÌM MỘT CHỖ TRỌ QUUA ĐÊM

Theo truyền thống Thiền Nhật Bản ngày xưa, những tăng sĩ đi vân du khắp nơi, nếu muốn ngủ trọ qua đêm ở một ngôi chùa hay tịnh xá nào, đều phải thắng cuộc tranh luận tay đôi với vị sư thường trụ ở đó. Nếu không thắng được, vị du tăng đó phải đi, không được phép ở lại, dù chỉ có một đêm.

Câu truyện xảy ra tại một ngôi cổ tự phía bắc Nhật Bản. Trụ trì ngôi chùa đó là hai anh em một nhà sư. Người anh rất thông thái, biện luận vô cùng thiện xảo, còn người em lại ngớ ngẩn, lù khù và còn chột một mắt.

Một đêm nọ, có một vị du tăng đi ngang qua, muốn xin vào nghỉ tạm qua đêm. Nhà sư anh, quá mệt mỏi vì đã học hành suốt ngày, nên sai nhà sư em ra tiếp khách và tranh luận với vị du tăng theo truyền thống. Trước khi nhà sư em đi ra ngoài, Sư anh dặn dò:

"Này, đệ đòi hỏi là phải tranh luận trong im lặng đó nhé. Đừng có nói, kéo dài không lại người ta đó."

"Huynh yên tâm đi, để đó cho em!"

Độ một thời gian ngắn sau, vị du tăng xin gặp nhà Sư anh, vái chào và xin ra đi. Ông ta đã bị khuất phục và hết sức tán thán tài hùng biện của nhà Sư em.

Nhà Sư anh nói:

"Trước khi đi, xin Ngài thuật lại cho tôi nghe cuộc tranh luận thế nào?"

"Rất hay, tuyệt, vị du tăng trả lời, này nhé, trước hết tôi giơ một ngón tay lên ý tượng trưng Đức Phật. Sư đệ của ngài đưa 2 ngón tay lên có nghĩa là Đức Phật và Phật pháp. Tôi lại đưa 3 ngón tay lên có ý nói Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng) số một. Sư đệ thông minh của ngài đưa nắm tay lên dứ vào mặt tôi có ý nói là cả 3 (Tam Bảo) đều qui về một. Một là tất cả, tất cả là một. Tuyệt, tuyệt, sâu xa, sâu xa, Đại Thừa, lý rốt ráo đại thừa đấy. Tôi cam lòng bái phục."

Vị du tăng ra đi, rất hể hả như đã học được một điều gì tuyệt diệu.

Lát sau, nhà sư em vào gặp anh, đáng diệu còn có vẻ bức bối vô

cùng.

Vị Sư anh nói:

"Ta biết là đệ đã thắng cuộc tranh luận này."

"Thắng cái gì, cái tên du tăng đó thật là thô lỗ hết sức, nếu đệ không nhớ lời sư huynh dặn bảo là phải cố gắng nhẫn nại, nhã nhặn và lễ độ với khách thì em đã cho hắn một bài học thích đáng rồi."

"Sao, đệ thuật lại cho ta nghe sự việc như thế nào?"

"Này nhé, khi hắn ta vừa thấy em, hắn liền đưa một ngón tay lên có ý chế diễu em chợt hết một mắt; em cố dằn cơn giận, đưa 2 ngón tay lên khen là hắn có phước, đầy đủ 2 con mắt. Thế mà hắn lại có ý trêu người em nữa chứ, hắn đưa 3 ngón tay lên, có ý nói là em và hắn ta, hai người nhưng chỉ có 3 con mắt thôi. Em bực quá, dơ nắm tay đấm lên dứ vào mặt hắn có ý cho hắn biết là "Này, vừa phải thôi ghen, lộn xộn là ăn đấm đó." Hắn chợt dạ, có vẻ ngán nên vái chào rút lui có trật tự. Thiệt là tăng sĩ gì mà thô lỗ hết sức!"

Nhà Sư anh trợn mắt, lắc đầu và ôm bụng lăn ra cười ngất.

"Ha ha ha! Ha ha ha!"

Qua câu chuyện vui trên, ta thấy tất cả những cuộc tranh luận thực ra đều sai lệch, kịch cỡm, bởi vì không một ai có thể đạt tới chân lý qua tranh luận cả. Những vị tăng sĩ Nhật Bản tranh cãi nhau, hơn thua nhau chỉ để khoa trương tự ngã và cái giải thắng là "ngủ trọ qua đêm". Chỉ có một đêm ngủ trọ thôi mà người ta hăng hái, hùng hổ tranh chấp với nhau. Nhưng đó là truyền thống và người ta nhắm mắt tuân theo truyền thống. Hàng ngàn năm qua, tại bất cứ một thiền viện Nhật nào, nếu bạn muốn ngủ trọ qua đêm, bạn phải thắng cuộc - và sau đêm đó, sáng mai, bạn lại khăn gói ra đi - nhưng nhiều người đã tự lừa dối mình rằng đã đạt tới chân lý, giác ngộ qua cuộc tranh luận. Họ lấy sự hơn thua trong cuộc tranh luận đó làm cái mốc đo tri thức và mức độ tu tập của họ.

Không, hoàn toàn không. Chân lý làm sao hiển hiện ra khi đầu óc bạn chứa đầy tư tưởng phải đánh gục đối phương, phải thắng cuộc tranh luận để chứng tỏ sở trường sở đắc của mình. Một khi bạn tìm cách làm sao để thắng đối phương, bạn đã là một kẻ bạo lực, dù là bạo lực tư tưởng.

Tranh luận là bạo lực. Bạn có thể giết hoặc bị giết qua phương cách đó, bạn không thể sống còn, và sự thực cũng bị giết chết qua phương cách đó. Quả thực, bạn không đi tìm sự thực, bạn đi tìm chiến thắng dưới bất cứ hình thức nào. Khi chiến thắng là mục đích, Chân lý phải hy sinh. Khi Chân lý là mục đích, chiến thắng hay vinh quang phải dẹp bỏ - và chân lý phải là mục đích, không phải là chiến thắng bởi vì nếu chiến thắng là mục đích thì bạn là một chính trị gia rồi, không phải là một người tôn giáo. Bạn là một kẻ bạo hành, đang tìm cách thống trị đàn áp người khác. Bạn cũng chẳng khác gì những kẻ đi gieo rắc chiến tranh; một là ta chết, hai là đối phương phải chết. Dù dưới dạng đấu tranh tư tưởng, thì cơ bản vẫn là tranh đấu.

Chân lý không bao giờ trở thành một sự thống trị cả; Chân lý không bao giờ hủy diệt một cái gì. Chân lý đưa đến "Tình Thương, Xả Kỷ, Khiêm Tốn" chứ không đưa đến thất bại, vinh nhục hay bề bàng.

Những người đi tìm Chân lý thực sự sẽ không chấp nhận hình thức đấu tranh. Họ không bao giờ mong muốn chiến thắng vinh quang phải thuộc về họ, chứ không thuộc về người khác. Trong chân lý, con người gặp nhau và trở thành một. Không có người chiến thắng, không có kẻ thất bại. Trong chân lý, không có một ai bị đánh ngã. Trong chân lý, chân lý là người thắng và chúng ta là người thua cuộc, mất mát. Mất cái gì? Thua cái gì? Mất cái "tự ngã nhỏ hẹp, ích kỷ, mê mờ." Thua sự "Thương Yêu Chân Thật". Nhưng nếu trong cuộc tranh luận, tôi là tôi, anh là anh, không có một nhịp cầu thông cảm bắc ngang.

Làm sao bạn có thể hiểu biết và thương yêu người khác khi bạn đang chống đối họ?

"Hiểu Biết" và "Thương Yêu" cần có sự đồng cảm, cần sự chia sẻ với nhau. Hiểu Biết có nghĩa là chịu lắng nghe người khác, tôn trọng ý kiến của họ, và chỉ khi nào bạn lắng nghe tư tưởng người khác, bạn sẽ nghe được âm thanh của gió, của chim, của vạn vật vũ trụ. Vì thế, khi bạn đang bàn thảo một vấn đề gì, đang lý luận một vấn đề gì, bạn thực sự không có khả năng lắng nghe người khác, bạn chỉ giả vờ nghe nhưng thực ra không thể nghe trọn vẹn những gì người khác nói, vì sao? Vì lúc đó, đầu óc bạn đang quay cuồng làm việc để đấu trả lại người khác, khi kẻ đó ngưng nói là bạn nhảy tới tấn công ngay. Bạn đã chuẩn bị và sẵn sàng ăn miếng trả miếng với họ.

Đúng vậy, bất cứ một cuộc tranh luận nào cũng không bao giờ mang lại một sự thông cảm đoàn kết. Càng tranh cãi, bạn càng đi xa dần chân lý. Bạn đã bị chia cắt làm đôi. Đó là lý do mà các triết gia, các luận sư không thể nào đạt tới chân lý hoàn toàn. Họ chỉ chạm tới những mảnh vỏ rời rạc của chân lý.

Ngày xưa, Chúa Giê Su đã đi du thuyết khắp nơi, nhưng tất cả những người trọn vẹn đi theo Chúa lại là những người rất bình thường, tầm thường, không có đến một người trí thức, không có đến một người học giả nào. Không phải vì thời đó không có các nhà bác học trí thức, mà trái lại, các vị học giả lừng danh thời đó không chấp nhận đường lối giáo hóa của Chúa. Họ phản ứng dữ dội, họ muốn giết Chúa. Vì sao? Vì Chúa rao giảng Tình Thương, rao giảng Hòa Bình. Chúa nói về Đức Tin trong sáng, về Tình Yêu Nhân Loại; Chúa dạy con người làm cách nào nối kết hai trái tim lại với nhau để chung sống hạnh phúc. Những gì Chúa rao giảng đã đi ngược lại truyền thống xã hội thời đó. Các nhà học giả cảm thấy khó chịu bất mãn, vì sao? Vì họ quen sống trong đấu tranh, trong tư tưởng thắng bại, trong hào quang hãnh diện phình phờ lừng gạt tâm thức họ. Tự ái bản ngã được vuốt ve mỗi khi họ tranh luận và thắng đối phương. Vì thế, không làm sao họ chấp nhận được những lời giảng của Chúa, và để bảo vệ "cái tôi" của họ, những kẻ học thức đó đã liên kết tìm cách giết Chúa - và họ đã tìm được kẻ phản bội, Judas.

Những môn đồ của Chúa đều là những người bình thường; họ là những người thợ làm giày, thợ săn, câu cá, đốn củi, cô thợ may, chị làm bếp, v.v... Chỉ có Judas là kẻ có học, một kẻ thông minh. Và kẻ thông minh học thức đó đã phản bội, đã bán rẻ Chúa với giá 30 đồng bạc. Chúa biết là nếu có phản đồ thì chỉ có Judas, vì sao? Vì trái tim chỉ có thể bị phản bội bởi đầu óc. Chỉ có Lý Trí phản bội Tình Thương mà thôi.

Đó là điểm thứ hai tôi muốn nói với bạn, muốn nhắc cho bạn nhớ trước khi tôi đi vào câu truyện là qua bức màn lô gích, qua mạng lưới tri thức, qua tranh luận, bạn đã trở thành một kẻ xa lạ với mọi người; nhịp cầu thông cảm giữa con người và con người đã gãy. Làm sao bạn có thể đạt tới Chân Lý khi bạn không thể hiểu người khác, khi đầu óc bạn chứa đầy tư tưởng đấu tranh, bạo lực? Chính cái tư tưởng bạo hành đó đã hại bạn rồi vậy.

Vì thế những cuộc tranh luận đều phù phiếm; chúng không hướng dẫn bạn đi về đâu cả. Ngay cả khi bạn đã thắng và kết thúc cuộc tranh biện thì kết quả thắng cuộc đó cũng chỉ là gượng ép mà thôi. Bạn có thể bịt miệng người khác, làm cho đối phương im tiếng, không thể tranh cãi gì được thêm nữa ngày hôm nay, nhưng chưa chắc kẻ đó đã chịu thua, chịu khuất phục hoàn toàn. Trong thâm tâm, hẳn ta sẽ nghĩ thầm rằng: "Ngày hôm nay ta tạm thua người, nhưng một ngày nào đó, ta sẽ đánh bại người." Hẳn bị đánh bại ngày hôm nay nhưng không phải là sẽ bị thua mãi mãi. Tuy nhiên, có hai việc khác nhau là nếu bạn thắng đối phương bằng trái tim thì người đó sẽ chịu thua trong hoan hỷ, an lạc và cảm phục (nên nhớ "Cảm Phục" khác nghĩa với "Khuất phục"). Người đó hoan hỷ trong vinh quang của bạn; người đó chia sẻ với bạn sự hãnh diện sung sướng; vì đó không phải là chiến thắng trong tranh đấu, không phải bạn chiến thắng ai mà chân lý thắng; cả hai chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng đều cùng san sẻ khúc khải hoàn ca Chân Lý. Không có người thắng kẻ bại. Biên giới đã xóa mất, nhịp cầu đã bắc ngang, bạn và tôi tuy hai mà một, tuy một mà hai.

Vì thế, một vị đạo sư, không bao giờ tranh biện với ai cả. Nếu thỉnh thoảng, vị đạo sư ấy tỏ vẻ như tranh luận với bạn, thì chớ tưởng lầm nhé - Ông ta chẳng qua chỉ là đang chơi chữ với bạn đó thôi! Ông ta đang thử bạn đó. Nếu bạn nóng mặt, phản ứng liền, sợ bị thua thì bạn tự biến mình thành nạn nhân của trò chơi chữ của ông ta rồi vậy. Có nhiều vị thiền sư tỏ ra thích biện luận. Rất khó mà đánh bại được họ, cũng không thể chơi chữ lại họ - nhưng thực ra, các vị thiền sư đó chỉ mượn trò chơi chữ đó để giúp bạn hâm nóng lại tâm thức, giúp bạn tỉnh cơn mê, giúp bạn rút chân ra khỏi vùng lầy chữ nghĩa. Junnaid, một người Sufi, một thời học đạo với Sư Phụ, và vị thầy đó rất ư là kỳ quặc, chuyên môn nói ngược lại những gì người khác nói, thí dụ như bạn nói "ban ngày" thì ông ta nói "ban đêm", mặc dù trong lúc đó đang là ban ngày. Tuy nhiên, Junnaid không màng cải chính lại lời Sư Phụ. Junnaid chỉ giản dị, bình thản cúi đầu trả lời: "Dạ vâng, Sư Phụ, đó là ban đêm."

Một ngày kia, Sư Phụ Junnaid gọi Junnaid lại và bảo:

"Này Junnaid, người đã thắng. Ta không thể chiêm ngòi một cuộc tranh luận nào với người. Đức tin của người thật sâu chắc, không lay

động, kiên cố. Và bây giờ, ta có thể bắt đầu thuyết giảng chân lý cho người, vì người đã sẵn sàng tiếp nhận."

Một khi con tim nói lên tiếng nói chân thật của nó, bạn đã có đầy đủ khả năng lắng nghe và tiếp nhận Sự Thật Tuyệt Đối.

Tôi lại kể cho bạn nghe một câu chuyện nữa:

"Ngày kia tại một tiểu quốc nọ, vị Tể Tướng đương triều đột nhiên bị bạo bệnh và từ trần. Vị Tể Tướng này rất tài ba lỗi lạc, khó ai sánh bằng. Cả vương quốc bàng hoàng và lo lắng. Nhà Vua truyền lệnh phải tìm gấp cho bằng được một người tài giỏi khác để trám vào chỗ trống của quan Tể Tướng cho kịp xử lý mọi công vụ quốc gia.

Lệnh ban truyền ra, mọi người từ các quan đến thần dân đều đổ mắt tìm kiếm khắp nơi. Không có một hang cùng ngõ hẻm nào bị bỏ sót, và cuối cùng họ kiếm được ba người để trình kiến nhà Vua.

Người thứ nhất là một nhà toán học, một khoa học gia lỗi lạc nhất nước. Ông ta có thể giải đáp tất cả các bài toán hóc búa nhất trong nháy mắt, chia chẻ ngọn ngành các phương trình hệ thống khoa học tân kỳ mà khó có người nào hiểu thấu được.

Người thứ hai là một nhà triết học xuất chúng. Ông ta có thể bẻ gãy mọi luận thuyết, giải đáp những vấn đề siêu hình của thế gian không một chút khó nhọc nào. Ông là người lỗi lạc nhất trong số các triết gia đương thời. Từng lời nói, câu văn của ông được mọi người khen thưởng và trân trọng cất giữ như một báu vật thiêng liêng.Ồ, Tạo Hóa còn được các triết gia vẽ vời ra hướng chi những chuyện khác. Họ ngụy tạo ra Thượng Đế, họ tạo ra ngày mặc khải, họ tạo ra đủ thứ hệ thống, lý thuyết - nhưng suy cho cùng, tất cả chỉ là bánh vẽ, họ chẳng có gì trong tay họ cả. Họ là những người thợ sắp chữ rất tài tình khéo léo, kỹ xảo; họ là những người chơi trò chơi chữ vô cùng độc đáo, đến nỗi chúng ta có cảm tưởng là mọi điều họ nói đều căn bản, chắc chắn - nhưng thực tế là những lâu đài xây trên cát mà thôi. Người thứ ba là một người tôn giáo, một người có đầy đủ đức tin, sùng bái và dâng hiến.

Ba người được tuyển chọn này tượng trưng cho ba góc độ tư tưởng và tri thức.

Nhà bác học quan tâm đến những thử nghiệm, nghiên cứu, phân tích. Tất cả mọi vấn đề phải được ông ta nghiên cứu tường tận, nếu không, ông không chấp thuận. Sự thật theo ông là sự thực đã được

kiểm chứng.

Vị triết gia là người tư duy lô gích. Nhà triết học làm việc bằng đầu óc, chứ không phải trong phòng thử nghiệm. Bộ não của các triết gia chính là phòng thí nghiệm.

Người tôn giáo thì không nhìn cuộc đời như một bài toán hay một vấn đề cần phải mổ xẻ, phân tích hay lập luận. Đối với nhà tôn giáo, cuộc đời không phải là một bài toán hay vấn đề; cuộc đời không có gì và cũng không cần phải giải quyết; chỉ giản dị thôi, cuộc đời là để "sống, sống thực thụ và thể nghiệm" trong đó.

Theo quan điểm tôn giáo, cuộc đời không phải là một vật thể. Khi bạn thử nghiệm một vật gì, bạn hoàn toàn khác với vật đó, bạn là người làm công cuộc thử nghiệm, và đối tượng của bạn là vật được thử nghiệm. Nhưng khi bạn sống với cuộc đời, hòa mình nhập thể vào cuộc đời, bạn là một với nó. Thế cho nên, nhà tôn giáo đã nói: "Trừ phi bạn phải hòa nhập làm một với cuộc đời, bạn mới có thể hiểu ý nghĩa cuộc sống, nếu không, bạn sẽ không bao giờ biết được sống là gì?"

Ba người đó được dẫn đến trình diện nhà Vua Ngài nói:

"Được rồi, các người cứ tự nhiên nghỉ ngơi 3 ngày và đến ngày thứ 4 sẽ là ngày thử thách, chỉ một cuộc thi mà thôi. Ai thắng sẽ được chọn phong làm Tể Tướng, cận thần của ta vì kẻ đó thông minh tài trí nhất."

Ba người họ lui ra và bắt đầu suy nghĩ làm việc theo cách riêng của họ. Ba ngày trôi qua là không đủ đâu vào đâu cả! Nhà khoa học bắt đầu nghiên cứu những phát minh thử nghiệm mới để sau ba ngày sẽ trình lên Đức Vua Ai mà biết nhà Vua sẽ chọn thử nghiệm nào, vì thế ông ta không tài nào ngủ được, và cũng nhất quyết không lãng phí thời gian cho ngủ nghỉ. Nếu ông ta thắng, ông ta có cả một cuộc đời để ngủ, tội gì mà ngủ lúc này? Ông ta không ngủ, không ăn vì nhiều việc phải làm quá trước ngày thi đấu.

Vị triết gia nhà ta cũng thế; ông ta ngồi trầm tư mặc tưởng đến nhiều vấn đề. Ông ta cũng không ăn, không ngủ, đi đi lại lại, ngồi đứng không yên. Bao nhiêu vấn đề trên trời dưới đất gì gì đều được bác triết gia nhà ta lôi ra mổ xẻ, nghiền ngẫm, phân tích hết.

Chỉ có nhà tôn giáo là an nhiên tự tại. Đến giờ ăn, ông ta ăn uống thoải mái. Đến lúc ngủ, ông ta đánh một giấc an lành. Khi cần cầu

nguyện tụng kinh hay tham thiền, ông ta đều thực hành cẩn mật, đàng hoàng, nghiêm túc. Ông ta thành thạo dạo chơi, ngắm hoa lá, trời mây, và cảm ơn trời đất đã ân sủng che chở cho ông; vì đối với một người tôn giáo, không cần nghĩ tới tương lai và cũng chẳng có cuộc thi cuối cùng. Từng giây phút hiện tại là cuộc thử thách, ta phải đối diện nó, chứ không phải sửa soạn chờ đón thử thách ở tương lai. Thấy như thế, nhà khoa học và vị triết gia lên tiếng: "Này, người làm gì thế? Chỉ biết ăn, ngủ, cầu nguyện thôi sao? Phí thì giờ vô ích, hãy lo tìm phương pháp giải quyết vấn đề đi chứ, sau này có cầu nguyện bao lâu mà chẳng được."

Nhà tôn giáo chỉ cười, không trả lời; ông ta không phải là hạng người thích tranh cãi.

Ngày thứ ba chậm chậm trôi qua Ngày thứ tư đến. Ba thí sinh được mời đến trình diện. Nhưng nhà khoa học không còn đủ sức đứng vững nữa. Ông ta mệt quá, hai mắt cứ dúi lại, không mở ra nổi, hai chân rã rời, bước không vững. Còn nhà triết học lồi lạc kia thì mơ mơ màng màng ở đâu đâu. Ông ta không mệt lắm nhưng đầu óc như lửng lơ phiêu bồng chốn nào, không tập trung được. Cái đầu như mớ bong bóng, rối tung mù mịt lên, câu hỏi này chồng lên câu hỏi kia, vấn đề kia chẳng biết nguyên nhân kết quả ở đâu, thế nào. Đã mấy lần ông ta muốn tháo lui vì cảm thấy không chắc ăn, bối rối hẳn lên, nhưng nhà khoa học khuyến khích: "Ấy, ta cứ thử xem, có sao đâu; nếu thắng, càng tốt, còn lỡ bị thua, cũng chẳng sao, nhưng dẹp bộ mặt đưa đám của đảng ấy đi chứ, cứ mạnh dạn lên."

Duy chỉ có nhà tôn giáo là bước tới vui vẻ, thoải mái, an nhiên. Ông ta ca hát, tiến bước vững chãi trước nhà Vua.

Nhà Vua là một người túc trí đa mưu. Ông đã sắp xếp một cuộc thi tài trí cho ba thí sinh. Vua sai người dẫn ba thí sinh vào một căn phòng, khóa lại. Ổ khóa căn phòng đó là một cái ổ khóa số đặc biệt, không có chìa - và người nào mở được cánh cửa thì thắng cuộc.

Nhà khoa học bắt đầu loay hoay tìm và viết ra hàng trăm bài toán để mở khóa; ông triết gia thì nhắm mắt lại tư duy: "Chà, vấn đề này hóc búa thật, chẳng phải chơi đâu, con số nào là con số mở khóa đây," vv và vv...

Nhà tôn giáo thì tự nhiên như không. Ông ta chẳng màng đến nhìn cái ổ khóa, cũng chẳng bóp đầu bứt tóc suy tư gì cả. Ông đâu phải

nhà toán học nên chẳng biết toán mà làm, cũng không phải là triết gia để tìm hiểu phân chia. Ông chỉ ngồi yên, cầu nguyện, hát lên một bài vinh danh Thượng Đế và đứng lên đi.

Thời gian trôi qua Một lát sau, nhà Vua bước vào phòng:

"Ô hay, hai người còn ở đây à? Người thứ ba đã đi ra ngoài từ lâu rồi."

"Nhưng sao hắn ta ra khỏi đây được? Cửa khóa mà... " Hai nhà toán học và triết gia ngạc nhiên, lắp bắp hỏi.

"Nhưng cửa đâu có khóa," nhà Vua tùm tùm cười hóm hỉnh trả lời.

Nhà toán học vùng chạy ra túm lấy áo nhà tôn giáo gặng hỏi. Ông này từ tốn trả lời:

"Tôi chỉ ngồi yên và lắng lòng cầu nguyện. Chợt tôi nghe một tiếng nói vang lên trong tôi: "Người đúng là một thằng khờ. Hãy đi đi và sẽ thấy. Cửa không có khóa." Tôi đứng lên đi về phía cửa và quả thực, cửa không có khóa."

Cuộc đời không phải là một bài toán đố. Nếu bạn tìm cách để giải đáp bài toán thì bạn đã đánh mất cuộc đời rồi vậy. Cánh cửa cuộc đời luôn mở rộng, không bao giờ khóa lại. Nếu cánh cửa bị khóa chốt thì nhà khoa học đã tìm ra đáp số rồi. Nếu cánh cửa bị khóa chốt thì những nhà triết học cũng lập ra hệ thống nào đó để mở cửa ra rồi. Nhưng cánh cửa cuộc đời không hề bị gài chốt, vì thế chỉ có Niềm Tin mới có thể đẩy cánh cửa ra mà thôi.

"Có anh em một nhà sư trụ trì một ngôi chùa phía bắc nước Nhật. Nhà sư anh rất thông thái, nhưng nhà sư em thì lại ngớ ngẩn, còn chột hết một mắt... "

Để hình thành một ngôi chùa, đền tháp, hay thánh đường, v.v... người ta cần đến hai hạng người: một hạng thông thái và một loại ngớ ngẩn. Hạng thông thái làm tu sĩ để dẫn dắt sai khiến đám ngớ ngẩn đi theo họ. Nếu trên đời này không có đám người ngớ ngẩn thì cần gì có tu sĩ, cần gì xây đền tháp, thánh đường? Và nếu hạng tu sĩ thông thái kia biến mất đi thì sẽ không còn những tu viện nữa. Một tu viện, đền tháp, chùa chiền hay thánh đường luôn cần có hai bộ mặt để tồn tại. Vì thế, bạn không thể nào tìm thấy Phật hay Chúa nơi thánh đường hay chùa tháp đâu, bởi vì Phật hay Chúa không bao giờ hiện hữu ở những nơi có hai bộ mặt đối đãi.

Những ngôi tu viện, đền tháp hay thánh đường là những phát minh

của bọn người thông thái tạo ra để khuynh loát lừa bịp những kẻ lù khù, ngớ ngẩn, dễ tin. Tu sĩ là những người khôn khéo tinh ma nhất; họ tạo ra nhiều giáo điều, hệ thống tín ngưỡng, cấm kỵ để hù dọa tín đồ; họ sử dụng những danh từ ngôn ngữ khó hiểu để loè những kẻ ít học ngây thơ; họ đưa ra những chương trình dự án có vẻ như bảo vệ sức khỏe đời sống tâm linh con người nhưng thực ra là lợi dụng vơ vét tiền bạc của tín đồ vào túi họ. Họ là những kẻ thống trị nguy hiểm nhất, và những tín đồ tội nghiệp kia là bọn người bị sai sử lợi dụng; tuy nhiên, với chiếc áo thầy tu, với hàng rào kinh điển, tín điều, bạn không thể nào chạm đến chéo áo của mấy lão thầy tu này được đâu. Bạn khó lòng lật tẩy họ được vì chính những tín đồ ngây thơ mù quáng lại là người bênh vực bảo vệ mấy thầy tu này*. (nếu bạn là một thầy tu chân chính thì sợ quái gì những lời châm chích này, phải không?)

Nên nhớ kỹ điều này: Đức Phật không bao giờ sử dụng những ngôn từ khó hiểu. Ngôn ngữ Ngài dùng để thuyết pháp hóa độ là ngôn ngữ Pàli (một ngôn ngữ bình dân của Ấn) để cho tất cả mọi tầng lớp chúng sanh đều có thể hiểu được. Phật nói rất giản dị, trong sáng; đưa ra những thí dụ dễ hiểu, dễ thâm nhập, thực tiễn trong đời sống hàng ngày của con người. Ngài gạt bỏ những hình thức cầu kỳ, những ngôn từ lập dị, những phương thức rườm rà, để mọi người trở về với bản thể chân tâm, với vũ trụ hàm linh thật mau chóng, xác thực và đúng đắn. Chúa Giê Su cũng vậy, Ngài cũng dùng những hình ảnh ví dụ đơn giản, dễ hiểu. Chúa không bao giờ dùng bất cứ một biệt ngữ tôn giáo nào. Mahavira, một đạo sư của Ấn, khi giảng pháp cho tín đồ, cũng nói bằng ngôn ngữ bình dân, thông thường.

Đức Phật và Mahavira không bao giờ sử dụng ngôn ngữ Sanskrit, vì Sanskrit là ngôn ngữ của giáo sĩ Bà la môn. Sanskrit là ngôn ngữ khó hiểu nhất, cổ xưa nhất của Ấn. Nghĩa chính của Sanskrit là "đánh bóng lại, trau chuốt lại". Bọn giáo sĩ đã cố ý sử dụng ngôn ngữ khó hiểu, cầu kỳ đó để loè những kẻ ít học; vì nếu bạn không hiểu thì bạn mới thán phục những người thông thái, hiểu biết hơn bạn chứ! Một khi bạn không hiểu, bạn sẽ cho là những ý nghĩ, những vấn đề các giáo sĩ đưa ra sâu xa, mầu nhiệm, linh thiêng, người thường không tài nào thấu triệt được - và từ sự thán phục đó, bạn dễ dàng thần tượng hóa và thần thánh hóa những "tu sĩ thông thái bác học"

đó. Trái lại, Đức Phật, một Đại Đạo Sư của trời người, một đấng giáo chủ của một tôn giáo rộng lớn khắp thế giới, một Đại Thánh Nhân, lại sử dụng ngôn ngữ bình dân của Ấn (ngôn ngữ Pali). Và Mahavira, một đạo sư nổi tiếng của Ấn, thì dùng ngôn ngữ Prakrit, một hình thức ngôn ngữ còn phôi thai của Sanskrit, không có văn phạm rắc rối, không có từ vựng nhiều.

Tôi kể cho bạn nghe một câu chuyện vui:

"Ngày kia, Mulla Nasrudin đi khám bệnh. Ông Bác Sĩ viết toa thuốc bằng tiếng La Tinh và Hy Lạp. Ông ta viết thâu đến độ Mulla đọc không được một chữ nào cả (Bác Sĩ nào cũng vậy!)

Mulla hỏi Bác Sĩ:

"Này Bác Sĩ, thôi thẳng thắn với nhau đi. Ông cứ nói bệnh của tôi, đừng viết chữ La Tinh hay Hy Lạp gì cả, đọc chẳng được một chữ nào."

"Nếu ông khẳng khẳng muốn biết, thì tôi nói cho ông rõ là ông chẳng có bệnh gì cả; ông chỉ có bệnh lười mà thôi" bác sĩ điềm nhiên trả lời.

Mulla nói:

"Được rồi, cảm ơn. Thôi, bây giờ ông viết toa thuốc lại bằng tiếng La Tinh hay Hy Lạp gì gì cũng được, để tôi đưa cho gia đình tôi xem."

Qua câu chuyện vui trên, ta thấy những bọn thông thái luôn tìm cách lừa phỉnh mọi người. Đó cũng là lý do bọn này phản bội, quay lưng làm ngơ hay chống trái lại Đức Phật, Chúa hay Mahavira. Nếu bọn giáo sĩ này cũng dùng những phương pháp giảng dạy dễ hiểu, bình dị và sống trung thực chân chánh như các Thánh Nhân thì họ đâu còn chỗ đứng nữa. Họ đâu còn được người khác tôn sùng ve vuốt nữa? Bọn giáo sĩ tự cho mình là người có đủ khả năng hiểu được ngôn ngữ của Thượng Đế; mình là người duy nhất làm gạch nối giữa con người và Thượng Đế. "Này, anh muốn gì? Muốn cầu xin hay than thở với Thượng Đế hả? Có ta đây, ta sẽ nói tiếng Sanskrit với Ngài, ta sẽ phúc trình lên Thượng Đế những gì anh mong muốn, và anh phải "biết điều" đấy nhé. Chỉ có mình ta giúp anh được thôi; chỉ có mình ta nói tiếng Sanskrit; Thượng Đế chỉ hiểu Sanskrit mà thôi!" (và lẽ dĩ nhiên, "biết điều" có nghĩa là phải trả tiền đấy, nhiều hay ít tùy theo lời cầu xin của bạn dài hay ngắn nữa đấy.)

"Có hai anh em nhà sư nọ trụ trì một ngôi chùa ở phía bắc Nhật Bản. Nhà sư anh rất thông thái, còn nhà sư em thì lại ngớ ngẩn lù khù còn

chột một mắt nữa... "

Cái hình ảnh "một mắt" trong câu truyện biểu trưng cho cái gì nhỉ? Có phải chẳng là những kẻ dễ tin, ngây thơ thì luôn luôn chỉ có một hướng, một bộ mặt mà thôi. Họ không bao giờ do dự, đắn đo, suy tư, thắc mắc hay nghi kỵ. Đối với bất cứ một vấn đề gì, những kẻ tài trí thông minh luôn luôn chia chẻ, phân tích, mổ xẻ nghiên cứu. Trong thâm tâm những hạng người này, luôn luôn có sự dằng co, mâu thuẫn, xâu xé nhau. Cái nào sai? Cái nào phải? Cái nào có lợi, cái nào không?

Những kẻ thông thái có học là những kẻ có hai bộ mặt - hai mắt. Và khi ta nhìn kỹ những kẻ ngây thơ lù khù kia, ta lại thấy họ thánh thiện, trong sáng hơn bọn bác học thông thái nhiều. Cái nét trong sáng, giản dị, hồn nhiên đó toát ra từ tấm lòng chân thật thẳng thắn không đắn đo nghi kỵ. Còn hạng tài trí lịch lãm kia thì đã mất sự thánh thiện đó tự lâu rồi.

Họ là người đứng giữa trí tuệ và vô minh. Họ tưởng là họ tài trí hơn người, song thực ra, họ lại là những kẻ ngu xuẩn và thua thiệt nhiều nhất. Vì thế, đầu óc bọn thông thái bác học luôn bị căng thẳng, không bao giờ được thư giãn an lạc.

Thánh Francis ngày xưa thường bị chế diễu là một thằng khờ, "một tên khờ của Chúa". Song, nếu được là thằng khờ của Chúa còn diễm phúc hơn là cái tiếng bác học của thế nhân. Vì sao? Vì cái "Ngã" kệnh cớm, cái "Ngã" ích kỷ, đáng ghét của Francis không còn nữa, và Thánh Francis được phong Thánh vì đã diệt trừ được cái "tôi" hợm hĩnh đó.

"Tên Khờ của Chúa!" Nếu bạn đã đọc những tác phẩm văn học lớn của Dostoevsky, bạn sẽ hiểu hàm nghĩa của các chữ "Tên Khờ của Chúa". Hầu hết trong các tác phẩm Dostoevsky đều có một nhân vật mang dáng dấp một "thằng khờ của Chúa". Trong tác phẩm "Những Anh Em Nhà Karamazov", tên khờ của Chúa có mặt. Tên khờ đó rất ngây thơ, bạn có thể khuynh loát lừa bịp hắn. Ngay cả khi bạn lừa bịp hắn, hắn vẫn tin bạn như thường. Tuy nhiên, bạn phải nhớ kỹ điều này: "Bạn có thể hủy diệt con người hắn nhưng bạn không thể hủy diệt Niềm Tin của hắn - đó chính là Nét Đẹp Tuyệt Đối Nhân Bản."

Riêng bạn, bạn sẽ phản ứng ra sao khi có kẻ lừa bịp bạn? Nếu bạn bị kẻ nào đó lừa dối một lần, bạn có thể đâm ra nghi ngờ tất cả mọi người. Cũng như con chim bị tên bắn một lần, nó sợ cả giầy cung và bụi rậm. Nếu bạn bị lừa dối hai lần, ba lần, bạn sẽ hoàn toàn tuyệt vọng, mất hẳn niềm tin vào nhân loại.

"Một ngày kia, có một du tăng đi ngang qua chùa, muốn xin vào ngủ trọ. Nhà sư anh quá mệt do học hành... "

Những người thông thái luôn luôn mệt mỏi bởi chữ nghĩa. Những người lao động cũng mệt vì công việc nặng nhọc nhưng xong việc rồi, họ cảm thấy thoải mái, khoẻ khoắn hơn - còn một khi bạn làm việc với chữ nghĩa - những thứ chữ nghĩa rỗng tuếch - bạn sẽ luôn cảm thấy mệt mỏi. Dòng sông luôn chảy về phía trước, dòng sông luôn linh động, tươi trẻ, tràn đầy sinh lực. Nếu bạn làm việc trong vườn, tiếp xúc với cỏ cây hoa lá, bạn sẽ đón nhận thêm luồng sinh lực mới, bạn không mất gì cả. Bạn đi tản bộ dọc theo con đường xanh mát, bạn hấp thụ thêm tinh khí trời đất, bạn đang sống từng phút giây; nhưng nếu bạn đóng cửa phòng, găm đầu vào chữ nghĩa, suy nghĩ và suy nghĩ; dòng sông đã ngưng chảy, đã chết, và bạn chẳng còn gì ngoài sự lao nhọc tinh thần. Một người thông thái luôn mệt mỏi. Một tên khờ luôn tươi trẻ, một thánh nhân cũng luôn tươi trẻ. Tên khờ và vị thánh nhân thật có nhiều đặc tánh giống nhau.

"Nhà sư anh nói với sư đệ hãy ra ngoài tranh luận với vị sư khách, nhưng dặn dò sư đệ là phải tranh luận trong im lặng... "

Vì sao? Vì sư huynh biết chắc rằng sư đệ mình là người ít học, không biết nói gì, vì thế phải tranh luận bằng cử chỉ trong im lặng để không ai có thể đoán biết được ý nghĩ. Do đó, im lặng là vàng; nếu bạn là một kẻ ngốc, nên im lặng - nhưng nếu bạn là bậc Thánh, bạn cũng nên im lặng luôn.

Một người "Trí Tuệ" sẽ im lặng vì hẳn ta biết rằng sẽ không thể diễn tả sự hiểu biết bằng ngôn ngữ. Kẻ ngu cũng im lặng vì nếu lỡ nói ra điều gì sẽ bị chê cười ngay. Kẻ ngu có thể lừa bịp mọi người bằng cách im lặng, nhưng nếu hẳn há miệng ra thì sẽ bị lật tẩy ngay. Nhà sư Anh biết sư đệ mình ngớ ngẩn nên đã dặn phải đòi tranh luận trong im lặng để không bị người khác biết cái tẩy ngu dốt của mình. Do đó, vị du tăng thông thái kia đã bị đánh bại phải đi nơi khác vì đã lọt vào cái bẫy của nhà sư Anh.

Những người thông thái bác học đều mắc phải cái bệnh hay nói - nói rất nhiều để phô trương cái giỏi cái hay của mình; cho nên khi không được nói; họ không biết xoay sở thế nào? Đột nhiên, tất cả những năng lực sở trường đó của họ biến mất. Trong im lặng, họ trở thành những con cừu, con dê ngơ ngẩn, ngơ nghếch; ngơ ngẩn hơn cả những kẻ ngu thực sự. Ngay cả kẻ ngốc cũng có thể đánh bại họ. Họ đã bị tách ra khỏi cái thế giới chuyên môn của mình nên đâm ra lúng túng, khó xử. Thực tế, thật khó khăn cho một người học thức phải giữ im lặng, không được nói gì cả. Vị du tăng kia cũng vậy, ông ta phải đi tìm chỗ trọ khác, phải tìm một nhà sư chịu tranh luận qua ngôn ngữ, qua học thức.

Những động tác, cử chỉ của chúng ta rất sống động. Khi chúng ta đưa tay lên hay ngó ngoáy cái đầu, cả con người chúng ta cử động theo đó. Khi chúng ta nhìn một người hay một vật nào, cả con người chúng ta chú mục đến đối tượng đó. Khi chúng ta bước đi, chúng ta bước đi với cả thân người chứ không phải chỉ có đôi chân di động. Nhưng đầu óc thì khác, nó có thể hoạt động liên tục khi chúng ta ngồi yên hay nằm ngủ. Vì thế, nếu chúng ta muốn tìm hiểu một người nào, đừng nghe những gì hắn nói mà hãy nhìn kỹ những hành động của hắn: cách hắn ta vào phòng thế nào, đóng cửa thế nào, ngồi ra sao, đi đứng, ăn uống, nhìn ngó, v.v thế nào. Có nghĩa là chúng ta hãy quan sát mọi hành động của hắn. Những cử chỉ của hắn sẽ nói rõ cho chúng ta biết bản chất của hắn, tư cách của hắn. Qua đó, chúng ta biết rõ sự thật con người của hắn không bị tô màu hay phủ lên lớp vỏ tri thức nào.

Tôi đã thử nhiều người qua phương thức đó. Tôi nhìn hành động của họ chứ không quan tâm đến những lời họ nói. Những người đó có thể cúi đầu xuống chạm chân tôi để tỏ lòng kính ngưỡng, nhưng cả con người họ toát ra cái mùi Bản Ngã to lớn đậm nét vô cùng, vì thế cái cử chỉ cúi đầu chạm trán đó rõ thật vô dụng, giả trá. Những con người đó cố dấu cái bản ngã của họ nhưng rõ ràng họ đang tự lừa dối mình, lừa dối người. Họ không có sự thành thật nên không làm rung cảm được ai cả.

Soren Kierkegaard từng nói: "Trước kia, khi tôi bước vào nhà thờ, tôi hay nói lắm. Tôi luôn nói chuyện với người này, hay than thở cầu xin việc nọ việc kia. Nhưng rồi, tôi cảm thấy thật khờ khạo làm sao khi cứ

lê thê dài dòng than vãn thờ dài nói đủ thứ chuyện trên trời dưới đất với Thượng Đế. Con người có cố tật là thích nói nhiều về mình hơn là lắng nghe người khác nói, cho nên khi đến với Chúa, với Thượng Đế, con người cũng đem cái tật xấu đó ra mà kể lể, hẳn không cho Chúa có một cơ hội nói chuyện với hẳn; cho nên khi có dịp ta đứng trước Chúa, tốt hơn hết là ta nên lắng nghe Chúa nói."

Và Kierkegaard không kể lể nữa, rồi dần dần ông ta không cầu nguyện nữa. Ông ta chỉ vào thánh đường, ngồi yên lặng, ngồi thật yên lặng; nhưng trong sự Tuyệt Đối Im Lặng kia, Tiếng Nói Nội Tâm bắt đầu lên tiếng.

Khi bạn thực sự quay về lắng nghe "Tiếng Nói Nội Tâm", bạn sẽ đi vào một thế giới hoàn toàn khác lạ cái thế giới mà bạn đang sống.

Kierkegaard không còn đi nhà thờ nữa. Có người đã hỏi: "Sao ông không đi lễ nữa vậy?" Kierkegaard đã trả lời: "Bây giờ tôi đã hiểu nhà thờ là gì; nó có nghĩa là Im Lặng và Lắng Nghe. Và khi tôi đã làm được hai việc đó rồi, nhà thờ đối với tôi không còn cần thiết nữa. Tôi có thể im lặng và lắng nghe bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào. Những nơi cầu nguyện luôn đông người quá, họ đến để phô trương bề ngoài, đến để tán dóc, gặp gỡ nhau hơn là cầu nguyện. Họ làm phiền, quấy rầy tôi quá. Vì thế, tốt hơn hết là hãy ngồi dưới gốc cây, dưới bầu trời, độc thoại và lắng nghe"

Thượng Đế có mặt khắp mọi nơi, không phải chỉ ở tại thánh đường hay đền thờ. Một khi tâm hồn chúng ta an tĩnh, không lăng xăng vọng động thì Thượng Đế và chúng ta đã gặp nhau rồi vậy; không cần phải đến nhà thờ thấy tượng Chúa hay vào chùa thấy tượng Phật mới là gặp Phật, gặp Chúa. Tuy nhiên, không phải ai cũng có khả năng thấu triệt được điều đó; cái "Tự Ngã" rườm rà đã che dần đi nét hồn nhiên thánh thiện của tâm hồn chúng ta. Để rồi từ đó, chúng ta luôn suy diễn hành động lời nói người khác qua sự ước đoán của mình; nếu lệch lạc sai lầm ít thì dẫn đến nghi kỵ, mất đoàn kết, không hòa hợp; nếu sai lệch nhiều thì đưa đến xung đột va chạm nhau từ người và người rồi đến đoàn thể, xã hội, quốc gia; cũng như vị du tăng và nhà sư chột mắt đã suy diễn cử chỉ của đối phương qua trình độ tư duy và óc tưởng tượng của mình. Vị du tăng đưa một ngón tay lên có ý nói tượng trưng cho Đức Phật, nhưng nhà sư chột mắt lại nghĩ là người kia đang chế diễu sự khuyết tật của mình. Ông ta đưa

hai ngón tay lên tỏ vẻ lịch sự khen vị du tăng còn đủ hai mắt, nhưng vị du tăng với trình độ Phật pháp cao lại cho là hai ngón tay tượng trưng cho Đức Phật và Phật pháp... và cứ thế mà hai người suy đoán qua lại.

Khi ta nhìn một đóa hoa, tại sao ta không nhìn trực diện vào đóa hoa để thấy nụ hoa, sắc hoa, mà ta lại lan man suy diễn "Ồ, đóa hoa này đẹp như một người con gái xuân trinh", hay nhìn trắng tròn, ta lại tưởng tượng thấy giống như gương mặt sáng rỡ của người yêu... Đóa hoa là đóa hoa. Mặt trắng là mặt trắng. Ngón tay là ngón tay. Đóa hoa không phải là người đẹp. Mặt trắng không tình như người yêu, và ngón tay không phải là Đức Phật.

Không có ai tượng trưng cho ai và cũng không có vật gì tượng trưng cho một người nào đó. Mỗi người là hình ảnh của chính mình. Không có ai là bản sao của ai cả. Khi bạn nói ngón tay tượng trưng cho Đức Phật thì Phật là bản chính, còn ngón tay là bản sao của Phật rồi. Đức Phật không chấp nhận cái hiểu sai lệch đó và tôi, tôi cũng không đồng ý tư kiến đó của bạn.

Để tôi kể cho bạn nghe một câu truyện: "Ngày kia, có một người đàn ông tìm tới Bayazid, một đạo sĩ Sifi và hỏi ông ta một câu hỏi. Bayazid trả lời: "Hãy về đi và một năm sau ông hãy trở lại, bởi vì lúc này đây, ông đang bị bệnh. Tâm hồn ông, đầu óc ông như là một mớ bòng bong rối mù lên và tôi không thể trình bày diễn giải gì cho ông nghe được cả. Ông sẽ không lãnh hội gì đâu với đầu óc hồ lộn như vậy. Vì thế, hãy về đi và tập ngồi yên lặng, tĩnh tâm, thư thái. Một năm sau, hãy trở lại tìm tôi; lúc đó nếu tôi thấy ông có thể nghe tôi nói, tôi sẽ nói - nếu không, ông hãy đi tìm người khác."

Người đàn ông đó nghe lời, ra về và tập thực hành theo lời dạy của Bayazid - nhưng rồi, anh ta cũng không trở lại tìm Bayazid nữa.

Có người thắc mắc nên hỏi: "Sao anh không tìm Bayazid? Anh ta trả lời: "Bây giờ tôi không cần tìm hỏi Bayazid nữa; tôi đã hiểu những gì Bayazid nói."

Đó là một nghịch lý, phải không? Chúng ta phải nhận thức rõ ràng rằng khi nội tâm chúng ta chưa vững vàng thì dù chúng ta có chạy rong cố tìm kiếm hay cầu xin, van lạy thì chúng ta cũng không thấu triệt được gì; nhưng một khi chúng ta đã vững chắc sẵn sàng, nội tâm đã an tĩnh thì dù chúng ta không hỏi, không cầu thì câu trả lời đã

an bày sẵn rồi vậy.

Buồn thay! Hầu hết chúng ta đều không có khả năng sống trong hiện tại. Chỉ có chư Phật mới có khả năng sống trong hiện tại và an trú trong chánh niệm. Không có một ai hay rất ít, rất ít người có khả năng đó. Chúng ta hay quay về truy tìm quá khứ, mở rộng tương lai và bỏ quên hiện tại. Vì thế, chúng ta đã đánh mất mình mà không hay không biết.

... "Hắn đưa 3 ngón tay lên có ý nói là đệ và hắn, hai người có 3 mắt. Lúc này đệ bức quá, không lịch sự nổi nữa nên giờ nắm đấm lên đe dọa "nè, nếu lộn xộn nữa thì ta sẽ đấm vỡ mặt đó." Hắn sợ quá, bỏ đi luôn."

"Nhà sư Anh phá lên cười."

Cái cười của nhà sư Anh có thể là nụ cười giác ngộ. Cái cười đó có thể là sự chuyển hóa, là một sự thức tỉnh sâu xa màu nhiệm.

Nhà sư Anh đã thấy cả hai phía rằng vị du tăng đó không hề có ý nghĩ gì đối với sư đệ mình, và sư đệ dốt đặc cán mai của mình cũng không tài nào hiểu nổi những gì sư du tăng kia ngụ ý. Cả hai người là hai con đường ngược chiều, mỗi kẻ một hướng. Họ không bao giờ gặp nhau cả. Nhà sư Anh cười vì đã thấy rõ tâm thức con người hoạt động mạnh mẽ cỡ nào, nó có thể lèo lái con người hướng thượng hay hướng hạ, có thể thành bậc Thánh, vĩ nhân hay thành một tên cùng đinh hèn hạ, một tên đạo đức giả, đội lốt; có thể sống đúng đắn hay trái phạm đều do nó cả.

"Tâm là chủ. Tất cả đều do Tâm tạo."

Nhà sư Anh cười.

Nụ cười giác ngộ, nụ cười trọn vẹn.

Giây thùng đứt, thùng nước rơi.

Không còn nước trong thùng.

Không còn trăng trong nước.

"Tay ta rỗng không, chẳng có vật gì.

Tâm ta rỗng không, chẳng có vật gì."

Osho

10 Mẫu Truyện Thiền cho Đời Sống Thường Nhật Con Người

Dịch giả Thích Nữ Minh Tâm

Câu truyện thiền số 3

THẾ À!

"Thiền sư Hakuin rất được mọi người trọng vọng kính nể vì phong cách đạo đức thánh thiện của ông.

Một ngày kia, có một người con gái trẻ đẹp nhà gần chùa của thiền sư bỗng bị chữa hoang. Người ta không biết cha đứa bé là ai. Bố mẹ cô gái vô cùng tức giận và xấu hổ nên đánh đập tra khảo cô con gái về lai lịch tình nhân của cô. Ban đầu cô con gái không chịu nói gì cả, nhưng sau cùng vì bị đánh đập dữ dội, cô tiết lộ đó là thiền sư Hakuin.

Tin xấu đồn ra nhanh chóng. Cha mẹ cô gái giận dữ, dùng đòn lên chùa và mắng xối xả vào mặt Hakuin. Khi họ dứt lời, Hakuin chỉ thốt hai tiếng "Thế à!"

Sau khi đứa bé chào đời, gia đình cô gái mang đứa bé quẳng cho Hakuin nuôi. Trong thời này, Hakuin đã bị tai tiếng và nhiều người chê bai trách móc ông đủ điều; nhưng Hakuin vẫn thản nhiên như không, dường như câu chuyện kia chẳng có dính líu gì đến ông cả.

Hakuin chăm sóc đứa bé thật tử tế và bỗng nó đi xin sữa khắp nơi.

Một năm sau, cô gái vì cảm thấy ray rứt hối hận nên đã thú thực với cha mẹ là người cha đứa bé không phải là Hakuin mà là một chàng thanh niên làm việc ở chợ cá. Cha mẹ cô ta vội chạy lên chùa đập đầu tạ lỗi với Hakuin và xin mang đứa bé về.

Thiền sư Hakuin vẫn thản nhiên như không, thốt lên hai tiếng "Thế à!"

Đời sống thánh thiện là gì? Bạn định nghĩa trong sạch như thế nào? Thực ra, những gì bạn định nghĩa "đạo đức, trong sạch, v.v... đều không phải là sự trong sạch, đạo đức thực sự. Vì sao? Vì "Đạo Đức, Trong Sạch" mà đặt trên một tiêu chuẩn nào thì không phải là Đạo Đức hay Trong Sạch đúng nghĩa. Cái thứ đạo đức mà bạn đang nói đó chỉ là một sự tính toán, đo lường, định mức - một sự tính toán luân lý mà thôi. Cái thứ đạo đức đó không phải là đạo đức của bậc Thánh Nhân. Cái thứ đạo đức có tiêu chuẩn, có tính toán đó là thứ

"đạo đức giả hiệu", là thứ "đạo đức tối nghĩa".

Chúng ta cần phải luận bàn rõ ràng điểm này. Nếu bạn chịu khó suy nghĩ sâu xa hơn nữa với Trí Tuệ, bạn sẽ hiểu một vị Thánh thế nào, một người thông minh thế nào, một người có kiến thức thế nào. Nếu bạn hiểu đúng đắn thì tất cả sự việc sẽ diễn biến đúng; nếu bạn hiểu sai thì vạn sự đều sai.

Sự Thánh Thiện chân xác, vô tư như đứa bé con. Đầu óc một đứa bé con thật trong sáng. Đứa bé không biết phân tích, chia chẽ. Đứa bé không bao giờ tách rời và đánh giá sự kiện: đây là Chúa, đây là quỷ sứ; cái này tốt, cái kia xấu, cái này đúng, cái kia sai, v.v và v.v - nhưng sự thánh thiện đạo đức theo ý bạn là sự lựa chọn, đánh giá. Bạn đã làm một sự phân chia ranh giới Thiện Ác rõ ràng, bạn đã chia cắt thực tại và sự chia cắt đó không bao giờ dẫn đường bạn tới Chân Lý.

Sự Vô Tư Thánh Thiện chỉ nảy mầm đơm bông khi hiện hữu không bị chia cắt. Bạn đón nhận nó y như nó là. Bạn không chọn lựa, không chia chẽ, không đánh giá một sự kiện nào. Bạn phải vượt lên trên ranh giới chia hai đó, bạn phải vượt lên trên những định mức, tiêu chuẩn đặt ra bởi đầu óc hẹp hòi thiên kiến của người đời thì bạn mới hy vọng nắm bắt được Chân Lý Tuyệt Đối. Lẽ dĩ nhiên, chúng ta phải dùng trí tuệ phân biệt đúng sai nhưng đừng để bị dính mắc vào tư kiến phân biệt đó để tâm tư, tầm nhìn chúng ta không bị đóng khung vào những tiêu chuẩn định mức giả tạm. Sự việc này "đúng", "phải" là đúng phải như thế nào? Con người kia hành động "sai", "trái" là sự sai trái ra sao? Có phải chăng là do một số đông người chấp nhận đồng ý đó là giá trị luân lý xã hội thì chúng ta cho hành động này là đúng theo góc độ đạo đức này, việc làm kia sai theo góc độ luân lý kia v.v. và v.v... Những bảng giá trị định mức đạo đức luân lý đó từ đâu phát sinh ra Có phải chăng cùng từ tư kiến chủ quan của một vài người nào đó đề xướng ra và gặp may được mọi người hoan nghinh công bố.

Để tôi kể cho bạn nghe một nghịch lý như sau:

"Khalil Gibran đã viết một câu truyện thật hay, thật tuyệt: "Có một vị tu sĩ đang vội vã đi về phía nhà thờ. Ngay trên đường đi, ông ta bỗng thấy một người đàn ông sắp chết. Người này bị mất máu nhiều, đang hấp hối; có lẽ hẳn bị kẻ nào đó tấn công quá nặng - hẳn bị thương

nhiều nơi, máu me tràn lan.

Vị tu sĩ này đang gấp đi, ông ta phải đến nhà cầu nguyện đúng giờ, nhiều tín đồ đang đợi ông ta giảng đạo. Nhưng ông ta là một con người đạo đức (tôi nói ông ta "đạo đức" chứ không nói ông ta "thánh thiện"). Ông ta tự nghĩ mình sẽ làm gì trong trường hợp này. Ông ta suy tính: "Tốt hơn hết là phải cứu kẻ sắp chết này. Đó là những gì Chúa Giê Su đã dạy. Nên quên nhà thờ đi, những con chiên đi; họ có thể đợi một chút mà - nhưng kẻ này phải được giúp đỡ liền, nếu không hẳn sẽ chết mất."

Và rồi ông tu sĩ này tiến đến gần người đàn ông hấp hối đó, nhưng ngay phút ông ta nhìn tận mặt kẻ sắp chết, ông ta bỗng giật thót người lại, bàng hoàng. Bộ mặt này nhìn có vẻ rất quen thuộc, có vẻ rất ư là tội lỗi. Và ông tu sĩ này chợt nhớ là ở nhà thờ ông ta có một bức tranh vẽ tên Tội Lỗi - và đúng rồi, đúng là người này rồi. Đúng là tên Tội Lỗi, chẳng có ai khác đâu. Ông tu sĩ hốt hoảng chạy về phía nhà thờ.

Tên Tội Lỗi ngóc cổ dậy gọi lớn:

"Nè tên linh mục kia! Hãy nghe đây. Nếu ta chết, người sẽ hối hận mãi mãi đó nghe. Vì nếu ta chết đi, nếu tội lỗi không còn, thì Chúa nhà người sẽ ở đâu? Nếu cái Xấu mất hết, thì cái Tốt cũng không còn đất đứng nữa! Nhà người có mặt bởi vì có Ta, cái Tốt được nêu lên vì có cái Xấu đối lập, Chúa hay Thượng Đế, Thánh Thần hiện hữu vì có Tội Lỗi đứng kề bên! Hãy nghĩ kỹ đi!"

Ông linh mục dừng lại. Tên Tội Lỗi kia nói đúng, đúng thật. "Nếu tội lỗi không còn thì địa ngục cũng đâu có. Và nếu không có sự sợ hãi thì ai sẽ tôn thờ Chúa nữa? Tất cả những lời cầu nguyện, van xin thống thiết kia đều bắt nguồn từ sự Sợ Hãi. Bạn sợ hãi, tình yêu của bạn đối với Thiên Chúa cũng dựa trên sự sợ hãi tội lỗi và trừng phạt. Cái tốt đẹp của bạn cũng được đo lường qua sự tội lỗi. Chúa, Thượng Đế hay Thánh Thần gì gì đi nữa đều cần có tên tội lỗi này."

Tên Tội Lỗi lại lải nhải tiếp:

"Chúa cần ta đó! Tin ta đi, Chúa không thể nào không có tạ Tất cả thánh đường, đền thờ sẽ sụp đổ và sẽ không còn một con chiên, một tín đồ nào nếu không có tạ Và người sẽ không tìm thấy một người tôn giáo nào nếu ta không còn có mặt trên đời này. Ta dụ dỗ bọn chúng, ta mê hoặc con người; qua sự dụ dỗ mê hoặc của ta, các

người trở thành những tên đạo đức. Người có bao giờ nghe là có một tên đạo đức nào lại không bị lọt vào cạm bẫy của tội lỗi không? Tất cả đều bị ta dụ dỗ hết. Chính ta tạo ra bọn chúng; chính ta tạo ra bọn đạo đức đó. Hãy quay lại đây!"

Ông linh mục do dự một chút, nhưng quả thực tên Tội Lỗi ranh ma này có lý - và hẳn có lý một cách rất "người". Ông ta lắp bắp: "Ông nói có lý thật. Quả thực ông rất có lý. Chúng tôi sẽ ra sao, sẽ về đâu nếu không có ông?" và vị linh mục kia vác tên Tội Lỗi lên vai cồng hần tới nhà thương. Ông ta đợi ở đó cho tới khi biết chắc rằng tên Tội Lỗi kia sẽ qua được cơn nguy hiểm và sống sót - và một khi tên Tội Lỗi sống sót thì nhà thờ, đền đài, các tu sĩ, các tôn giáo sẽ tồn tại. Vị linh mục kia quả thực là một người đạo đức, nhưng không phải là một người thánh thiện. Cuộc đời của ông ta là cả một chuỗi dài tính toán, đo lường; và một khi bạn tính toán thiệt hơn thì bạn đã thua cuộc rồi vậy; một khi bạn chia chẻ cuộc đời ra, biến nó thành một bài toán lô gích thì không có cách gì bạn thắng cuộc được. Trận chiến giữa Ác và Thiện, giữa Tội Lỗi và Đạo Đức đã quyết định - bạn là người thua cuộc.

Một con người trong sáng vô tư không phân biệt thánh phàm, thiện ác, tốt xấu, tội lỗi hay đạo đức. Một con người trong sáng hoàn toàn sống với sự thuần khiết nội tâm, không tính toán so đo. Người đó thật giản dị, trung thực và thanh khiết. Người đó sống an lạc trong phút giây hiện tại, lúc này ngay bây giờ chứ không trôi về quá khứ hay bay bổng theo tương lai. Danh từ "Quá Khứ" "Tương Lai" không có nghĩa lý gì đối với người đó. Chỉ có phút giây Hiện Tại là quan trọng. Nhưng cái Đạo Đức của bạn... Cái đạo đức của bạn đó được cấu tạo ra bởi các vị tu sĩ và các tu sĩ đó sánh vai với tên Tội Lỗi; tên Tội Lỗi và các tu sĩ không thể tách rời, họ cần có nhau để tồn tại. Vì thế, cái vỏ đạo đức mà bạn đang đánh bóng đó không phải là sự thánh thiện, không phải là sự trong sáng vô tư. Song, nếu hễ có người nào hành xử có vẻ đạo đức theo cách bạn nghĩ thì bạn sẽ tôn sùng, vinh danh người đó ngay. Bạn sẽ gọi người đó là vị thánh, là một người đạo đức. Những vị thánh, những người đạo đức đó chẳng qua chỉ là những hình nộm được khoác áo qua sự nhận xét đánh giá của bạn. Cái tiêu chuẩn, cái giá trị luân lý định mức đó chỉ là cái vỏ che dấu sự sợ hãi, và sự trá hình đó thật khéo léo đến nỗi bạn cũng bị đánh lừa,

bạn tự lừa dối mình luôn.

Krishnamurti đã từng nhấn mạnh rằng không nên lựa chọn, không được lựa chọn gì cả; một khi bạn thích tính toán lựa chọn, bạn đã sai lầm rồi vậy. "Hãy nhận thức, hiểu biết, đừng chọn lựa so đo - ngay cả cái "Không Chọn Lựa", cũng phải vứt bỏ luôn. Hãy đơn giản hiểu rằng, những gì bạn chọn lựa so đo để hành xử đều phát xuất từ đầu óc tính toán của bạn. Cái thứ đầu óc đó chỉ có thể tạo ra những giấc mộng, chứ nó không thể nào dẫn bạn tới Chân Lý được. Chân Lý luôn luôn hiện hữu trước mặt chúng ta, không cần phải tạo ra. Chỉ cần chúng ta nhìn thật trung thực, đúng đắn; một cái nhìn không phân biệt thì Chân Lý tức thời hiện hữu.

Một con người trong sáng vô tư không phải là một chiến sĩ; người đó là vị thánh; nhưng con người của đạo đức xã hội là một chiến sĩ, không phải là thánh nhân. Dù đó là trận chiến nội tâm, bạn đang chiến đấu với chính bạn chứ không phải với người nào khác thì trận chiến vẫn là trận chiến; chỉ khác danh từ một chút là trận chiến bên ngoài hay trận chiến bên trong mà thôi; thực nghĩa danh từ chiến đấu vẫn là một với thắng bại, hơn thua, vẫn là ranh giới hai bờ đối đãi.

Con người của sự trong sáng thánh thiện đúng nghĩa không cần phải chiến đấu, không cần phải đàn áp hay bao vây cái gì. Chẳng có cái gì phải chiến đấu, chẳng có người nào cần phải đàn áp. Người đó đi đứng an nhiên tự tại vượt Không - Thời Gian, không bị ràng buộc dính mắc mà cũng không trói chèn ai cả. Tự Do Tuyệt Đối!

Nếu bạn thấu hiểu toàn triệt vấn đề, bạn mặc nhiên đón nhận mọi việc, và thái độ đón chào đó dẫn đường bạn tới sự trong sáng toàn thiện, và sự trong sáng đó cũng không cần được ai vinh danh bốc thơm cả.

Chân Lý mãi mãi vẫn là Chân Lý. Chân Thiện Mỹ mãi mãi là Chân Thiện Mỹ. Dù có hay không có ai nhắc tới thì sự thực vẫn là sự thực, không thay đổi. Tuy nhiên, đạo đức thì lại khác. Đạo đức thuộc về một quốc gia; thánh thiện thì không biên giới. Đạo đức thuộc về một thời đại nào đó; thánh thiện thì vô kỳ. Đạo đức thuộc về một xã hội nào đó, nhiều môi trường xã hội khác nhau thì có nhiều mẫu đạo đức khác nhau - nhưng thánh thiện thì chỉ có một. Dù bạn đi bất cứ nơi đâu, thánh thiện vẫn chỉ là một; như mùi vị nước biển, chỉ có một vị là

mặn, giáo lý đạo Phật chỉ có một vị là vị giải thoát. Đức Phật, Chúa Giê Su, hay Ramakrishna, những bậc Thánh vĩ đại này đều chỉ có mục đích là ban vui cứu khổ cho chúng sanh. Nhưng con người của đạo đức thì lại khác. Nếu họ là tín đồ Ấn Độ giáo thì cách hành xử của họ lại khác với người đạo Hồi, khác với người đạo Thiên Chúa. Con người của đạo đức phải theo những mẫu mã, luật lệ, qui ước của xã hội họ đang sống. Có nhiều xã hội thì khuôn mẫu đạo đức cũng có cả triệu thứ. Xã hội thay đổi thì khuôn mẫu đạo đức thay đổi. (ghi chú thêm của người dịch cho dễ hiểu: Thời Xuân Thu Chiến Quốc bên Trung Hoa, người dân lấy tôn chỉ đạo đức của Đức Khổng Phu Tử làm kim chỉ nam xây dựng xã hội, qui chế. "Tam Cương" (quân, sư, phụ) và "Ngũ Thường" (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) là gốc đạo đức, là khuôn phép hành xử của người dân. Nhưng đến nay, cơ chế thay đổi, xã hội thay đổi, cái khuôn mẫu đã được tôn trọng ngàn năm đó đã thay đổi theo thời đại, theo quan niệm mới để phù hợp với trào lưu tiến hóa của nhân loại).

Chân Thiện Mỹ thì vĩnh cửu - vượt Thời gian, Không gian, không giới hạn bởi quốc gia, dân tộc, môi trường xã hội, v.v... Chân Thiện Mỹ vượt qua tất cả những gì do con người định đặt, tạo tác.

"Thiền Sư Hakuin được mọi người xung quanh trọng vọng kính nể vì phong cách đạo đức thánh thiện của ông."

Những người đó thực sự không biết gì cả; họ không biết rằng những lời khen, tặng bốc đó không ảnh hưởng chút nào tới thiền sư Hakuin. Họ cho rằng "Hakuin là một người đạo đức" nhưng thực ra, Hakuin không phải mẫu người đạo đức theo cách nghĩ của họ. Hakuin là một người thánh thiện, một người chân tịnh. Hakuin là một người tôn giáo, và hãy nhớ sự khác biệt này - Hakuin là người đã đạt tới Chân Thiện Mỹ vĩnh cửu; nhưng mọi người xung quanh Hakuin không thể nào thấu đáo được sự khác biệt giữa đạo đức và sự thánh thiện vượt ra ngoài qui tắc đạo đức luân lý đời thường. Người ta cũng có thể nghĩ rằng Hakuin là vị thánh, nhưng Hakuin không phải là vị thánh theo quan niệm của họ. Hakuin là bậc thánh, nhưng không phải là bậc thánh theo sự đánh giá định mức của họ. Những tiêu chuẩn, qui tắc của người đời không thể áp dụng vào thiền sư Hakuin. Bạn phải quăng bỏ đi những đánh giá phán xét của bạn và chỉ "nhìn", nhìn bằng con mắt thứ ba, mắt trí tuệ, mắt nội tâm thì bạn mới thấy

được chân tướng một vị thánh.

"Một ngày kia, người con gái nhà gần chùa thiền sư Hakuin bị chữa hoang. Cha mẹ cô ta giận dữ đánh đập cô ta để tra hỏi lai lịch cha đứa bé, và cô ta đã nói đó là Hakuin. Bị cha mẹ cô gái mắng nhiếc thậm tệ, Hakuin chỉ điềm nhiên thốt lên hai tiếng "Thế à!"

Thiền sư Hakuin không chấp nhận cũng không phủ nhận. Hakuin không nói "Tôi không chịu trách nhiệm chuyện này". Hakuin cũng không nói "Tôi chịu trách nhiệm chuyện này." Hakuin chỉ điềm nhiên thốt lên hai tiếng không ăn nhập vào đâu hết "Thế à!"

"Thế à!" nghĩa là thế nào? Nó có nghĩa là một sự nhận chịu ngay cả khi sự nhận chịu đó không cần thiết phải có. Bởi vì khi bạn nói "Tôi chấp nhận" thì tận cùng thâm tâm của bạn không ưng chịu; bạn đã chối bỏ nhưng bạn ép bụng mà nhận. Hakuin không nói "Có" cũng không nói "Không". Hakuin không cần phải tranh cãi vô ích. Nếu người ta đã gán cho ông cái tội như vậy, thì nếu càng biện hộ lại càng làm cho mọi người nghi ngờ hơn. Hakuin không chọn lựa, không tranh cãi gì cả. Hãy nhớ một điều là "nếu ta càng biện hộ tranh cãi thì càng nói lên sự sợ hãi, khuyết điểm của ta vậy."

Nếu Hakuin chỉ là một vị sư bình thường, một người đạo đức bình thường, một người được coi như là vị thánh, thì Hakuin sẽ chống trả tự bào chữa ngay là ông không phải là cha đứa bé đó, rằng ông không hề phạm tội, rằng ông trong sạch, rằng ông bị người ta vu oan v.v. và v.v... ngay cả nếu ông có phạm tội, ông cũng không nhận. Một người đạo đức, một người được mọi người tôn trọng như một vị thánh, sẽ phủ nhận quyết liệt ngay nếu họ không phạm tội - nhưng Hakuin, thiền sư Hakuin không hề bào chữa, không hề biện minh điều gì, cũng chẳng nói nói lời gì ngoài hai tiếng "Thế à!"

Cái gì đã xảy ra trong tâm Hakuin? Không, không có gì cả. Hakuin chỉ lẳng lặng nghe những lời buộc tội đó, chỉ điềm nhiên nghe những lời khinh chê báng bổ đó, Hakuin không phản ứng cách này hay cách khác. Ông không nói có cũng chẳng nói không. Nội tâm không xao động, phong cách vẫn an nhiên tự tại, Thiền sư Hakuin đón nhận đứa bé với tinh thần vô quái ngại, vô úy.

Một khi ta phản ứng, một khi ta nói cái này đúng, cái kia sai, cái này có, cái kia không, thì ta đã bộc lộ sự sợ hãi của ta rồi. Chỉ có Sự Hãi mới đưa đến phản ứng chống trả lại. Còn tinh thần không sợ sệt,

không khuất lấp, không ngại ngần sẽ đưa đến bình tĩnh an nhiên trước nghịch cảnh. Vì sao? Vì chính tinh thần vô quái ngại, vô úy đó mới là sức mạnh nội tâm tuyệt đối, sức mạnh mãnh liệt của bậc siêu phàm, bậc đại Bồ Tát.

Còn chúng ta, nếu có ai xúc phạm một chút, nói dèm pha một chút là chúng ta thấy khó chịu phản ứng ngay liền. Tại sao? Tại sao chúng ta lại lo sợ mất thể diện quá vậy? Tại sao chúng ta phản ứng tức thời ngay vậy? - có phải trong tâm chúng ta có điều gì khuất lấp, có tí vết gì chẳng? Vì thế một khi có ai chạm đến, vô tình hay hữu ý, chúng ta cảm thấy đau nhói, khó chịu. Cổ nhân nói: "Thuốc đắng giã tật, sự thực mịch lòng." Sự thực làm người ta đau đớn khó chịu bởi vết thương còn đó, còn rỉ máu. Chúng ta tự biết mình có tí vết nên hễ ai chạm đến thì chúng ta không cười nổi, chúng ta phải la toáng lên nếu không muốn sự việc đổ bể ra. Do đó những kẻ đạo đức giả, những kẻ đội lốt thánh nhân rất dễ lừa bịp mọi người qua lớp áo đạo đức thánh thiện. Một khi họ đã tạo được sự tin tưởng nơi mọi người rồi thì họ nói gì, chúng ta cũng biện hộ cho họ là đúng, là phải hết. (Người ta thực quá ngây thơ đến độ tội nghiệp!). Và khi chúng ta đã hoàn toàn tin tưởng rồi thì dù kẻ đó là kẻ cắp hay một tên ba xạo thì chúng ta cũng tin kẻ đó là thánh nhân giáng phàm độ thế. Lúc đó chúng ta không e dè nghi ngại gì kẻ đó nữa, có thể đem hết tài sản tâm tư đặt vào con người đó.

Đúng vậy, một con người đạo đức giả hiệu luôn luôn tìm cách bảo vệ chính mình, luôn luôn tìm cách phô trương bộ mã quân tử chân chính; lúc nào hắn ta cũng phải che dấu bộ mặt thật của hắn dưới lớp áo sơn phết màu đạo đức hay huyền bí. Những kẻ đó không bao giờ dám vỗ ngực lớn tiếng nói mạnh rằng: "Ồ, người ta phê bình tôi như vậy à? Được rồi, tôi phải tự kiểm điểm lại xem tôi đã làm những gì và có lẽ người ta phê bình tôi đúng đấy!"

Tham Lam, Sợ Hãi, Sân Hận, Si Mê... tất cả những tánh xấu đó đều cần có bộ áo giáp che chắn bên ngoài. Trong tận cùng thâm tâm chúng ta, chúng ta phải nhìn nhận rằng chúng ta thật hèn nhát khi phải che dấu bộ mặt thật chúng ta sau lớp áo giáp đó.

Một đứa bé khi mới sanh ra nào biết cái gì là tốt, cái gì là xấu. Nhưng nó được cha mẹ dạy bảo phải biết phân biệt cái này cái kia. Nó sẽ bị phạt nếu nó làm điều gì mà người lớn cho là sai trái - nhưng với lứa

tuổi ngây thơ kia, đứa bé không tài nào hiểu được rõ ràng tốt là phải thế nào, và xấu là như thế nào mới là xấu! Tuy nhiên vì cha mẹ nó nói là xấu thì nó phải tin đó là xấu, nếu không nó sẽ bị phạt đánh đòn. Nó phải nghe lời vì cha mẹ nó có quyền uy, và dưới sự thống trị uy quyền đó, sự ngây thơ trong trắng của đứa bé bị bóp méo, vụn vò, chèn ép. Đứa bé phải tạo cho nó một chiếc áo giáp để tự bảo vệ. Nó đâm ra sợ hãi, mất tự nhiên khi bị sai bảo làm việc gì vì nó biết sẽ bị phạt nếu nó làm không đúng, hoặc sẽ được thưởng nếu người lớn cho là tốt, phải. Nó không còn tự nhiên nữa; nó không còn trong sáng ngây thơ hoàn toàn như bản chất của nó. Người ta đã nhồi nhét vào đầu óc trẻ thơ vô tư của nó một số quy luật, ước lệ, khuôn mẫu của đạo đức xã hội và nó phải tùng phục, không được có ý kiến.

Sự Ngây Thơ Trong Sáng của đứa bé đã bị "đầu độc" - và đứa bé vác lên vai những khuôn mẫu, những qui ước xã hội nặng nề đó, rồi từ từ lớn lên, nó đi vào cuộc sống với tâm trạng héo hon, nghi kỵ, ưu tư, với tâm hồn đã cằn cỗi đóng khung. Nếu nó dám bất tuân, không phục, sống theo ý muốn của nó tức thì nó sẽ bị xã hội lên án và trừng phạt. Có khi tội của nó không quá đổi nặng nề để bị xử phạt nhưng nó vẫn bị trừng phạt vì nó dám sống theo ý nó, nó dám cãi lại không phục, nó dám sống cho nó. Thế thì liệu sự trừng phạt đó có hoán chuyển nỗi con người nó hay không? Hay chỉ tạo ra những hậu quả ngược lại?

Bạn là Cha, là Mẹ. Bạn tự cho mình có quyền trừng phạt đứa con nếu nó dám cãi lời. Cũng vậy, Tòa Án Đạo Đức Xã hội sẽ trừng trị kẻ nào dám đi ngược lại bánh xe khuôn mẫu xã hội. Có khi nào bạn tự gẫm lại, nhìn kỹ lại lòng mình tại sao bạn lại trừng phạt con bạn khi nó đi ngược lại ý bạn, nó dám sống cho nó? Bạn viện dẫn lý do là bạn dạy dỗ nó, muốn nó trở thành người thế nọ thế kia và bốn phận nó phải vâng lời, nhưng thực ra không phải vì Tình Thương bạn dạy con cái mình mà chính Tự Ngã của bạn đang được vuốt ve nếu con cái bạn dễ dạy, phục tùng. Khi nó dám cãi lại thì bạn bị xóc ngay vì Tự Ngã của bạn bị va chạm nặng nề.

Nếu bạn xem lại những kinh sách cổ xưa như Cựu Ước, Kinh Koran hay những kinh sách khác, bạn sẽ thấy hình ảnh Thượng Đế, Chúa như thế nào. Trong Kinh Cựu Ước có câu: "Vâng lời là đạo đức; không vâng lời là tội lỗi." - và những kẻ nào tội lỗi phải bị đày xuống

hỏa ngục đời đời.

Nếu sự phục tùng vâng lời bị cưỡng ép đe dọa như vậy thì ngay từ lúc đầu đứa bé đã học được một bài học vỡ lòng là: phải tính toán cái gì làm được, cái gì không làm được. Nó sẽ tìm cách chinh phục bạn, ve vướn bạn, làm sao trở thành một đứa bé ngoan để được thưởng. Đứa bé đã biết đóng kịch, biết nói dối, biết che giấu lọc lừa. Nó đang bị đánh mất dần bản tánh trung thực của nó. Để tự bảo vệ, đứa bé bắt đầu sống dưới hai bộ mặt. Chúng ta cũng như đứa bé con này, luôn núp sau một nhãn hiệu, một tên gọi.

Nhà bác học Pascal thường nói: "Thế giới này đầy đầy những tên điên và những đứa trẻ con bị rơi vào tay những tên cuồng loạn ngớ ngẩn đó. Những đứa trẻ ngây thơ thánh thiện kia đã bị họ bóp méo, vo tròn và đầu độc. Một số chạy trốn qua cửa sau và trở thành những tên tội phạm. Một số chạy ra cửa trước và trở thành những nhà thông thái, kỹ sư, bác sĩ v.v... Song, những nhà thông thái và những tên tội phạm có cùng một tính chất "nổi loạn". Tên tội phạm nổi loạn chống lại những khuôn mẫu đề nặng lên hấn nhưng hấn đi sai đường nên hấn trở thành tội phạm. Sự nổi loạn của hấn đưa đến sự phá hủy, tiêu diệt. Còn các nhà thông thái hay các vĩ nhân khác cũng nổi loạn nhưng nổi loạn đúng đường, theo chiều hướng đập phá cái cũ, xây dựng cái mới; bộc lộ sự nổi loạn của họ qua sự sáng tạo và cải thiện.

... "Cha mẹ cô gái rất giận dữ, tra khảo cô về lai lịch cha đứa bé. Lúc đầu cô ta không nói, nhưng sau cô ta tiết lộ đó là Hakuin. Cha mẹ cô ta chạy lên chùa và mắng xối xả vào mặt thiền sư Hakuin. Sư Hakuin vẫn điềm nhiên nhẹ nhàng nói "Thế à!" "Khi đứa bé được sanh ra, nó bị cha mẹ cô gái đem quăng bỏ cho Hakuin. Thời gian này, Hakuin đã bị tai tiếng dèm pha rất nhiều, nhưng Hakuin chẳng quan tâm gì cả."

Đối với bậc thượng nhân, những lời tâng bốc, khen thưởng hay những lời châm biếm thóa mạ chẳng có tác động gì đến họ cả. Họ đã vượt ra ngoài những lý luận dung tục tầm thường của người đời. Còn chúng ta, chúng ta quan tâm quá đến dư luận; quan tâm quá đến ý kiến của người khác. Tại sao dư luận lại quan trọng đối với chúng ta như vậy? Tội sao chúng ta lại lo lắng đến ý kiến suy nghĩ của người khác? Bởi vì chúng ta không còn tự chủ được nữa. Từ nhỏ, người lớn đã tập cho chúng ta phải cúi đầu tùng phục nên

chúng ta cũng không còn biết mình là ai nữa. Chúng ta lệ thuộc vào người khác quá nhiều, chúng ta coi trọng dư luận quá nhiều. Nếu họ nói chúng ta đúng, tốt thì chắc chắn chúng ta như vậy. Nếu họ nói chúng ta sai, xấu thì quả thật chúng ta sai, xấu, không trật chút nào. Chúng ta tự biến mình thành nô lệ cho dư luận, nô lệ ý kiến người khác. Chúng ta thiếu can đảm để có thể dám nói "Ý kiến của họ là ý kiến của họ. Tôi là tôi, không ăn nhập dính dáng gì đến họ cả. Nếu tôi không tốt thì dù họ có dấu điểm, sơn phết cho tôi thì tôi vẫn là một người xấu. Nếu tôi tốt đẹp, dù họ có nói vạn lời đi chăng nữa thì sự thực vốn không thay đổi. Dư luận là dư luận; tôi là tôi."

Quả thực, người nào tự biết mình rồi sẽ không bao giờ bị lay động bởi những gì người khác nghĩ về họ.

"Nhu tảng đá vững chắc không lay động bởi sức gió,
Người trí không lay động bởi khinh chê yêu ghét của người thường."
(Kinh Pháp Cú).

Dư luận ý kiến người thường cũng giống như thời tiết thay đổi và không bao giờ giống nhau. Sáng nay trời có mây đến trưa thì quang đãng. Lúc này thì rực nắng chói chang, bây giờ thì lại mưa rồi. Thời tiết thay đổi bất thường, dư luận người đời cũng biến đổi như chong chóng. Hãy nhìn ông cựu Tổng Thống Hoa Kỳ Richard Nixon, mới vừa phút trước ông ta là đỉnh cao thiên hạ, phút sau ông ta bị hạ bệ liền, chẳng còn gì hết. Ý kiến thay đổi, những người từng thân cận ông quay lại chống đối ông ngay tại chỗ - cũng chính những con người đó! Họ mới vỗ tay chào đón ta, phút sau quay lại phỉ nhổ vào ta liền.

Thói thường tình đời là vậy: nhưng người đưa ta lên ngôi cao cũng chính là những kẻ sẽ hạ ta xuống thấp trước nhất. Qui luật ngàn đời đó thật chua chát, mai mỉa làm sao, phải không? Những người bốc thơm ta, khen thưởng ta nhiều nhất cũng là những kẻ sẽ phản bội, quay mũi giáo về ta trước nhất. Vì sao? Vì chính bản thân họ vốn là loại người phân biệt, kỳ thị. Họ luôn đứng giữa hai bên bờ kựa chọn, và với tư tưởng sẵn có như vậy, họ sẽ chọn cái nào có lợi cho họ nhiều nhất, lẽ dĩ nhiên.

"Hakuin chăm sóc đứa bé thật tử tế. Sư đi khắp nơi xin sữa, thức ăn và tất cả đồ cần dùng cho đứa bé. Một năm sau, mẹ đứa bé vì ăn năn hối hận đã vu oan cho Hakuin, thú thực với cha mẹ rằng cha ruột

đứa bé là một tên bán cá ngoài chợ."

Quả tình, sư Hakuin đã chịu nhiều cay đắng. Sư có thể bị chửi rủa, mắng nhiếc, khinh ghét, thậm chí có thể bị liệng đá vào người; - những người mà trước kia đã từng dâng hoa cúi đầu đánh lễ dưới chân Sư cầu xin ân phúc - nhưng Sư Hakuin vẫn thản nhiên như không, ngày ngày bế đứa bé đi xin sữa khắp nơi, mặc những lời nhiếc móc ngoài tai. Thiền Sư chỉ chú tâm săn sóc đứa bé, một linh vật đáng thương đang bị bỏ rơi. Thiền Sư ban rải tình thương vô phân biệt, tình thương của chư Phật cho đứa bé. Thiền Sư chăm sóc đứa bé thật tử tế, trước sau như một, không thay đổi.

Hối hận ray rứt vì thấy tâm tiếng của Thiền Sư bị tổn hại rất nhiều, vì nghe những lời xầm xì chê bai nhiếc móc, vì thấy những cánh cửa đóng sầm lại tàn nhẫn vào mặt Sư khi ngài bế đứa bé đi xin sữa hay thức ăn, cô gái đã thú nhận rằng cha đứa bé là một anh bán cá ngoài chợ.

"Cha mẹ cô gái hối lỗi vội vàng chạy đến xin tạ lỗi với Thiền Sư và xin mang đứa bé về. Thiền Sư Hakuin vẫn điềm nhiên thốt lên hai tiếng "Thế à!"

Thật kính cẩn thán phục một bậc chân sư, một bậc đại Bồ Tát. Trong vinh quang, hạnh phúc hay đau khổ thất bại, sống hay chết, bậc Thánh nhân không hề rung động, luôn luôn an trú trong tịch nhiên tự tại.

Hai tiếng vồn vện "Thế à!" của Sư Hakuin bộc lộ trọn vẹn sự Tỉnh Thức Chân Nguyên của bậc chứng đạo. Cuộc đời tặng ta cái gì, ta đón nhận cái đó. Nó tặng ta đau khổ và chê bai nguyên rủa, hãy dang tay ôm tất cả vào lòng. Nó tặng ta thành công hay hạnh phúc, hãy an nhiên đi đứng thẳng lưng trong vầng hào quang đó.

Và nhớ là đừng khởi niệm phân biệt gì cả. Nếu ta khởi lên một vọng niệm nào, tức thì ta bị mất thăng bằng ngay, và một khi đã mất thăng bằng, thì lẽ dĩ nhiên ta sẽ bị té ngã xuống bất cứ lúc nào.

Sự thăng bằng nội tâm chính là bản nguyên thánh thiện. Khi ta giữ được thăng bằng nội tâm, ta là bậc thánh. Khi ta không giữ được, để cho tâm thức nghiêng ngả bên này bên kia, ta dễ vướng vào tội lỗi. Nhưng hãy nhớ kỹ thế này, tội lỗi không chỉ thành hình khi ta hành động, mà nó đã nẩy mầm ngay trong ta khi ta bị mất thăng bằng - có nghĩa là quan trọng nhất đừng để bị loạn tâm, ý thức khởi lên phân

biệt. Tội lỗi thành hình ngay trong ý tưởng vừa loé lên chứ không đợi đến khi xuất phát ra hành động.

"Tâm là chủ. Tâm tạo tác ra tất cả." Nếu Thiền Sư Hakuin nói: "Được rồi. Bây giờ quý vị đã biết sự thật rồi sao?" thì Hakuin cũng tầm thường như bao kẻ phàm phu khác, vì nó có nghĩa là Sư đã chờ đợi cái giây phút mà người ta sẽ tìm ra sự thật và sẽ tìm đến ông xin lỗi, v.v.. và v.v... Nó có nghĩa là Sư Hakuin đã chờ đợi cả năm trời cái giây phút trong tương lai đó, ông đã cố gắng che đậy cái ý nghĩ là: "Một ngày nào đó, sớm hay muộn, họ sẽ tìm ra sự thật là ta không phải là cha đứa bé, họ sẽ ta lỗi với ta, danh dự ta sẽ được phục hồi, v.v..." Nếu Hakuin không phải là thánh nhân, ông ta chắc sẽ nghĩ và cầu nguyện các đấng thiêng liêng phù hộ cho ông ta sớm được phục hồi danh dự. Dù Hakuin thần nhiên bên ngoài, nhưng nội tâm ông ta đã đảo điên, mất thăng bằng rồi vậy.

Nhưng không, Hakuin không cầu nguyện cũng chẳng chờ đợi một cái gì. Đứa bé đang bị bỏ rơi, Sư dang rộng vòng tay ôm nó vào lòng, săn sóc nó, che chở nó, cho nó tình thương rộng lớn; đứa bé cần cha mẹ, Sư thương nó hơn cha mẹ ruột thương con. Suối "Tình Thương Vô Ngã" trong Sư Hakuin tuôn chảy chan hòa lên vạn vật, lên đứa bé trong từng giọt sữa đi xin, trong từng miếng cơm đạm bạc. Năm tháng trôi qua, lớp áo bốn mùa thay đổi, đứa bé lớn lên trong tình thương của Sư Hakuin - và rồi, cha mẹ đứa bé đã tìm tới, tạ lỗi và xin mang đứa bé về. Sư Hakuin vẫn điềm nhiên tọa thị trao đứa bé lại và cũng thốt lên vồn vện hai tiếng "Thế à!"

Nếu như là một người thường khác, thì họ sẽ cảm thấy đau khổ mất mát vô cùng, vì một khi ta chăm sóc thương yêu một đứa bé, hy sinh cho nó từng chút một, vui trong tiếng cười của nó, buồn trong tiếng khóc của nó thì "Ái Hữu" trong ta cũng khởi lên sự dính mắc ràng buộc. Tình thương ta ban cho nó bao nhiêu thì sự ràng buộc chiếm hữu trong ta cũng to lớn lên từng đó. Một sợi giây ràng buộc, một sự liên kết vô hình thắt chặt lại người cho và kẻ nhận.

Nhưng Sư Hakuin không mừng, không giận, không buồn; mọi biến cố trong năm qua dường như không hề tác động ảnh hưởng gì đến Sư.

Nội tâm Sư Hakuin phẳng lặng như mặt nước hồ thu, không gợn một mảy may sóng nào. Sư Hakuin có mặt trong cuộc sống, nhưng Sư là

người ngoài dòng đời phàm tục; "hoà nhưng không đồng". Bậc Bồ Tát hòa hợp với chúng sanh để hóa độ nhưng không cùng một bản chất, không bị nghiệp quả chuyển lồi. Nếu chúng ta có thể đi ngược dòng sinh tử, có thể là người đứng ngoài hí trường thiên hạ thì sớm hay muộn gì chúng ta cũng sẽ thấu triệt được "Không Nước - Không Trăng" - "Tay ta rỗng không, tâm ta rỗng không."

Hai tiếng "Thế à!" đã nói lên tất cả những gì trong lòng Hakuin. "Thế à, nếu là như thế thì được rồi."

Bậc Bồ Tát đón nhận mọi sự cố xảy ra không lựa chọn, không phản đối. Và một khi không lựa chọn phân biệt thì không có nước, không có sự phản chiếu, không vàng trắng, không bóng trắng.

Xách nước qua đây

Đai tre ải đứt,

Thùng vỡ đáy tung,

Nước ào ra hết.

Đâu còn đáy nước trắng trong,

Hư không còn lại tay không hững hờ.

Osho

10 Mẫu Truyện Thiền cho Đời Sống Thường Nhật Con Người

Dịch giả Thích Nữ Minh Tâm

Câu truyện thiền số 4

NGƯỜI CHẾT KHÔNG TRẢ LỜI

"Thiền Sư Mamiya là một đạo sư nổi tiếng. Nhưng trước kia khi ngài còn cầu pháp dưới sự chỉ đạo của Sư Phụ, ngài đã bị chất vấn phải giải đáp thế nào là "tiếng vỗ một bàn tay?" Mặc dù Mamiya đã ngày đêm gia công thiền quán về câu hỏi đó, Sư Phụ vẫn không hài lòng và đã rầy Mamiya: "Người không chuyên tâm cần cầu tu học gì cả. Người dính mắc nhiều quá vào lợi dưỡng, danh vọng- và nhất là vào tiếng vỗ một bàn tay. Tốt hơn hết là người nên chết quách đi cho xong."

Lần khác, Mamiya lên gặp Sư Phụ và khi được hỏi về công án đó, Mamiya lăn quay ra đất, thẳng cẳng giả bộ như người chết.

Sư Phụ hé mắt nhìn hỏi:

"Ừ, người đã chết rồi, vậy tiếng vỗ một bàn tay là thế nào?"

Mở mắt ra, Mamiya trả lời:

"Ồ, con vẫn chưa giải đáp được."

Sư Phụ hét lớn:

"Cái gì? Người chết không trả lời! Cút ngay!"

Thiền có một đường lối chỉ dạy rất độc đáo, riêng biệt gọi là Công Án. Công án là một câu đố tối nghĩa, vô lý. Bạn không thể nào giải đáp nó được. Càng cố công giải đáp công án, bạn càng đi vào bí đạo. Vì Sư Phụ cứ nói: "Cố lên, cố lên, người không chịu cố công tìm hiểu gì cả." Song, ông ấy đang phỉnh gạt bạn đấy, vì sao, vì làm sao bạn có thể giải đáp một câu đố vô nghĩa được. Công án là một bài toán không đáp số, một trò chơi chữ vô nghĩa mà các Thiền sư dùng để thử tài trí tuệ của mình. Công án đó không tùy thuộc vào sự nỗ lực của người thiền sinh. Dù bạn có chạy theo công án đó đến hệt hơi chết ngất đi nữa thì bạn cũng không bao giờ tìm ra được ẩn số của nó. Nhưng nếu bạn an nhiên bình thản nghiền ngẫm nó như một trò chơi thú vị với tất cả tổng thể con người bạn, bất chợt bạn sẽ bùng vỡ ý thức về nó.

Tiếng vỗ một bàn tay...

Âm thanh chỉ phát ra khi có hai vật chạm vào nhau, chứ chỉ có một vật thì làm sao gây ra tiếng động được? Do đó, ngay trong câu hỏi. "Tiếng vỗ một bàn tay", ta đã hiểu ngay đó là một câu hỏi vô lý vô nghĩa rồi, nhưng thói thường, người ta hay dùng tri thức để khám phá, suy luận một vấn đề; vì thế người đệ tử đã rơi đúng vào cạm bẫy của ông thầy.

Mamiya cũng vậy, đã gắng sức suy tư nghiền ngẫm về câu hỏi của Sư Phụ, vì cho rằng phải có ẩn ý gì sâu kín bên trong, phải có sự bí mật nào đó đằng sau câu hỏi; nhưng không ngờ công án đó chỉ là một xảo thuật mà Sư Phụ Mamiya (cũng như các vị thiền sư khác) sử dụng để giúp đệ tử rạch toang lớp màn tri kiến, phá vỡ thành trì ngôn luận, chọc thủng mạng lưới vô minh để khai phóng nội tâm, thoát khỏi cái vỏ tự ngã to tướng.

Toàn thể sự văn minh của con người đều nằm trong phạm vi Cái Tôi cả: văn hóa, quốc gia, dân tộc, phong tục, tập quán, tôn giáo, vv. Tất cả những giấc mơ vĩ đại, siêu quần đều qui tụ vào con người vì nó tự cho rằng con người là động vật tối linh duy nhất đứng thẳng trên hai chân. Con người không phải là thú vật, nó hoàn toàn khác hẳn, nó là độc nhất, nó không thuộc vào thế giới loài thú. Vì thế, càng lúc cái Ngã càng bành trướng to ra, bao trùm lên tất cả và dẫn dắt con người xa rời thực tại, đánh mất tâm linh, khiến họ mơ mơ hồ hồ, nhận thức sai lạc.

Điểm thứ hai là chúng ta là những kẻ chỉ biết bắt chước như con vẹt mà thôi. Bắt chước thì dễ dàng hơn là phải có tính xác thực và có lập trường riêng. Chúng ta bắt chước người này, tập theo phong cách người nọ; cả cái xã hội này và những con người, văn hóa tập tục đều lập đi lập lại, tái diễn liên tục. Tất cả đều bắt chước lẫn nhau. Chúng ta được chỉ bày phải xử sự thế này thế nọ, chúng ta phải sống theo hướng này hướng kia, chúng ta phải suy nghĩ, phải ăn nói theo cách mà những người khác đang hành động, vv. và vv. Những con người tôn giáo - mang danh tôn giáo - những tu sĩ, những nhà thần học, họ cũng chỉ dẫn, bắt buộc chúng ta phải bắt chước làm theo như Chúa, như Phật, như Krishna; không có một ai bảo chúng ta là "Hãy là chúng ta". Không một ai cả. Không một ai cho phép chúng ta sống cho chính mình, là tự chính mình. Không một ai cho chúng ta cái tự do đó cả. Chúng ta không thể sống cho chúng ta được. Chúng ta là

một phần tử của xã hội, là một phần tử của thế giới, chúng ta phải bắt chước người khác, chúng ta phải sống y như người khác đang sống. Chúng ta không còn và cũng không có tự do cá nhân để hành xử theo ý hướng của mình. Chúng ta không còn là chúng ta nữa.

Thật kỳ cục và ngớ ngẩn làm sao! Ngày xưa, chính Đức Phật cũng đã bị thiên hạ nói phải bắt chước giống như Rama, như Krishna. Nhưng Đức Phật đã không làm theo ý họ, vì thế Ngài đã thành một vị Phật. Đức Phật giác ngộ vì Ngài không muốn trở thành một nạn nhân của sự bắt chước ngu xuẩn, không muốn trở thành một nạn nhân của tư tưởng, của tập tục, lễ thói, của xã hội. Nếu chúng ta bắt chước người khác, chúng ta đã đánh mất mình rồi còn gì! Tuy nhiên, chúng ta có dám cách mạng như Đức Phật không? Có dám sống, dám nghĩ, dám làm như Ngài không?

Từ lúc chúng ta bắt đầu biết nhận thức, chúng ta đã bị uốn nắn theo khuôn mẫu người lớn đặt để cho chúng ta - và đó là cái mà người ta gọi là nhân cách. Nếu đứa trẻ nào sống đúng qui tắc khuôn mẫu như vậy, nó sẽ được ban thưởng xứng đáng; ngược lại, nó sẽ là đứa trẻ bất trị, có vấn đề.

Thực sự, chúng ta đã bị tước đoạt quyền sống ngay từ lúc mới chào đời. Cái gọi là Tự Do chỉ là một danh từ suông, rỗng tuếch và giả dối. Người vợ không muốn người chồng sống theo ý muốn của anh ta. Người chồng không cho phép người vợ tự do có ý kiến, tự do phát biểu, tự do sống.

Không một ai muốn người khác sống cho họ, sống đúng theo ý họ cả; bởi vì nếu người nào dám sống theo ý mình, người đó rất nguy hiểm.

Những qui ước, luật lệ, những phong tục, tập quán, lối xử thế, cách suy nghĩ đều bị rập khuôn - mọi người đều phải đi đúng khuôn mòn lối cũ; không được đi trệch hướng. Người trước ta đi một bước trái, một bước phải, ta cũng phải đi một bước trái, một bước phải. Người trước ta rớt xuống hố, ta cũng phải lăn tòm theo. Ta đã được huấn luyện phải trở thành con cừu kêu be be lê lét theo vết chân đằng trước. Không dám có ý kiến, không dám làm khác đi; ta chỉ biết cúi đầu và phục tùng, cúi đầu và phục tùng thật tội nghiệp đáng thương!

Dồn nén! Con người bị dồn nén; xã hội bị dồn nén; cả một thế giới bị ức chế; và sự ức chế tâm lý đó đã tạo ra những bi kịch cùng bệnh tật

cho con người. Không một ai có được một hạnh phúc thực sự cả; con người chỉ có đau khổ, ray rứt và suy sụp toàn diện.

Freud (một triết gia người Áo) đã nói: "Nhân loại không còn và cũng không có khả năng lãnh hội; và cũng không có hy vọng được cứu độ". Ông ta đã nhận xét đúng, cái phương cách, con đường mà nhân loại đang đi tới đó, chỉ có đau khổ, ức chế và vô vọng. Không thấy một dấu hiệu sống nào; không có một chút sinh lực nào; không có đến một tia sáng hy vọng còn con nào. Và rồi những con người máy móc đó, những con người giả hiệu đó, sau khi đến tận cùng bờ vực thẳm của cái gọi là khuôn mẫu xã hội, sau khi bị dồn nén quá độ, đã bùng nổ ra như trái bom và chống trả lại. Có kẻ bùng nổ và tìm cách hủy diệt người khác. Có người đi theo các đạo sư hầu mong tìm ra một lối thoát; nhưng đáng buồn thay, trong những đền thờ, thánh đường, chùa miếu, vv... họ lại gặp những con người rập khuôn. Những nơi tôn nghiêm đó chỉ là những nắm mồ hoang lạnh. Với Chúa, ta là con người thực sự; nhưng đứng trước Đức Giáo Hoàng của Tòa Thánh Vatican, ta phải là một tên biết bắt chước và phục tùng.

Chúa Giê Su không bao giờ là một phần tử của xã hội. Ngài vẫn là một người đứng ngoài vòng xã hội. Tất cả những bậc chân sư, những người tôn giáo thực thụ luôn luôn là những người lạ mặt, đứng ngoài vòng xã hội. Nhưng các thánh đường, các chùa miếu, đền thờ là một phần của xã hội, và các nhà tu sĩ không còn là người đại diện cho Tôn Giáo, đại diện cho sự thánh thiện linh thiêng nữa; họ bây giờ đại diện cho tiền bạc, danh vọng; họ đại diện cho nền kinh tế của xã hội. Càng xây những ngôi thánh đường nguy nga vĩ đại, càng xây những đền đài chạm trổ tinh vi, càng bộc lộ cho người ta thấy nền kinh tế phồn vinh của đất nước đó, xã hội đó _ song như một thiền sư đã nói: "Điện Phật to lớn nhưng Phật trong không linh".

Karl Marx đã đúng khi ông ta nói tôn giáo đang nằm trong tay những nhà tư bản hay những người trưởng giả phong kiến, những người khuynh loát và có quyền lực. Tôn giáo giờ chỉ còn là một công cụ cho sự khuynh loát thống trị. Marx đã nói đúng về bộ máy quyền hành của Tòa Thánh La Mã Vatican hay tôn giáo của Mecca và Medina; nhưng Marx đã sai lầm về Mohammed, về Chúa Giê Su Marx đã sai lầm vì không thấu triệt được hoàn toàn phong cách đạo đức của các

bậc Chân Sư Các đẳng Giáo chủ khác xa với cái gọi là tôn giáo của xã hội. Mamiya sau này trở thành một vị đạo sư nổi tiếng...

Nhưng hãy nhớ kỹ rằng chỉ những người nào là đệ tử chân chính thì mới trở thành những đạo sư chân chính được. Người nào chưa bao giờ làm đệ tử, chưa bao giờ là người cầu đạo, chưa bao giờ học hỏi hiểu biết giới luật kinh điển là gì, thì không bao giờ có thể thành thầy dạy người khác được. Trước khi ta muốn dạy người, ta phải học cho chính mình trước đã. Nhưng mọi người đều muốn làm thầy người khác, muốn dạy bảo người khác trước, muốn chứng tỏ cho mọi người biết ta đây ngon lành tài giỏi hơn người chứ không muốn làm đệ tử, cho nên trên đời này có quá nhiều những tên thầy rỗng tuếch, bịp bợm. Bạn cũng vậy, cái tự ngã của bạn cũng muốn một bước thành thầy người khác, thành vĩ nhân, thành thánh, nên bạn cũng trở thành một tên thầy kém tài đức _ nhưng không những chỉ riêng mình bạn gặp nguy hiểm mà bạn còn dẫn dắt nhiều kẻ khác vào đường cùng nữa. Một người mù dắt những kẻ mù khác rơi tòm xuống hố.

Hãy nhớ rằng, cái bản ngã của ta bao giờ cũng muốn bành trướng. Ta không thể để mất một dịp may nào có thể lên mặt dạy dỗ kẻ khác; ta có thể mất hàng ngàn cơ duyên học hỏi, nhưng ta không thể mất một dịp may được dạy bảo kẻ khác. Có người nào đó hỏi ta một câu, có khi ta cũng chẳng hiểu hoàn toàn ý câu hỏi đó, nhưng ta vẫn gân cổ lên trả lời (sợ gì cơ chứ, chắc gì kẻ hỏi ta đã giỏi hơn ta) cho nên cái bản ngã của ta được vuốt ve,

được khoái chí khi chứng tỏ ta đây là kẻ hiểu biết, đầy kiến thức. Đó là lý do trên đời này có lắm kẻ dạy người nhưng rất hiếm các bậc chân sư. Những người thầy đó có thể nói, có thể giảng đạo, thuyết pháp, có thể tranh luận rất thiện xảo; họ có thể tạo ảnh hưởng đến mọi người, nhưng họ không phải là những bậc Chân Sư có tu chứng thực, có kinh nghiệm sống thực.

Muốn trở thành một bậc đạo sư thực thụ, muốn trở thành một vị thánh, một vĩ nhân, một bậc chân sư, ta cần phải triệt để xả bỏ và khai phóng toàn diện chấp Ngã và chấp Pháp - có nghĩa là không thấy có cái ta đang dạy người, đang thuyết pháp, không thấy có người để học, cũng không thấy có những pháp môn, phương tiện thuyết giáo. Cái Thực chỉ hiển hiện khi cái Giả đã bị hủy bỏ.

Mamiya sau này trở thành một vị đạo sư nổi tiếng; nhưng khi ông ta

còn tu học dưới sự hướng dẫn của Sư Phụ, ông ta bị buộc phải giải thích thế nào là "Tiếng vỗ một bàn tay?"

Lúc đó, Mamiya đã không thể thấu suốt được ẩn ý của Sư Phụ khi ra một câu hỏi vô lý như vậy. Mamiya cứ miệt mài vào công án đó như con dê húc đầu vào tường đá, ngày này qua tháng nọ. Sư Phụ Ông cũng không giải thích cho ông, vì có gì đâu mà giải thích; nhưng Mamiya vẫn không nản chí bỏ cuộc vì Mamiya tuyệt đối tin tưởng vào Sư Phụ mình. Khi Sư Phụ đưa ra công án. "Tiếng vỗ một bàn tay", chắc chắn phải có gì trong đó. Dù công án đó khó giải thích, khó hiểu, vô nghĩa, phi lý đến đâu đi nữa nhưng khi Sư Phụ nói thì chắc chắn có cái gì mà ta không hiểu nổi. Mamiya tự nghĩ như vậy và miệt mài tư duy hành trì công án mà Sư Phụ đã đề ra. Niềm tin mãnh liệt và sắt đá của Mamiya đối với Sư Phụ chính là động lực giúp Mamiya nhẫn nại hành trì công án. Nhưng Sư Phụ Mamiya vẫn không hài lòng, ông la rầy Mamiya: "Người không cố công tu học gì cả. Người còn đắm nhiễm quá nhiều vào tiền bạc, vào những lạc thú trần tục, nhất là vào tiếng vỗ một bàn tay Có thể may ra người chết đi, lúc đó người mới thấy được lời giải đáp."

Sư Phụ Mamiya nói thế có nghĩa gì? Vị thầy cố ý chỉ dẫn cho đệ tử thấu đáo rằng không những ăn uống, tiền bạc, danh vọng là những thứ vật chất cám dỗ đầy nguy hiểm mà cái tư tưởng bám víu ôm giữ lấy những thứ đó cũng là trở ngại trên đường tìm giải thoát.

Mamiya đã bỏ nhà cửa, gia đình, vào tự viện sống đời tu sĩ, chỉ có ba tấm cà sa, một bình bát khát thực, một cái dĩa lọc nước và một manh chiếu nhỏ ngủ qua đêm. Không còn gì quý báu xa hoa cả, thật quá đơn giản, phải không? Nhưng nếu Mamiya chưa xả ly được cái tư tưởng bám víu vào cái Không đó cũng vẫn còn là chấp thủ. Vị Sư Phụ nói: "Người vẫn còn chấp vào tài sản, vật chất..." (thực ra, các tu sĩ đâu có vật chất tài sản gì) - song, vị Sư Phụ đâu có phải nói cái vật chất tầm thường bên ngoài, mà ông ta muốn nói đến cái tâm niệm, cái tư tưởng bám víu vào ba tấm cà sa, vào cái chùa, vào cái danh hiệu tu sĩ, vv... Nếu ta tham đắm vào thiền định; thiền định từ phương tiện trở thành cứu cánh. Nếu ta bám víu vào cầu nguyện, tụng kinh; kinh điển trở thành chướng ngại, hàng rào bao bọc lấy ta. Dù tham ngồi thiền, tham tụng kinh, tham làm việc thiện, tham tu hành v.v... vẫn

còn là tâm tham. Dù tham thiện khác xa với tham bất thiện, tham vẫn là tham. Chính cái tâm tham đắm đó đưa ta lộn lạo luân hồi trong ba cõi sáu đường. Chính cái tâm tham đắm đó cản ngăn ta chứng đạo..

Vì thế vị Sư Phụ đã nói: "Tiếng vỗ một bàn tay đã ràng buộc người. Người đã cố công tìm cách giải thích nó cho bằng được. Đừng tham đắm, bám giữ như vậy. Chính người đã ràng buộc người. Có thể may ra người chết đi, lúc đó người mới thấy được lời giải đáp."

Nhưng Mamiya đã hiểu lầm câu nói của thầy mình. Vị Sư Phụ nói: "Tốt hơn hết là người nên chết đi" là chết cái tâm niệm ràng buộc, là chết cái tư tưởng bám víu, là chết cái Tôi, cái Tự Ngã. Chính cái lúc mà ta chết đi được cái tự ngã của ta thì ta sẽ hiểu được thế nào là Tiếng vỗ một bàn tay.

Đó là cái chết của Đức Phật, cái chết của các bậc Thánh. Chết đi và không bao giờ tái sanh lại. Đức Phật đã tận diệt, đã chết đi cái tâm tham luyến vô minh; các bậc A La Hán cũng đã xả ly hoàn toàn tâm khát ái đắm nhiễm. Một khi tâm niệm chấp thủ đã vắng bóng, ai sẽ là người tái sanh do nghiệp quả?

Nhưng Mamiya, lúc ấy, chưa thấu triệt được nên đã giả bộ thẳng cẳng ra chết, và còn ngóc cổ lên nói: "Ồ, con chưa giải được Tiếng vỗ một bàn tay?"

Vị Sư Phụ hét lớn: "Cái gì? Người chết không trả lời! Hãy đứng dậy cuốn xéo khỏi nơi đây!"

Đúng vậy. Người chết rồi làm sao trả lời được? Nếu Mamiya đã chuyển hóa được vô minh thì cần gì phải giải đáp công án Tiếng vỗ một bàn tay?

Đó, chỗ vướng mắc của chúng ta là cái tâm chấp trước đó. Ta cứ đi tìm những cái xa xôi, mờ ảo? và quên đi cái thường hằng. Ta cứ lo lấp đầy khoảng trống tri thức mà quên nuôi dưỡng chân tâm. Vì thế, ta đã tu tập bao nhiêu năm mà vẫn còn cách đạo xa lắm, xa lắm.

Người dịch tạm mượn một đoạn trong kinh Kim Cang để giải rõ về công án "Tiếng vỗ một bàn tay"

Phật cáo Tu Bồ Đề:

"Thị cố Tu Bồ Đề, chư Bồ Tát Ma Ha Tát ưng như thị sanh thanh tịnh tâm, bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm".

(Phật dạy Tu Bồ Đề:

"Thế nên Tu Bồ Đề, các vị Bồ Tát lớn nên như thế mà sanh tâm thanh tịnh, không nên chấp nơi sắc, nơi âm thanh, nơi mùi hương, khẩu vị, xúc chạm, pháp môn mà sanh tâm đắm chấp, nên không chỗ trụ mà sanh tâm".

Các pháp hữu vi đều là tướng giả hợp, duyên sanh. Có cái này nên có cái kia, cái này diệt thì cái kia diệt; đã là tướng duyên hợp thì đâu phải là cố định, là chân thật; cho nên Phật dạy các hàng Bồ Tát không nên để tâm dính kẹt vào sáu trần, không dính mắc, không chỗ trụ thì mới có thể phát hiện cái tâm thanh tịnh chân thật, không sanh không diệt.

Cũng vậy, Mamiya bị kẹt vào âm thanh, vào công án nên loay hoay mãi mà chưa thể hóa giải nổi thế nào là Ba Động Vô Thanh.

Phải đẩy vạn sự vào hư không - nhưng hư không cũng còn là khái niệm, cho nên cuối cùng chính khái niệm hư không cũng phải đập vỡ tan nốt đi để cho thực tại bừng nở chan hòa. Cũng như có người tới hỏi một vị Thiền Sư :

"Xin Thiền Sư cho biết Đạo là thế nào?"

Vị Thiền Sư đáp:

"Ở ngay trước mắt ngươi."

"Sao đệ tử không nhìn thấy gì cho đệ tử cả?"

"Vì ngươi còn mãi nghĩ về bản thân ngươi."

"Thưa Thiền Sư, về phần Ngài thì sao? Ngài có thấy Đạo không?"

"Khi còn giữ cái nhìn đối đãi, phân biệt cái này là Ta, cái kia không phải là Ta, thì cái nhìn còn ngụp lặn trong mê mờ chẳng thể thấy được cái gì."

"Thưa Thiền Sư, khi đã có cái nhìn thuần thành không còn phân biệt Ta với Không Ta nữa thì liệu có thấy Đạo hiển hiện không?"

"Khi đã không còn Ta và Không Ta thì còn ai là kẻ muốn nhìn Đạo nữa."

Cũng như khi hỏi: Nếu có người đã ngồi chót vót trên một cột cao trăm bộ, làm thế nào để có thể vượt xa hơn nữa bây giờ? Một Thiền Sư đã đáp: "Người đó phải đạt tới giác ngộ để có thể cùng một lúc đứng ở cả bốn phương trời." (trích trong Vào Thiền của Doãn Quốc Sỹ).

Lúc đó thì tay ta rỗng không chẳng có vật gì, tâm ta rỗng không chẳng có vật gì...

Có thì có tự mảy may,
Không thì cả thế gian này cũng không,
Thử xem bóng nguyệt dòng sông,
Ai hay Không Có Có Không là gì.
(Thiền Sư Từ Đạo Hạnh)

Osho

10 Mẫu Truyện Thiền cho Đời Sống Thường Nhật Con Người
Dịch giả Thích Nữ Minh Tâm

Câu truyện thiền số 5

NGÓN TAY GUTEI

"Thiền Sư Gutei hay giơ ngón tay trở lên mỗi lần Sư giảng về thiền.

Một thiền sinh trẻ khi thấy Sư giơ ngón tay trở lên thì cũng bắt chước giơ theo như vậy; lâu dần thành thói quen. Một hôm, Sư Gutei nghe nói đến chuyện như vậy, đến ngay thiền sinh đó nhằm lúc thiền sinh này vừa đưa ngón trở lên. Sư liền nắm lấy ngón tay trở đó chặt nghiêng, vứt đi. Chàng thiền sinh đó la hét vang trời, chạy trốn chết. Sư quát lớn, "Đứng lại!" Chàng thiền sinh đó đứng sững, quay đầu lại.. Sư giơ ngón tay trở lên. Thiền sinh bắt giắc theo thói quen, cũng giơ ngón tay trở của mình lên. Nhưng đến khi nhìn xuống thì... Thiền sinh đai. ngộ, sụp xuống lễ Thầy. "

Đó là một câu truyện thiền thật lạ và bạn có thể hiểu sai, méo mó về ý nghĩa câu truyện trên; vì cái khó hiểu nhất của cốt truyện là phong cách xử trí độc đáo của bậc giác ngộ.

Chúng ta thường có thói quen nhận xét và đánh giá người khác hay một sự vật theo cảm quan của mình. Nhưng bậc giác ngộ thì hoàn toàn khác hẳn. Người đó đứng ở một góc độ khác chúng ta, những con người phàm tục. Nơi nào người đó có mặt, nơi nào người đó đặt chân tới, nơi đó hoàn toàn mất dấu những khái niệm Ta- Người, Có-Không, Được-Mất, Hòn-Thua... Những thước đo giá trị, những bảng luân lý đạo đức, những bình phẩm khen chê v.v... đều vắng bóng; bởi vì tất cả những thứ đó đều lồng cái " Tôi" ở bên trong. Một cái "Tôi" được tô màu và đánh bóng. Người đạt đạo không màng những thứ phù phiếm đó, và cũng không để tâm mình dính bụi. Người đạt đạo sống thật đơn giản, không cầu mong, không trông đợi.. Người đó không có nơi nào để đi, không có một mục đích để đạt tới. Còn một nơi nào để đến, còn một mục tiêu nào đó để đạt tới thì tâm hành giả vẫn còn dính mắc và tham cầu. Như khúc gỗ giữa dòng sông, người đạt đạo không tấp vào bờ bên này, không trôi về bờ bên kia; không có gì tốt cũng không có gì xấu đối với người đã giác ngộ. Người đó sống trọn vẹn hồn nhiên, phóng khoáng trong cái Chân, Thiện, Mỹ

của dòng sông--nhưng chúng ta, chúng ta không thể sống trọn vẹn được như vậy. Tật xấu của con người tầm thường là luôn đánh giá sự vật. Chúa khác với Quỷ, Thiện khác với Ác, Trong Sạch khác với Tội Lỗi v.v. Luôn luôn có sẵn hai trận tuyến, hai bên bờ mà trong đó dòng sông đời đang tuôn chảy..

Tôi có nghe một câu truyện ý nhị như sau:

"Ngày kia, có một người họa sĩ tài ba danh tiếng gặp lại người bạn bác sĩ và mời ông ta đến phòng triển lãm tranh của mình để được bạn mình đánh giá một tác phẩm vừa hoàn thành. Người họa sĩ đó đã nghĩ rằng tác phẩm này đúng thật là tuyệt tác, là đỉnh cao nghệ thuật hội họa. của ông. Vì thế, với tài trí của ông bạn bác sĩ, chắc chắn ông sẽ được nghe những lời khen thưởng đích đáng, bổ ích.

Ông bạn bác sĩ đó đến phòng triển lãm tranh, ngắm bức tranh, ngắm tới, ngắm lui, ngắm xuôi, ngắm ngược, hết bên này tới bên kia, gật gù, nhíu mày suy nghĩ, rồi lại quan sát. Mười phút trôi qua, mười lăm phút trôi qua, hai mươi phút. Người họa sĩ hơi sốt ruột, chần chờ, và cuối cùng lên tiếng hỏi: "Thế nào bạn? Anh nghĩ sao về tác phẩm này?"

Ông bạn bác sĩ trả lời, giọng chắc nịch đặc ý:

"Tôi nghĩ là người này đã mắc bệnh phổi cấp hai rồi đấy!"

Ông họa sĩ: !!!

Đấy, không riêng gì chúng ta đâu nhé, cả cái ông bác sĩ học thức kia cũng mắc cái bệnh đánh giá sự vật qua trung gian khái niệm giá trị.

Ông bác sĩ là người sống trong phòng thử nghiệm, bên cạnh những thuốc men và bệnh tật. Trong đầu ông ta luôn luôn có sẵn những công thức hoá học, những căn bệnh phải tìm hiểu, những vi trùng, vi khuẩn, v.v. và v.v. Nhìn đâu đâu, ông ta cũng thấy vi trùng và bệnh tật; và những vi trùng và bệnh tật đó đã trở thành máu xương trong ông, một nửa con người của ông. Vì thế, khi nhìn bức tranh, ông bác sĩ cũng phân tích, mổ xẻ, định bệnh. Ông ta đã bị méo mó nghề nghiệp! Thiên nhiên trước mắt ông với trời xanh, lá đỏ hoa vàng, nhưng ông ta không còn khả năng thưởng thức cái Đẹp thiên nhiên được nữa. Cái khiếu Thẩm Mỹ trong ông đã mất, nhường chỗ cho một đầu óc sơ cứng vì khái niệm phân biệt chia chẻ.

Điều thứ hai khác biệt là người đặt đạo trực chỉ chân tâm, chứ không mất thì giờ với những cái bên ngoài. Còn chúng ta, chúng ta lại quan

tâm đến cái vỏ bên ngoài. Đối với chúng ta, cái vỏ bên ngoài thật là giá trị. Chúng ta đã giết chết linh hồn mình và giữ gìn cái thân xác. Nhưng người giác ngộ thì hy sinh thân xác và không thể đánh mất tâm linh. Người đó sẵn sàng chết đi cái thân tướng giả hợp này, không một chút luyến tiếc song người đó trân trọng chú tâm gìn giữ chánh niệm từng giây phút.

Đối với bậc giác ngộ, thân tướng này chỉ là một phương tiện hành đạo.. Khi nào cần phải xả ly, người đó sẵn sàng từ bỏ. Ngay cả phải cắt bỏ cái đầu đi để chứng đạo, người đó cũng sẵn sàng cắt bỏ.

Krishna nói với Arjuna trong Phạm Thư rằng: "Đừng quan tâm tới những thân xác. Chúng ta sanh ra, rồi lại chết đi không biết bao nhiêu lần rồi. Cái chết không là gì cả; chẳng qua chỉ là một sự thay đổi, cũng như một người nào đó cởi bộ quần áo ra hay rời căn nhà cũ để mặc vào lớp áo mới hay vào căn nhà mới mà thôi. (như các Tổ Sư đã nói: "Sanh như đắp chăn đông, Tử như cởi áo hạ." (chú thích của người dịch).

Đừng quan tâm tới cái thân tướng giả tạm bên ngoài. Hãy quay ngược vào bên trong nội tâm; hãy chú tâm nhìn vào bên trong con người của người. Nhưng liệu Arjuna có hiểu được ý tứ lời nói của Krishna không?

Thiền Sư Gutei còn hơn thế nữa.. Krishna còn nói chứ Gutei thì hành động ngay, không nói.- và Arjuna, đệ tử của Krishna cũng khác xa đệ tử của Gutei.

Hãy nhớ kỹ điều này: người thầy chỉ có thể hành động nhậm lệ, chớp nhoáng khi nhận xét kỹ đệ tử mình đã đạt tới một trình độ có thể lãnh hội được sự huấn thị đột xuất, và cơ duyên học hỏi cũng đã chín muồi để có thể truyền dạy; người thầy phải ra tay hành động ngay, xuất kỳ bất ý, không để cho cơ duyên may mắn đó vượt mất đi; tát một cái thật mạnh, đập một cú chết người, hay thậm chí chặt nghiêng đi ngón tay của đệ tử như Thiền Sư Gutei để giúp đệ tử một bước cuối cùng nhảy vọt vào chân không, giác ngộ.

Nhưng không phải ai cũng lãnh hội được như vậy đâu nhen. Người thầy chỉ ra tay khi đệ tử đã thuần thực; nếu không, ông ta phải dùng lời nói để dạy bảo. Hành động chỉ phát xuất khi cả hai đều sẵn sàng; không một chút sơ hở, không được vượt mất, chớp nhoáng, cấp kỳ, đúng thời điểm. Tâm niệm người thầy và tâm niệm người đệ tử phải

hợp nhất, thông tri nhau; nếu không, chỉ hoài công vô ích. Người thầy truyền trao hết tâm huyết cho trò, đệ tử cũng gởi trọn mạng sống và niềm tin tuyệt đối lên thầy.. Nếu thầy bảo chết, đệ tử sẵn sàng chết ngay, không do dự. Nếu cả hai được như thế thì mới có kết quả mỹ mãn tốt đẹp được. Ngày xưa, có rất nhiều người đã đạt đạo chứng ngộ vì họ có niềm tin vững chắc vào sư phụ của họ. Chính niềm tin sắt đá và nghị lực bền bỉ tham thiền công án đó đã giúp họ đắc quả. Còn ngày nay, con người sanh ra trong nghi kỵ, trưởng thành trong do dự, hiềm khích nên khó lòng đặt chân tới ngưỡng cửa Chân Lý chứ đừng hòng nắm bắt được Chân Lý. Trong đạo thì thầy không tin trò, trò nghi ngờ thầy, huynh đệ hiềm khích báng bổ nhau, các tông phái thì chống đối lẫn nhau, sát phạt lẫn nhau; còn ngoài thế gian thì cha mẹ, chồng vợ, con cái, anh chị em xúc xiểm nhau, tàn hại nhau để tranh danh đoạt lợi. Nét Đẹp Nhân Bản đã biến mất. Cả một thế giới điên đảo vì quyền lực, danh lợi. Ngay từ ngày đầu tiên chúng ta bú dòng sữa mẹ, chúng ta đã được nuôi dưỡng bằng tham vọng, nghi ngờ, sân hận và si mê Bị ấp ủ, nuôi dưỡng và trưởng thành trong một môi trường như vậy, thử hỏi làm sao chúng ta tránh khỏi được sự hoen ố tinh thần?

Nhưng đường hướng tôn giáo thì trái ngược lại. Chúng ta phải tin tưởng tuyệt đối và cũng được người khác tin tưởng lại như vậy. Người đệ tử của Gutei thuộc hạng người tin tưởng tuyệt đối này, vì thế anh ta đã giác ngộ.

Nào, bây giờ chúng ta bước vào câu truyện khác thường này.. Từng cử chỉ, từng câu nói trong cốt truyện thật kỳ thú, đặc biệt.

"Thiền Sư Gutei hay giơ ngón tay trở lên mỗi lần Sư giảng về thiền."

Các Thiền Sư không bao giờ làm một chuyện gì vô ích, ngay cả khi chỉ giơ một ngón tay lên. Từng cử chỉ, từng lời nói của các Thiền Sư đều toát lên một ý nghĩa nào đó, một giá trị nào đó. Các Thiền Sư không bao giờ làm một cử chỉ hay nói một lời nói vô bổ thừa thãi, phí thì giờ vô ích cả. Tại sao Thiền Sư Gutei giơ một ngón tay lên mỗi lần Sư giảng về thiền hay có ai hỏi về thiền? Tại sao? Nhưng không phải lúc nào Sư Gutei cũng làm như vậy đâu; mà chỉ khi nào Sư giảng về thiền hay có ai hỏi về thiền thì Sư mới làm như thế. Đó là tại vì Sư muốn chỉ bảo cho chúng ta nhận thức "Vạn Pháp Qui Tâm" (Một là tất cả; tất cả là một).

Mọi vấn đề khơi mào cũng vì chúng ta không thể là Một, không phải là Một. Mọi rắc rối xảy ra chỉ vì chúng ta còn chia chẻ phân biệt quá. Sự vật nào cũng bị chúng ta đem ra mổ xẻ cân đong, đo lường. Chúng ta là sự phân tán, không hài hòa kết hợp.

Thiền Sư Gutei giảng về thiền; những lời nói chỉ là phụ, cái chính là ngón tay Nếu ai nhận thức được, kẻ đó bước chân vào đạo; ai không nhận thức ra thì dù có lẽ lạy sỏi trán đi nữa cũng cách xa chân lý vạn dặm.

Cũng như Đức Phật trên núi Linh Thửu giờ cành hoa sen lên cao và im lặng. Tất cả chúng hội đều ngơ ngác, duy có ngài Ma Ha Ca Diếp mỉm cười thông ý. Đạo là vô ngôn - Không thể dùng ngôn ngữ để diễn tả đạo, để lý giải chân lý được.

"Đạo khả đạo phi thường đạo; danh khả danh phi thường danh" (Đạo mà còn diễn tả thành lời được thì không phải đạo, danh mà còn gọi tên được thì không phải danh- Lão Tử). Nếu bạn nhìn thấu được thì ngôn ngữ đạo đoạn, không cần đến lời nói nữa.. Nhưng nếu bạn không có khả năng thẩm thấu đó thì dù có nói vạn lời cũng vô ích.

Có nhiều tôn giáo, đạo phái khác nhau; có nhiều pháp môn, nhiều cách thức hành đạo khác nhau nhưng phải tựu trung lại một điểm là: Vạn pháp quy về Một, tức là quay về tìm lại cái Bản Tánh Chân Thật Thường Hằng, cái Bản Lai Diện Mục, cái Vô Sinh, cái Chân Không Thường Hữu của chúng sanh thì đó mới chính là Đạo.

Tụng kinh, lễ bái, tu thiền, trì chú, niệm Phật, niệm Chúa, v.v... đều qui về nhất tâm thì mới mong chứng đạt được. Hành giả phải thực nghiệm rằng người tu, pháp môn để tu, quả vị để chứng đều là giả danh, giả hợp; phải thấy vạn pháp giai không, do nhân duyên hợp thì mới rốt ráo ba la mật, mới đáo bỉ ngạn, đạt tới bờ bên kia giác ngộ được.

Ý nghĩa đoạn văn trên rõ nét nhất trong bài tán tụng Đức Phật mà người Phật tử thường lễ bái:

"Năng lễ, sở lễ tánh không tịch,
Cảm ứng đạo giao nan tư nghì,
Ngã thử đạo tràng như đế châu,
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung,
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ."

Tạm giải: "Con đây lễ Phật, nhưng không thấy Phật là đối tượng đang được lễ, không thấy con là người đang lễ; cả hai đều vắng bóng cái Ngã." Khi đạt được cái Tánh Không vắng lặng rốt ráo thì mối đạo vốn vô ngôn vô tướng mới tỏ hằng, mới giao lưu cảm ứng. Lúc đó, trong ta có Phật, trong Phật có ta; không biên giới, không hàng rào. Người tu khi chứng nghiệm được "Ngã-Phật câu không; Hữu Vô giai vọng" thì nắm bắt được cái tinh túy, cái cốt tủy của suối nguồn Chân Tâm trung trình thường hằng.

" Có một thiền sinh trẻ hay bắt chước Sư Gutei, giơ một ngón tay lên... "

Dĩ nhiên, chàng thiền sinh đó còn rất trẻ nên mới bắt chước người khác. Có phải các trẻ con mới hay bắt chước người lớn, phải không? Nếu người đã trưởng thành rồi thì đâu có còn bắt chước người khác nữa? Nhưng thực ra, sự chín muồi của tâm thức không đặt trên số lượng tuổi tác. Có rất nhiều người đã lớn tuổi nhưng vẫn chẳng kinh nghiệm được gì. Nếu họ còn bắt chước người khác thì mãi mãi họ vẫn là một đứa bé thơ, hiểu biết nông cạn, ngu ngơ khờ khạo đến tội nghiệp.

Vậy "Trưởng thành" là gì? Bạn hỏi tôi, tôi xin trả lời đó là "Sự Nhận Thức biết rõ chính mình; chứ không phải là một kẻ bắt chước. "Trưởng thành" có nghĩa là Ta phải là Ta, Ta chính thật là Ta, một con người trần trụi, không một lớp sơn che phủ, không là cái bóng của kẻ khác. Người bạn của ta có cái xe mới, ta cũng vội vàng tìm cách mua một cái xe khác; ông hàng xóm xây nhà lại, ta cũng cố kiếm tiền xây nhà ta lại lớn hơn, bà kia có cái hột xoàn, ta cũng đeo kim cương vòng vàng v.v... có nghĩa là ai sao, ta vậy. Ta như cái bông vụn xoay, xoay mãi, không dừng nghỉ.

Hãy sống thật với chính mình. Hãy sống trung thực với cảm nghĩ của chính ta, không nên che giấu, không nên dồn nén, không nên ức chế. Cái quý nhất của con người là bản tánh trung thực và lòng can đảm. Chính hai đức tính đó sẽ giúp con người thăng hoa đời sống và chuyển đổi ngoại giới.

Bạn có sẵn hạt giống Giác Ngộ trong bạn. Nếu bạn chuyên tâm tưới tẩm chăm bón nó, hạt giống đó sẽ đâm chồi nảy lộc cao lớn thành cây, và bạn sẽ hưởng được quả vị thơm ngon. Vậy tại sao bạn không lo chăm bón hạt giống của chính mình mà lại đi bắt chước

người khác, đi chăm bón hạt giống người khác? Đúng là thả mồi bắt bóng, phải không?

"Có chàng thiền sinh trẻ thấy Sư Gutei giơ ngón tay trở lên mỗi lần giảng về thiền, cũng bắt chước giơ ngón tay trở lên,... "

Chàng thiền sinh kia thấy Sư Phụ mình nổi tiếng được mọi người kính trọng, cũng muốn được như vậy nên bắt chước Sư Phụ để được tiếng thơm; nhưng chính Đức Phật, Chúa Giê Su hay Krishna không hề dạy chúng sanh phải trở thành một bản sao của Phật, của Chúa, mà phải trở thành chính mình - Phải là chính mình, không phải là hình bóng của ai khác, dù người đó là Phật, là Chúa hay là các vị thánh nhân gì đi nữa.

Tìm một vị minh sư, đến với vị minh sư đó, hiểu những gì minh sư dạy, uống cạn sự hiện hữu của minh sư, ăn trọn sự có mặt của minh sư càng nhiều càng tốt, nhưng chớ có bắt chước ông ta, đừng làm kẻ bắt chước, đừng làm điều ngu xuẩn đó, vì thật nguy hiểm. Sự bắt chước người khác không giúp ta được gì mà trái lại còn gây nguy hiểm cho ta nữa.

" Sư Gutei nghe chuyện, đến gặp thiền sinh đó nhằm lúc anh chàng vừa giơ ngón trở lên, Sư nắm lấy chặt nghiêng vứt đi... "

Kinh khủng quá, tàn nhẫn quá, phải không? Sư Phụ gì mà ác độc quá vậy, nỡ cầm tay đệ tử chặt đứt đi một ngón? Nhưng thực ra, Sư Gutei là một vị thầy đầy lòng bi mẫn.

Đấy, phương pháp giáo huấn đệ tử trong thiền tông độc đáo quái chiêu là ở chỗ đó. Không tài nào hiểu thấu được nếu chính chúng ta không tu tập, không tư duy quán chiếu tự tâm. Phát xuất từ Tâm Đại Từ, Đại Bi, Đại Trí, những cú đấm, những cây gậy hay những câu la hét của các thiền sư đều là những phương tiện thiện xảo giúp người đệ tử chóng khai ngộ.

Thiền Sư Gutei đã sử dụng độc chiêu cuối cùng để đẩy người đệ tử một bước nhảy vọt vào vùng không gian bao la của tâm thức. Người đệ tử không kịp phản ứng, không kịp suy nghĩ gì hết, chỉ một tích tắc thôi, ngón tay đã rơi xuống đất... Cái đau thể xác đó thật tê tái điếng hồn, cái đau tinh thần cũng to lớn không ngần và đột xuất thần kỳ, trong một giây phút, hai nỗi đau đó hòa tan vào nhau và chuyển hóa. Người đệ tử đã liễu đạo, chàng ta đã trưởng thành, không còn là một đứa bé con đi bắt chước người khác nữa. Giây phút ngộ đạo đến

chớp nhoáng, nhậm lệ và cũng có thể không xảy ra dù trải qua nhiều đời nhiều kiếp.

Ngón tay chỉ là một biểu tượng, một ví dụ điển hình. Chàng thiền sinh đó bị một cú sốc bất ngờ; ngay lúc ý niệm chưa thành hình thì chàng ngộ đạo, tâm niệm được tịnh hóa. Khi chúng ta còn kịp suy nghĩ, còn phản ứng thì lúc đó ý thức trong chúng ta vẫn còn năng lực hoạt động và chi phối, ví dụ như khi chúng ta nhìn một đóa hoa là mắt tiếp xúc với cảnh trần, tức thì thức thứ 6 là Ý Thức xen vào phân biệt đây là hoa hồng chứ không phải là hoa cúc, hoa huệ, màu đỏ này đẹp hơn màu vàng kia v.v... và thức thứ 7 là Mạt Na Thức chấp trước dính mắc liền: "hoa hồng này trong vườn ta đẹp hơn hoa của ông bà hàng xóm kia" hoặc chúng ta sẽ khởi niệm "hoa này đẹp quá ta phải hái về cắm trong phòng ta" v.v. và v.v... nghĩa là một khi sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) là ý thức khởi lên phân biệt dính mắc ngay và đưa đến tâm Ái, Thủ, Hữu (yêu thích cái gì là muốn chiếm đoạt ngay để làm của riêng). Vì thế, Sư Gutei đã đánh ngay một đòn chí mạng dù phải chặt đứt ngón tay của đệ tử hay thậm chí giết chết người đệ tử mà giúp họ liễu đạo được cũng còn giá trị gấp vạn lần sống cả một đời mà ngu ngơ, ương ương dở dở, sống không lợi ích cho đời, không đạt được gì cho mình thì kiếp sống đó thật dư thừa vô vị.

Người đệ tử bị một nhát dao chém tay đó của Sư Phụ trong lúc không kịp đề phòng, không chuẩn bị, bất ngờ nhất, nên dòng ý thức ngưng hoạt động- giữa cái cự ly mong manh ngắn ngủi đó, tâm thức chàng thiền sinh như một tờ giấy trắng tinh, vô niệm - và chính cái trạng thái vô niệm đó là Chân Tâm, là Đại Ngã. (chú thích thêm của người dịch: "Trong kinh Pháp Bảo Đàn , Tổ Huệ Năng đã dạy Thượng Tọa Huệ Minh:

"Này Huệ Minh, chẳng nghĩ việc lành không nghĩ điều dữ, chính trong thời gian đó, "Cái Ấy" tức là tỏ thấy cái "Bổn Lai Diện Mục" của Thượng Tọa Huệ Minh vậy."

"Cái Ấy", Đạo gia gọi là "Huyền quan, huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn." Trong ấy có cái mật diệu không nghĩ không lo, phẳng lặng thường hằng, chí thanh chí tịnh, chí hư chí linh, tức là tánh tịch diệt vô vi, hư tính bất muội vậy. Nho giáo gọi là "Thối tàng ư mật, là ẩn vị. Trong ấy có cái yếu điểm không thấy không nghe, tức là chỗ

tâm tồn ý định, thị thính yên động qui chơn phục tể, là chỗ chí thành chí thiện vậy.

Phật giáo dùng danh từ "Cái Ấy" mà chỉ cho cái tánh Bản Lai. Trong ấy có cái chơn thiết không lành không dữ, không hình không trạng, không tiếng không hơi, diệu diệu huyền huyền, bất sanh bất diệt, toàn trí toàn năng, chí chơn chí mỹ, chí thiện, vô thượng, chánh đẳng chánh giác."

"Chàng thiền sinh chạy trốn chết. Sư Gutei quát lớn: "Đứng lại!" Thiền sinh đứng sững, quay đầu lại Sư Gutei giơ ngón trở lên, thiền sinh bất giác, theo thói quen cũng giơ ngón trở lên, nhưng nhìn xuống thì... thiền sinh đại ngộ, sụp xuống lễ Thầy."

Chàng thiền sinh đau điếng, chạy trốn; nhưng giật bắn người vì tiếng quát lớn đầy uy mãnh của Sư Phụ "Đứng lại".

Khi chàng ta bất thần dừng phắt lại, toàn thể sự chú tâm của hắn quay hẳn về âm thanh "Đứng lại". Ngón tay bị chặt đứt, máu vẫn chảy, cái đau vẫn còn đó, nhưng tiếng quát "Đứng lại" đã thu hút tất cả sự chú tâm của hắn nên hắn đã quên phứt đi ngón tay, máu và cái đau. Một khi tâm phân biệt vắng bóng thì cái đau thể xác mất dấu. Ta cảm thấy đau vì ý thức khởi lên phân biệt. Cái đau hiện hữu không phải trong thể xác mà chính do ý thức cấu tạo.

Nếu bạn bị đau, phải nằm trên giường bệnh, bạn sẽ làm gì? Bạn sẽ tiếp tục nghĩ về căn bệnh đang hoành hành cơ thể mình. Bạn đang nuôi dưỡng nó. Bạn chú tâm về nó, lo lắng, suy nghĩ về nó. Chính cái tâm trạng khắc khoải lo sợ đó đã nuôi lớn căn bệnh.

Tôi nghe nói như thế này: "Có một người bị bệnh tê liệt; ông ta đã không đi đứng được suốt 15 năm qua. Một đêm kia, bỗng căn nhà ông bị bốc cháy dữ dội, mọi người la cầu cứu om xòm, chạy ào ra cửa. Người đàn ông đó trong lúc hãi hùng nhất, quên bẵng đi là mình bị tê liệt, theo bản năng, đứng phốc dậy chạy bay ra cửa. Ra đến ngoài đường, người nhà ông ta sau phút hãi hùng, hoàn hồn, chợt sững sờ "Ủa, sao ông chạy ra đây được vậy? Ông bị tê liệt mà." Vừa nghe đến đây, ông ta té quỵ xuống đất.

Chuyện gì xảy ra vậy? Ngay trong lúc tai nạn xảy đến bất ngờ, không kịp phản ứng, người đàn ông đã quên hẳn đi cơn bệnh của mình nên toàn thân ông ta đã nghe theo lời sai khiến của tâm thức: "Đứng lên chạy ngay!" -và ông ta đã chạy được, nhưng khi người nhà nhắc lại

căn bệnh thì ông ta lại chuyển dòng ý thức về cơ thể nên ông ta không còn sức chống đỡ nổi nữa.

Cũng vậy, người đệ tử của Gutei bị tiếng quát lớn "Đứng lại" của Sư Phụ, dừng phắt lại, dòng tâm niệm dừng lại, cái đau dừng lại, hơi thở dừng lại- ngay trong tích tắc đó, người đệ tử đã thoát ra được sức chi phối của thể xác và tiếng quát lớn đó là một phép lạ nhiệm mầu giúp người đệ tử tỉnh thức. Đây là lần đầu tiên, người đệ tử thấu triệt được tâm thức và thân tướng giống như căn nhà và ánh đèn sáng bên trong. Thân xác này giống như căn nhà tối om, nếu không có ánh sáng ngọn đèn thì ta không thấy được gì bên trong căn nhà; cũng vậy, nếu không tịnh hóa được nguồn tâm thì mây mù vô minh vẫn còn che phủ bản tâm. Vì thế, người đệ tử kia đã sụp xuống lễ Sư Phụ: "Thầy đã cho con cơ hội nhìn thấu được tầng lớp sâu kín nhất của bản thân con; cái Bất Tử Vĩnh Hằng".

"Ngay lúc đó, người đệ tử ngộ đạo..."

Giác Ngộ là gì? Đó là sự liễu tri không thân, không tâm, là sự rỗng rang tự tại không bị ràng buộc, không bị ý thức chi phối.. Một khi thẩm thấu được Ta là ai?, bạn đã giác ngộ.

Thiền Sư Gutei đã chờ đợi cái giây phút tỉnh thức của người đệ tử này nhiều năm rồi. Cũng đã nhiều năm, người đệ tử đã từng giơ ngón tay lên như vậy. Thiền Sư đã đợi, đã đợi cơ duyên phải chín muồi, căn cơ đệ tử phải thuần thục mới hạ thủ công phu chém một nhát cuối cùng.

Giây đứt, thùng rơi. Không còn nước trong thùng, không còn trăng trong nước. Ảo ảnh tan biến, người đệ tử ngược nhìn vành trăng thực thụ trên trời, chàng ta đã ngộ đạo.

Giác Ngộ chính là ta biết được chính ta, ta tìm lại được chính ta!

Osho

10 Mẫu Truyện Thiền cho Đời Sống Thường Nhật Con Người
Dịch giả Thích Nữ Minh Tâm

Câu truyện thiền số 6

SAO NGƯỜI KHÔNG VỀ NGỦ ĐI ?

"Thiền sinh Tokusan, chiều chiều thường vẫn đến nhà Sư Phụ là Thiền Sư Ryutan để vừa đàm đạo vừa nghe Thầy giảng dạy. Một đêm đã khuya lắm rồi mà Tokusan vẫn còn nhiều điều muốn hỏi Thầy..

Thiền Sư Ryutan bảo:

"Đêm đã xuống lâu rồi, sao người không về ngủ đi"

Tokusan cúi đầu chào Thầy, vén màn cửa đi ra, nhìn bên ngoài rồi quay lại nói:

"Sư Phụ, bên ngoài trời tối đen như mực. "

"Thì người cầm cây nến này!"

Thiền Sư Ryutan cho Tokusan một cây nến để thấy đường; nhưng Tokusan vừa cầm lấy cây nến thì Sư Ryutan thổi phụt tắt ngọn nến.

Ngay lúc ấy, Tokusan ngộ đạo."

Điều thứ nhất chúng ta cần hiểu cho thật minh bạch là chúng ta không thể nào nghiên cứu học hỏi về Thiền. Điều đó không thể nào được. Bạn có thể thâm nhập thiền, nhưng bạn không thể nghiên cứu thiền; vì thiền không phải là một vật thể, một đối tượng để nghiên cứu tìm tòi. Thiền là "đường lối sống, là phương pháp sống." Thiền là con đường đạo. Thiền tùy thuộc vào cách sống của bạn.

Bạn không thể nắm bắt được cốt tủy Thiền Tông qua phương tiện kinh điển, qua người khác. Không một ai có thể dạy cho bạn, và thiền cũng không thể mang ra giảng dạy như một môn học được. Thiền không phải là kiến thức được truyền trao từ người này sang người kia. Thiền là cuộc sống, là dòng đời đang trôi chảy không ngừng. Bạn bơi trong dòng sông đời, bạn uống cạn từng giọt nước; hít thở từng hương vị mà dòng sông cuộc sống trao cho bạn; bạn mở rộng cõi lòng ra đón nhận cuộc sống, đón nhận thiền - đó là những gì mà người đệ tử nên làm với Sư Phụ.

Câu truyện trên kể rằng "Tokusan đang học thiền". Ngay chính chỗ đó là chỗ sai lầm của Tokusan cũng như của mọi người chúng ta

Cũng như có vài đại học nêu bằng hiệu là "Đại Học Tôn Giáo". Không có một đại học nào có thể dạy đạo cho bạn được. Họ có thể nói., có thể giảng về tôn giáo, nhưng đó không phải là cốt lõi, là tinh túy, là hương thơm Tôn Giáo, không phải là Đạo. Có rất nhiều triết thuyết, có rất nhiều đạo thuyết, nhưng chung qui không phải là tôn giáo. Những giảng sư có thể giúp bạn học Kinh Koran, Thánh Kinh, Kinh Vệ Đà; họ có thể nói về Chúa, về Phật, về Krishna; bạn cũng có thể học hỏi thu thập được rất nhiều điều hay, mới mẻ, bổ ích; nhưng bạn sẽ không bao giờ nắm bắt được cái linh hồn của tôn giáo, bạn sẽ lạc mất đi cái cốt tủy của Đạo.

Tôi có nghe một câu truyện:

"Có một tu sĩ Thiên Chúa Giáo gửi một bộ Kinh Thánh cho người bạn. Vị linh mục gói Kinh Thánh lại thật kỹ, thật đẹp. Ông ta đi ra bưu điện gửi quà, và nhân viên bưu điện hỏi:

"Thưa Cha, có cái gì dễ vỡ trong này không ạ?"

Vị linh mục mỉm cười:

"Có, có Mười Điều Răn của Chúa!"

Tôn giáo thật tuyệt vời; thật mong manh dễ vỡ. Không một lớp vỏ nào có thể bao bọc, bảo vệ được tôn giáo. Ngay lúc mà bạn chuyên chở nó đi, nó đã héo úa rồi. Đạo sống trong con người. Đạo sống trong Đức Phật, trong một vị thiền sư Đức Phật hay vị thiền sư đó không thể trao truyền đạo, trao truyền cuộc sống cho bạn, mà chính bạn, bạn phải tự sống lấy, tự chiêm nghiệm lấy thiền. Mỗi chúng ta là một thế giới nhiệm màu, không ai có thể sống hộ ta cả được.

Đạo giống như vàng thái dương ấm áp buổi sáng mùa xuân. Mặt trời không thể cho bông hoa sự sống, nhưng bông hoa có thể tự nó bung nở ra hướng về ánh sáng mặt trời và đón nhận sức sống chan hòa đó. Nếu bông hoa khép kín, mặt trời làm sao soi rọi xuống nó được? Mặt trời không đem ánh sáng tới riêng một nhà nào, tới riêng một người nào. Mặt trời chiếu soi lên vạn vật đồng đều, không phân biệt- nhưng với điều kiện là vạn vật phải mở cửa ra để đón nhận.

Một vị Phật đến với chúng ta nhưng chúng ta phải tự mở cửa lòng ra để đón nhận; nếu chúng ta khép kín cửa lại thì sẽ chẳng có điều nhiệm màu nào xảy ra cả. Chính chúng ta phải tự chiêm nghiệm lấy cuộc sống.

Sự nghiên cứu học hỏi là một vật sơ cứng, đã chết. Vì nghiên cứu

thuộc về lý trí, không thuộc về trái tim. Dòng đời như một dòng sông, không một sát na nào ngưng trôi chảy, nô lệ cho lý trí đơn thuần ham cắt xén thì chỉ thấy được cái ngưng đọng, cái chết (Doãn quốc Sỹ). Hãy nhìn những nhà học giả kia, họ như những con người máy biết cử động, nói năng, nhưng bạn hãy nhìn vào mắt họ - một cặp mắt vô hồn. Những viện đại học đầy ắp các nhà trí thức, bác học, đa văn, song họ như là những thi hài chưa được chôn cất. Họ không bao giờ sống thực cả. Họ tự nhốt họ chung thân trong nhà tù khái niệm; với mớ kiến thức, với những con số, những mẫu tự, họ đã tự tuyên án tử hình.

"Tokusan học đạo với Thiền Sư Ryutan. Chiều chiều Tokusan đến nhà Sư Phụ học thiền; một đêm kia, đã khuya lắm rồi mà Tokusan vẫn còn nhiều điều muốn hỏi Thầy... "

Đây chính là sự sai lạc của Tokusan. Bước đầu tiên đã sai, thì các bước sau đều sai hết. Hãy nhớ kỹ là phải cẩn thận bước đầu tiên cho vững chắc, cho thật chính xác. Nếu bước thứ nhất đúng, bạn chắc chắn sẽ đạt tới đích chuẩn xác. Thế cho nên, bạn đừng đến một vị thầy để tìm tòi nghiên cứu đạo, mà hãy đến với trái tim, với cõi lòng rộng mở như đất trời; hãy dẹp hết những khái niệm, con đề của lý trí để đón nhận luồng sinh khí tươi mát mới mẻ của suối thiền, hãy im lặng nhìn và quán chiếu. Đừng tìm cách giải thích thiền, tìm hiểu thiền qua lời nói, qua sách vở, kinh điển, nguy hiểm lắm, thật sự nguy hiểm. Thiền là siêu lý, là siêu lộ! Với mọi tiếng nói lý giải thiền, lập tức thiền khép cánh lại như lá hồ ngơ. Thiền khép cánh lại như vậy để ôm lấy niềm im lặng vô ngôn. Mà kỳ lạ thay, Vô Ngôn nhưng không tách rời thực tại. Chính vì vô ngôn mà cụ thể toàn diện. Chính trong niềm im lặng vô ngôn đó, những vang vọng, ý nghĩ, nhựa sống của ngôn từ, của hành động, của ý nghĩa càng tràn bờ để xóa bỏ mọi biên giới mà tầm gọi, bao dung lấy hết thảy (Doãn quốc Sỹ trong Vào Thiền)... Đó là sự khác biệt giữa học thiền và tu thiền!

"Một đêm, đã khuya lắm rồi mà Tokusan cứ vẫn còn hỏi han Sư phụ đủ chuyện."

Thái độ người đi học đạo, học thiền là như vậy. Họ cố vơ vét, cố lượm mót cho thật nhiều kiến giải của người khác để lấp đầy khoảng trống của mình, rồi đi huênh hoang rao giảng lại những vụn vặt lượm mót đó để được mọi người kính nể ca tụng; nhưng thực ra, họ chỉ là

những cái thùng rỗng kêu to mà thôi.

Người đi tu thiền lại khác. Người này chỉ có một câu hỏi dứt khoát, một hướng nhất định. Người này đi thẳng vào vấn đề, đi thẳng vào trung tâm, không vòng vo tam quốc gì cả. Câu hỏi Sanh Tử đó cũng không cần Sư Phụ trả lời bằng ngôn từ, mà chính bản thân người tu thiền sẽ tự trả lời bằng kinh nghiệm thể chứng tâm linh. Sư Phụ chỉ là người hướng dẫn, chỉ là trung gian giúp đệ tử tự ngộ.

"Tokusan hỏi rất nhiều, nhưng Sư Ryutan không trả lời câu nào cả. Sư chỉ nghe những câu hỏi và nói: "Đêm đã xuống lâu rồi! Sao người không về ngủ đi"

"Sao người không về ngủ đi" Đó chính là câu trả lời của Sư Ryutan.

Có hàng vạn, hàng triệu câu truyện thiền, nghe qua rất kỳ quặc. Bạn hỏi A và thiền sư trả lời B; chẳng ăn nhập vào đâu hết. Chúng ta không biết Tokusan hỏi gì. Chúng ta chỉ biết một điều là Thiền Sư Ryutan không trả lời các câu hỏi đó. Sư chỉ nói: "Đêm đã xuống lâu rồi, sao người không về ngủ đi" Thiền là thế đó!

Có một giai thoại thiền khá lý thú:

"Có một người khách tới hỏi Thiền Sư Nan-In về thiền. Nhưng đáng lẽ đến để nghe thì ông khách cứ thao thao bất tuyệt, nói hoài nói mãi. Lát sau, Sư Nan-In mời khách dùng trà. Sư rót trà vào chén của khách; chén đầy rồi mà Sư cứ tiếp tục rót mãi, rót mãi.. Trà đổ đầy ra bàn, chảy tràn xuống đất mà Sư cứ rót hoài. Sau cùng ông khách không giữ được kiên nhẫn nữa, nói lớn:

"Kìa, Thiền Sư, chén trà đầy lắm rồi, không rót được thêm nữa đâu!"

Thiền Sư ngưng rót trà:

"Cũng vậy, này cư sĩ, cư sĩ cũng giống như cái chén trà đó, đầy ắp những tư kiến. Tôi còn biết hiến dâng gì về thiền nếu cư sĩ không cho tôi một cái chén rộng hơn."

Đó, vấn đề là ở chỗ đó. Thực là một thái độ ấu trĩ khi chúng ta hăm hở tìm hiểu thiền, định nghĩa thiền qua lý lẽ, qua tư kiến. Thiền không thể nào lý giải được qua ngôn từ, và chúng ta không thể lãnh hội thiền nếu đầu óc chúng ta sơ cứng vì quan niệm và kiến thức. Chúng ta đã lấy cái hạn hữu để đong cái vô hạn; chúng ta đã lấy cái thúng úp chụp lên bầu trời. Thật ấu trĩ, thật ngu xuẩn!

Con người luôn chạy về phía trước, rượt tìm tương lai mà lãng quên thực tại. Câu nói của Thiền Sư Ryutan thật xác đáng, ý nhị và thâm

thúy xiết bao! "Đêm đã xuống lâu rồi, sao người không về ngủ đi" Người chưa cảm thấy là đầy đủ thỏa mãn sao? Người không cảm thấy là đầu óc người chuyên chờ quá tải ư? Hãy buông bỏ gánh nặng tư kiến đó đi, hãy đặt để nó xuống thì người mới hy vọng nhẹ bước vào cửa thiền. Đừng vác nó trên vai nữa. Chính cái kiến thức đó, chính lòng tham lam hiểu biết đó đã ngăn chặn người không cho người thanh thoi bơi lội giữa lòng trùng dương xanh thẳm. Với đầu óc nặng nề như vậy, người giống như một tên mù đi trong đêm tối đen kìa. Nhưng Tokusan không hiểu được ý Thầy; quả vậy, một người có quá nhiều câu hỏi thì đâu còn chỗ trống trong tâm để hiểu được câu trả lời.

Với lòng từ bi đại lượng, Sư Ryutan đã gợi ý giúp đệ tử nhưng đệ tử vẫn còn mù đặc. (Các nhà học giả cũng thường mù đặc như vậy).

Tokusan nghĩ gì? Anh ta nghĩ sao Thầy lại trả lời lằng nhách vậy? Đêm khuya thì có ăn nhập gì đến câu hỏi đạo của mình- nhưng anh ta vẫn đứng lên nhìn ra ngoài nói:

"Dạ vâng, đêm tối đen như mực."

"Sao người không về ngủ đi"

"Dạ vâng, đêm tối quá, đến giờ con phải về ngủ rồi".

Các thiền sư không bao giờ nói về những hiện tượng bên ngoài, nhưng chúng ta thì luôn luôn chạy theo những cái bên ngoài. Tokusan cũng vậy.

Cái mà Sư Ryutan muốn nói là: "Sao người không thức tỉnh đi" Đối với người liễu đạo, "Ngủ" có nghĩa là đến lúc ta phải thức tỉnh khỏi cơn mộng đi, vứt bỏ mớ kiến thức rơm rác đi. Cái lý trí chật hẹp khô cứng đó là ngục tù, là cơn mê, là giấc ngủ đưa ta vào vô minh, vào quên lãng.

"Sư Ryutan đưa cho Tokusan một cây nến để thấy đường, nhưng Tokusan vừa cầm lấy cây nến thì Sư Ryutan thổi phụt tắt ngọn nến.

Ngay lúc ấy Tokusan ngộ đạo."

Ngọn đèn trong tâm chúng ta luôn luôn cháy. Ánh sáng nội tâm luôn có đó, nhưng chúng ta cứ mãi nhìn ra bên ngoài, không hề có giây phút nào quay ngược vào bên trong để quán chiếu. Sư Ryutan đã gợi ý cho Tokusan để có thể nhận chân được lý thiền, nhưng Tokusan vẫn chưa thấu đáo được nên Sư lại tạo thêm một tình huống khác, một tình huống lạ thường: Sư cho Tokusan một cây nến

đã thấp sáng, có nghĩa là "Người không nhìn vào bên trong nội tâm người. Người sống trong bóng tối vô minh của tâm hồn người, nó tối đen như đêm tối ngoài kia. Ta nói cái bên trong tâm, người lại đi nhìn cái bên ngoài. Thôi được, ta cho người ngọn nến soi sáng đường người đi nè." Nhưng vừa lúc Tokusan cầm lấy cây nến, Sư Ryutan thổi phụt tắt ngọn nến. Ánh sáng phụt tắt, Tokusan ngộ đạo. Ngay cái tích tắc giữa sáng và tối đó, người đệ tử trực nhận liền ngọn đèn trong tâm (Phật tánh, chân tâm) ta vẫn thường hằng sáng nhưng vì ta không chịu lau chùi bóng đèn nên bị bụi vô minh che lấp ánh sáng. Ngay lúc ánh sáng ngọn nến phụt tắt, Tokusan hiểu ý Sư Phụ là "tự người phải thấp lên ánh sáng trong tâm người, tự người phải đi, tự người phải phá vỡ bóng tối vô minh. Không ai có thể giúp người được. Ngay chính chữ Phật cũng chỉ là người dẫn đường mà thôi, tự người phải bước, tự người phải đi, phải tự nghiệm, phải tự thể chứng."

Giai thoại nhà thiền có ví dụ: "Khi một người chưa tu, thấy núi là núi là núi, sông là sông. Khi tu rồi lại thấy núi không phải là núi, sông không phải là sông. Khi đạt đạo rồi lại thấy núi là núi, sông là sông."

Rắc rối quá, lung tung quá, phải không?

Người tu thiền, liễu đạo thiền, sống cũng như một người bình thường- đói ăn, khát uống, mệt ngủ khi. Bề ngoài hai hạng người này không có gì khác nhau cả. Nhưng bên trong hoàn toàn sai biệt; đó là nội tâm sai khác nhau. Người liễu đạo sống trong cảnh đời thường nhưng tâm đã xả ly, không dính mắc sự vật. Người đó sống trong bùn nhưng không nhiễm mùi bùn, tâm thoát ly rỗng rang tự tại, phóng khoáng như đất trời bao la. Người đó có thể làm bất cứ điều gì cần phải làm nhưng không bị ràng buộc- không bị ràng buộc và cũng không cần phải tháo gỡ gì cả. Đâu có gì ràng buộc mà cần phải tháo gỡ?

Có một người đến hỏi Phật:

"Bạch Đức Thế Tôn, con nghe nói giáo lý nhà Phật vô cùng thậm thâm vi diệu, khó nghĩ bàn, Thế Tôn có thể cho con biết vi diệu như thế nào không ạ?"

Phật trả lời:

"À, thì đói ăn khát uống, mệt ngủ khi."

"Úy, thế thì có khác gì người thường đâu?"

"Có chứ, khác nhiều chứ! Người thế tục khi ăn không biết mình đang ăn, uống không biết mình đang uống, ngủ trong mê man mộng mị; còn đệ tử Phật; ăn biết đang ăn, uống biết đang uống, làm bất cứ việc gì đều nhận thức rõ đang làm gì. Người đệ tử Phật sống thức tỉnh trong từng sát na, đề phòng vọng niệm khởi lên như tên giữ cửa thành; giờ phút nào cũng cẩn thận canh phòng địch quân xâm nhập. Thành trì dụ cho lục căn thanh tịnh, địch quân là lục trần, người giữ cửa thành luôn phải thức tỉnh không cho giấc lục trần xâm nhập quấy nhiễu lục căn. Đó, người tu khác người thường là ở chỗ đó."

Dòng vô minh chấm dứt, cõi tâm rộng mở,
Cõi tâm rộng mở, cửa Niết Bàn rộng mở,
Cửa Niết Bàn rộng mở, ta với Phật đồng nhau không khác.

Osho

10 Mẫu Truyện Thiền cho Đời Sống Thường Nhật Con Người
Dịch giả Thích Nữ Minh Tâm

Câu truyện thiền số 7

ÔNG PHẬT MŨI ĐEN

"Có một Ni cô trên đường tìm chân lý đã chặt chiu nhờ thợ đúc riêng cho Ni cô một tượng Phật nhỏ cỡ chừng gang tay bằng gỗ ngoài thép vàng. Tượng Phật đó rất đẹp và Ni cô rất trân quý; đi đâu cũng mang theo, và còn đốt hương cúng dường cho Phật nữa.

Năm tháng trôi qua, Ni cô vẫn luôn mang vác tượng Phật trên vai đi khắp nơi. Một ngày kia, nghĩ mình cũng lớn tuổi rồi, Ni cô dừng chân lại một ngôi chùa nhỏ miền quê; nhưng chùa này lại có rất nhiều tượng Phật lớn nhỏ. Mỗi vị Phật đều có bàn thờ riêng cả. Nhìn lại pho tượng Phật nhỏ xíu của mình, Ni cô thấy trong lòng ái ngại quá. Ở nhờ chùa người ta nên khó lập bàn thờ riêng cho Phật mình, Ni cô đành phải thờ ké bàn thờ vậy.

Từ hồi nào đến giờ, Ni cô thường đốt hương trầm cúng dường "Phật của mình", nay trong cảnh thờ chung như vậy, Ni cô thấy trong lòng bất ổn; mấy ông Phật trụ xứ nhiều quá, ông nào ông nấy to lớn, lỗ mũi to như quả quít thể kia thì hít hết khói hương trầm, còn gì cho ông Phật của mình nữa. Thiệt thòi cho Phật mình quá!

Ngày đêm suy nghĩ, Ni cô nghĩ ra một kế thượng sách. Ni cô lấy giấy và ống nhựa nhỏ quấn lại với nhau thành hình một cái phễu (ống quận) vừa đủ khói xông lên hun thẳng vào mũi ông Phật mình. Hay quá, thế là mấy ông Phật trụ xứ kia đừng hòng ngửi ké nhá. Ni cô hoan hỷ quá, trong lòng vui sướng, ăn ngủ ngon lành.

Trải qua mấy tuần lễ đốt hương xông thẳng vào mũi Phật, kết quả mấy pho tượng Phật trụ xứ chẳng có sao hết, duy tượng Phật của Ni cô, cái lỗ mũi đen thui đầy muội hương. Cái lỗ mũi đen trên pho tượng Phật bằng vàng càng làm cho pho tượng xấu xí hơn, kỳ cục hơn. "

Ồi chao, làm Phật rồi mà còn khổ thế, huống chi là trần gian.

Khổ thay, khổ thay!

Vấn đề then chốt nhất của người đi tìm chân lý giải thoát là phải phân biệt rõ ràng ranh giới giữa Yêu, Ghét, Tham Đắm và Ràng Buộc. Cái

ranh giới đó hay bị lẫn lộn nhập nhằng với nhau, nhưng thực ra, chúng khác nhau đấy.

Sự ràng buộc đằm trước là một tai họa, một nguy hiểm giết chết Tình Yêu. Không có một vật gì nguy hiểm hơn, độc hại hơn lòng chiếm hữu dính mắc.

Bạn phải cố gắng hiểu cho kỹ điểm này, rồi chúng ta đi vào cốt truyện.

Rất nhiều người đã lầm lẫn Tình Yêu và sự Chiếm Hữu. Chiếm Hữu không phải là mặt trái, không phải là một phần của Tình Yêu gì cả. Nó là sự đối nghịch hoàn toàn.

Tình Yêu (viết hoa) không đơn thuần có ý nghĩa là tình yêu nam nữ, mà còn là tình yêu quê hương, tình yêu cha mẹ, tình yêu chúng sanh, v.v. Một thứ tình yêu bao la không biên giới, không phân biệt màu da, chủng tộc, quốc gia gì cả. Sức mạnh Tình Yêu Đại Đồng này có công năng tiêu hủy cái tự ngã vị kỷ hẹp hòi của bạn để bạn hòa hợp mình vào với mọi người, với chúng sanh, với vũ trụ và sẽ giúp bạn thăng hoa nhân cách tới mức tối thượng. Hơn thế nữa, Tình Yêu Đại Đồng đó sẽ giúp bạn đối diện dễ dàng với cái chết, và từ đó, bạn cũng sẽ dễ dàng thực tập thiền định.

Tình Yêu sâu thẳm hơn cái Chết, Thiền Định sâu thẳm hơn Tình Yêu. Trong thiền định, tự ngã của bạn phải vắng bóng; cái tự ngã của bạn phải chết đi. Khi bạn không dính mắc bám víu một cái gì, khi bạn hoàn toàn thoát ly ra được cái ngục tù "Tự Ngã" thì bạn mới thể nhập được vào Đại Định.

Danh từ tiếng Anh "Ecstasy" rất đẹp và có ý nghĩa. "Ecstasy" có nghĩa là đứng bên ngoài, đứng ngoài lẽ. Nhưng trong đạo Phật, "Đại Định" mang ý nghĩa sâu xa hơn, hàm xúc hơn, triệt để hơn ý nghĩa xuất thần, nhập định rất nhiều.

Thiền Phật giáo không đơn thuần là trạng thái xuất thần, đi vào những cảnh giới lạc thú như các cõi trời mà là nghệ thuật kiến chiếu vào thể tánh của chúng ta; nó chỉ con đường từ triền phược đến giải thoát, nó đưa chúng ta đến uyên nguyên của cuộc sống, uống ngụm nước đầu nguồn, cởi bỏ tất cả những sự ràng buộc chấp mắc. Khi nhập vào đại định, ta có thể khai phóng tất cả năng lực nội tại và tự nhiên tích tập trong mỗi người chúng ta (Thiền Luận của Dr. Suzuki). Nghệ thuật trong thiền chính là nghệ thuật học cách Chết. Chết con

người khốn nạn tầm thường này để trở thành một con người mới toàn thiện hơn. Do đó, Tình Yêu có nghĩa là chết đi cái tự ngã nhỏ hẹp ích kỷ để sống an lạc và chia sẻ hạnh phúc với mọi người, mọi loài.. Nó khác xa tính chất độc hại của sự chiếm hữu ràng buộc.

" Có một Ni cô trên đường đi tìm chân lý đã dành dụm tiền nhờ tạc một tượng Phật bằng gỗ thếp vàng. Tượng Phật đó rất đẹp và Ni cô đi đâu cũng mang theo kè kè... "

Từng chữ một trong câu truyện này cần phải giải thích trọn vẹn. "Một Ni cô" Tại sao lại là một ni cô mà không phải là một ông thầy tăng? Có phải vì đầu óc và trái tim phụ nữ rất chật hẹp và thích chiếm hữu cho nên nhân vật cốt truyện là một ni cô?

Chúng ta khoan phê bình đánh giá vội. Không phải chỉ riêng có phụ nữ mới có tánh ích kỷ, hẹp hòi, tham lam, đố kỵ, nhiều tật xấu đó đâu, mà những người đàn ông cũng có những tật xấu đó. Nhưng trước hết, chúng ta thử phân tích "Tại sao người đàn bà ích kỷ, sở hữu nhiều hơn đàn ông?" — Bởi vì tánh ích kỷ sở hữu thoát thai từ sợ hãi.

Phụ nữ là một linh vật yếu đuối về thể chất. Vì sự yếu đuối thể chất đó, họ cần nương dựa; họ cần được bảo vệ. Từ những ngày đầu của thời kỳ khai thiên lập địa, phụ nữ đã phải nương dựa vào cánh đàn ông để được che chở và bảo vệ khỏi thú dữ để sinh tồn. Lâu dần, họ trở nên phụ thuộc và tự biến mình thành cái bóng sau lưng người đàn ông. Và càng yếu đuối chừng nào, họ càng sợ thêm chừng đó, càng sợ lại càng chiếm giữ ràng buộc, sợ mất đi sự che chở, sợ mất đi sự bảo vệ, sợ mất đi sự nương dựa. Ngay cả khi họ đang được bảo vệ, họ cũng vẫn cảm thấy không hài lòng thỏa mãn. Họ vẫn cảm thấy bất an, lo sợ sẽ mất đi cái an toàn, cái phao che chở đó, và từ đó, tánh chiếm hữu ràng buộc tự lợi nảy sinh, không muốn chia sẻ với ai cái họ đang nắm giữ. Vì thế, trong câu truyện, hình ảnh ni cô, người phụ nữ, đã được lựa chọn. Song, bạn cần phải nhớ kỹ rằng không có sự khác biệt gì nếu bạn mang thân tướng đàn ông mà ích kỷ, hẹp hòi, không rộng lượng thì thể chất đàn ông nhưng tánh khí đàn bà đó. Điều đó còn tệ hơn nữa, phải không? Còn phụ nữ nào xả bỏ được tánh vị kỷ sở hữu thì hơn hẳn đàn ông rồi còn gì. Như vậy, sự khác biệt không phải đặt trên vấn đề nam giới hay nữ giới mà đặt trên cơ bản phong cách hành xử.

Nghe rằng Mahavira đã nói "Phụ nữ không thể nào giác ngộ được trừ phi người ấy trở thành đàn ông." Và mọi người tin theo nghĩ rằng phụ nữ phải cố gắng làm tất cả những việc phước đức để kiếp sau tái sanh lại làm phái nam. Thực ra, ý nghĩ đó quả là buồn cười và ngờ nghếch. Mahavira muốn nói là còn tư tưởng ích kỷ chiếm hữu đó thì không thể nào giác ngộ được chứ không phải nói còn cái thân tướng đàn bà là không giác ngộ — vì còn sợ, còn chiếm hữu thì không Tình Yêu, không Thiền Định được.

"Ni cô đó tạc một pho tượng Phật bằng gỗ thếp vàng và đi đâu, Ni cô cũng mang theo."

Từ lúc tạc tượng Phật thếp vàng, Ni cô ngủ không an giấc vì lo sợ kẻ nào đó sẽ đột nhập vào rình mắt pho tượng quý này đi. Đang đi trên đường, nếu có ai chợt nhìn vào tay nải trong có tượng Phật, Ni cô cũng giật thót người, cảm thấy bất an nghĩ rằng biết đâu họ biết trong túi có tượng Phật thếp vàng và sẽ cướp đi mất. Pho tượng trở thành gánh nặng, trở thành hàng rào cản bước tiến giải thoát của Ni cô. Tâm trí Ni cô xoay vần với lo sợ, bất an, và dính mắc. Còn chỗ trống nào đâu để an lạc giải thoát lọt vào! Pho tượng đã trở thành tâm điểm chiếm hữu, lo sợ và thờ phụng.

"Năm tháng trôi qua Ni cô vẫn luôn mang tượng Phật đi khắp đó đây. Và một ngày kia, Ni cô dừng chân lại một ngôi chùa làng có rất nhiều tượng Phật.."

Thời gian trôi qua, không có dấu hiệu giác ngộ gì. Mang kè kè một tượng Phật như thế mà không thấy gì à? không giác ngộ gì sao? Lạ thật.

Phật là Giác ngộ, là Giải thoát, là Đại Ngã, là Chân Tâm, là Bản Thể; nhưng bạn không thể giác ngộ chân lý giải thoát đó nếu bạn vẫn vác nặng hành trang ràng buộc, chấp trước và vị kỷ. Dù bạn có mang vác trên vai bao nhiêu pho tượng Phật đi chẳng nữa thì cũng dãi tràng xe cát biển đông mà thôi.

Bên Trung Hoa, Nhật Bản, người ta đã xây dựng rất nhiều đại tự, đại tháp để thờ Phật. Ở Trung Hoa, có một ngôi cổ tự thờ 10,000 tượng Phật. Tuy nhiên, dù có hàng 10,000 tượng đi chẳng nữa cũng chẳng giúp ích được gì cho ta cả nếu ta không chịu tu tập đoạn trừ Tham Sân Si, Ngã Mạn, Tà Kiến, v.v...

Tượng Phật chỉ là một biểu trưng cho sự giác ngộ giải thoát; chiêm

ngưỡng lễ lạy tượng Phật để tự nhắc nhở vốn sẵn có Phật tánh. Phật tánh có ở trong anh, có ở trong tôi, có ở trong em, có ở trong người giàu sang quyền quý cũng như ở trong kẻ ăn mày khốn khổ kia.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh!

Tất cả chúng sanh đều thành Phật!

Tất cả chúng sanh đều bình đẳng!

Hãy tìm một vị Phật sống. Hãy tìm vị Phật sống trong tạ Đưng rong ruổi tìm cầu bên ngoài. Đưng trông chờ mong đợi sự cứu độ. Đưng dập đầu van lạy các ngẫu tượng cầu xin giải thoát. Vì thế, Ni cô này đã vác tượng Phật gỗ suốt nhiều năm mà chẳng thấu hiểu được gì. Cái tâm đắm chấp đã che mờ giác tánh trong Ni cô Quả vậy, có cái gì khổ theo cái nấy. Người đời có gia đình, có cái nhà cái xe là lo lắng ôm giữ bảo vệ những thứ đó cả đời, sợ mai một mất đi và lo nổi dòng nổi dãi để giao phó của cải. Tu sĩ thì trụ trì một ngôi chùa nào hay thánh đường nào thì cũng dính mắc vào tự viện đó không thoát ra nổi, cũng lo kiểm đệ tử truyền trao lại. Cha truyền con nối; không muốn giao cho ai khác ngoài con ruột mình, đệ tử ruột mình. Cái chế độ phong kiến tự ngàn xưa đã bị chúng ta hủy bỏ đi để xây dựng chế độ tự do dân chủ; nhưng đó chỉ là hình thức thay đổi còn nội dung vẫn như cũ. Cái Tiểu Ngã vẫn hoàn lại Tiểu Ngã đầy tham vọng ích kỷ, tư lợi và ràng buộc. Cái hay nhất của người tu sĩ là rày đây mai đó, đem chánh pháp giáo hóa chúng sanh. Chùa chiền, tự viện chỉ là trạm dừng chân qua đêm, đến sáng lại quảy gánh ra đi. Ngoài ra, nếu phải trụ trì một ngôi chùa hay tự viện nào thì tu sĩ đó phải hằng tự giác tỉnh là Vạn Pháp vốn Vô Thường Vô Ngã — Không có cái gì trường tồn bất biến cũng không có cái gì là của ta cả. Sự vật đến đến đi đi, có có không không. Người tu sĩ phải luôn luôn có tâm niệm Xả Ly Phá Ngã đó thì mới ứng phó đạo tràng, tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên được. Nếu không, họ sẽ sanh tâm đắm nhiễm, mắc kẹt vào chùa chiền, thánh đường, tự viện, tín đồ, danh lợi thế gian.

" Ni cô đó thường đốt hương trầm cúng dường tượng Phật của mình . Vì không muốn khói xông lên bay vào các tượng Phật khác, Ni cô đã chế ra một cái phểu nhỏ để khói chỉ bay thẳng vào mũi tượng Phật của mình.

Thấy chưa? Nội chỉ có khói hương thôi mà người ta đã phân biệt ích

kỷ rồi hướng chi là những thứ quý giá hơn, to lớn hơn gấp bội. Thế cho nên, chúng ta đã chứng kiến quá nhiều cảnh tranh giành tương tàn lẫn nhau để chiếm đoạt hay ôm giữ. Ông tu sĩ này nói xấu ông sư kia, bà ni cô kia bêu riếu bà vãi nợ, đền thờ, chùa chiền, tự viện, v.v... đua nhau mọc lên như nấm, và cũng đua nhau khuếch trương lên mưu cầu đóng góp, dụ dỗ tín đồ... Tất cả chẳng qua phản ánh tâm Tham Đắm, Chấp Ngã, Mê Danh của những con người chưa liễu đạo. Ni cô trong truyện có phải chẳng chính là hình ảnh của chúng ta. Chúng ta đã từng ra rả tụng kinh, sám hối, tọa thiền... nhưng chúng ta nào có thấu được chút hương thơm giáo lý của Phật, của Chúa, của Mahavira. Chúng ta xây bao tượng Phật, tượng Chúa, đền thờ, tháp tự, v.v. nhưng nào chúng ta thực hành được chút xiu nào lời các Thánh nhân dạy về giải thoát giác ngộ? Cũng như Ni cô mang vác tượng Phật suốt nhiều năm mà vô minh vẫn hoàn vô minh, ràng buộc vẫn hoàn dính mắc.

Và chuyện gì đã xảy ra?

"Trải qua mấy tuần lễ bị hun khói như vậy, lỗ mũi ông tượng Phật vàng bị đen thui đầy muội hương. Cái lỗ mũi đen trên pho tượng vàng càng làm cho pho tượng Phật xấu xí hơn, kỳ cục hơn."

Điều đó đương nhiên phải xảy ra cho tất cả những người còn tâm đắm nhiễm vị kỷ. Hương thơm không còn là hương thơm, chân lý không còn là chân lý nữa.

Hãy trở về nhìn lại các pho tượng Phật, tượng Chúa, tượng Krishna. Ở tất cả lỗ mũi của các pho tượng đó đều bị đen thui vì ám khói ích kỷ tư lợi, chấp trước vô minh của chúng ta. Lời cầu nguyện của chúng ta chỉ là lời cầu xin được ban thêm ân huệ vật chất. Ngay khi chúng ta mở miệng ra nói: "Nhà thờ của tôi, chùa của tôi, thầy của tôi, đệ tử của tôi... Có danh từ "của tôi" là điện đài, chùa chiền, tự viện gì gì đi nữa đều bị phá xập hoàn toàn.

Trước đây, chính tôi (tác giả) đã bị dẫn độ ra tòa vì tôi dám xâm phạm một nhà thờ. Ngôi nhà thờ đó đã đóng cửa, không hoạt động ít nhất là 20 năm rồi. Những tín đồ đã dọn đi nơi khác, không còn ở Ấn nữa. Nhà thờ này thuộc về giáo hội Thiên Chúa Giáo Anh và cũng không còn người Anh nào ở phố thị này, không ai chăm sóc trông nom nhà thờ cả. Nhà thờ ấy rất đẹp nhưng bị hoang phế.

Ngày kia, có vài tín đồ đến gặp tôi và nói:

"Chúng tôi không thuộc giáo phái Anh, nhưng chúng tôi không có nhà thờ riêng. Vậy ông có thể giúp chúng tôi mở khóa vào lễ Chúa không?"

Tôi đáp ngay:

"Được thôi, có gì đâu."

Và những tín đồ đổ vào nhà thờ, quét dọn, lau chùi bụi bặm bám đen lỗ mũi của Chúa.

Tôi nói với họ:

"Không cần hỏi ai là chủ nhà thờ này cả. Người nào thờ phụng Chúa với tất cả lòng thành không riêng tư thì nhà thờ đó là của họ."

Nhưng độ hai, ba tháng sau thì tin tức bay tới tai những người trước kia bỏ tiền ra mua nhà thờ. Họ tìm luật sư và kiện tôi ra toà vì dám xâm phạm nhà thờ.

Công tố viên buộc tội:

— Tại sao ông dám mở khóa nhà thờ? Nhà thờ này thuộc về những nguyên cáo là những người bỏ tiền ra mua. Nó là tài sản của họ.

— Nhà thờ không phải là tài sản của bất cứ riêng ai. Nhà thờ chỉ là một phương tiện để mọi người có thể đến lễ lạy Chúa.. Nhà thờ không phải là tài sản của riêng ai cả.

— Đó là luật pháp. Khi ông xâm phạm vào tài sản người khác, ông đã phạm tội..

— Được thôi, các ông có thể đóng cửa nhà thờ lại.. Các ông có thể buộc tội tôi; nhưng hãy nhớ kỹ một điều là chính các ông, những con người ích kỷ tham dâm kia, đã giết chết Tôn Giáo! Chính các ông mới là kẻ có tội!"

Hãy nhớ kỹ lời Đức Đạt Lai Lạt Ma nói:

"Ngôi chùa của tôi chính tại Tâm tôi!"

Chùa tại Tâm. Phật tại Tâm!

Đủ rồi!

Osho

10 Mẫu Truyện Thiền cho Đời Sống Thường Nhật Con Người

Dịch giả Thích Nữ Minh Tâm

Câu chuyện thiền số 8

NGƯỜI CHO PHẢI CẢM ƠN

"Thiền Sư Seistsu kêu gọi tín đồ đóng góp để xây một thánh đường mới rộng lớn hơn vì số lượng người đến nghe pháp quá đông; giảng đường hiện tại không đủ sức chứa.

Umezu, một thương gia giàu có, hiện diện tại buổi kêu gọi ủng hộ đó, cúng dường 500 đồng tiền vàng. Ông ta mang tiền đến đưa tận tay Thiền Sư Seistsu và Thiền Sư nói: "Được rồi, tôi nhận. Để đó đi!"

Umezu đưa túi tiền vàng cho Thiền Sư, nhưng ông ta không được vui mấy với thái độ dửng dưng của Thiền Sư Seistsu. Số tiền 500 đồng tiền vàng rất lớn, vì thời đó, người ta có thể sống cả năm trời chỉ với 3 đồng tiền vàng mà thôi; thế mà Thiền Sư lại chẳng nói một câu cảm ơn nào.

"Trong túi là 500 đồng tiền vàng đấy, Sư ạ!" Umezu nói.

"Ông đã nói với tôi rồi cơ mà!" Thiền Sư trả lời.

"Mặc dù tôi là một thương gia giàu có, 500 đồng tiền vàng cũng không phải là số nhỏ đâu!"

"À, vậy là ông muốn tôi phải cảm ơn ông chứ gì?" Thiền Sư hỏi.

"Ngài phải như thế mới đúng chứ?"

"Tại sao? Người cho cần phải cảm ơn người nhận chứ?"

Có hai cách sống, hai con đường phải đi: một là sống đúng, đi đúng; hai là sống sai, đi sai. Sống đúng, đi đúng là chia xẻ, là cho, là ban tặng, là yêu thương. Sống sai, đi sai là tham góp, là nắm giữ, là khuynh loát, là thống trị. Tình Yêu và Tiền Bạc là hai ví dụ điển hình nhất cho hai phương pháp sống và hành xử của con người. Tình Yêu là con đường đúng và Tiền Bạc là con đường dẫn tới hậu quả sai lầm đáng tiếc. Song buồn thay, hầu hết mọi người đều thích đi con đường thứ hai, con đường tiền bạc.

Tại sao điều đáng tiếc đó lại xảy ra vậy? Tại sao mọi người lại sai lầm? Qui luật nào, động lực nào thúc đẩy con người đắm say tiền bạc; dù họ biết là sẽ có một ngày họ Ôm hận.

Ta cần phải thâm nhập thật sâu thật sát vào nội tâm con người, phân

tích mỗ xẻ kỹ lưỡng tâm lý từng nhân vật điển hình trong câu truyện thiền số 8, những nhân vật biểu trưng cho chúng ta. Nếu ta không hiểu được câu truyện này, thì ta không thể hiểu được Phật, hiểu Chúa, hiểu Mahavira. Không, không bao giờ được, vì những thánh nhân này đi trên con đường Thương Yêu, ta ngất ngưỡng say trên con đường tiền tài danh vọng. Hai con đường song song, không bao giờ gặp nhau tại một trung điểm nào cả. Phạm và Thánh không thể nào, không bao giờ chạm mặt.

Đôi lúc, ngay khi ta cố gắng hiểu Mahavira, hiểu Chúa, hiểu Phật, ta cũng hiểu các đấng thánh nhân đó qua từ ngữ "Tiền bạc". Những tín đồ Kỳ Na Giáo tính toán Mahavira đã rời bỏ những gì, bao nhiêu. Cái danh từ "Bao nhiêu" mới quan trọng, mới là điểm chính. Nếu Mahavira là con một kẻ ăn mày, bọn người này sẽ không tôn sùng ông ta đâu. May mắn thay, Mahavira là một thái tử, con một vị Vua. Vị Vua này trị vì một vương quốc rộng lớn, ngọc ngà châu báu vô số — và Mahavira đã từ bỏ ngai vàng điện ngọc, ra đi tìm chân lý. Bất thành linh, Mahavira trở nên quan trọng, nổi bật lên giữa đám đông người ô hợp phàm tục. Vương quốc, tiền bạc, ngọc ngà, châu báu... bị từ bỏ, bị để lại sau lưng; chính điểm đó làm người ta quan tâm chú ý chứ không phải cái tư chất cao quý, cái phẩm cách thuần lương tối thượng của Mahavira làm người ta coi trọng.

Qua những con số, người ta tôn sùng đánh giá một người. Ba đấng giáo chủ của ba tôn giáo lớn ở Ấn: Phật giáo, Ấn Độ giáo, Kỳ Na giáo đều xuất thân là thái tử, con Vua cả. Đó là Đức Phật, Krishna và Rama. Chính cái điểm xuất thân quyền quý cao sang đó hấp dẫn người ta nhiều nhất, làm người ta sẵn sàng quì lạy dưới chân. Buồn thay! Vì thế, tôi đã nói người mê tiền sẽ không thể nào hiểu được người coi thường vật chất. Họ không bao giờ gặp nhau cả. Đó là lý do các bậc Thánh nhân rất cô độc trên bước đường giải thoát.

"Thiền Sư Seistsu kêu gọi mọi người đóng góp xây một thánh đường rộng lớn hơn để đủ sức chứa số lượng tín đồ đông đảo.

Umezu, một thương gia giàu có, ủng hộ 500 đồng tiền vàng và tỏ vẻ không hài lòng thái độ dửng dưng của Thiền Sư... "

Qua câu truyện, ta nhận xét ngay Umezu là một tên nhà giàu keo kiệt bủn xỉn, coi trọng đồng tiền. Nhưng sao hắn ta lại dám bỏ ra 500 đồng tiền vàng? Hắn có mưu cầu lợi lộc gì chăng?

Thói thường, dân buôn bán là hạng người tính toán so đo lời lỗ rất kỹ. Bất cứ việc gì, họ đều đặt lên bàn cân đong đếm nặng nhẹ. Cái tập khí tính toán đó ăn sâu vào xương tủy họ, khó lòng đoạn trừ, nên dù hướng về tôn giáo, họ cũng đem sự linh thiêng tín ngưỡng lên bàn cân tính toán.

Umezu là một tên buôn bán; con số là mạng sống của ông ta. Nay đem ra 500 đồng tiền vàng, dĩ nhiên, Umezu muốn một sự trao đổi có lời. Có thể ông ta đã quá già và sắp chết, muốn dùng tiền để mua sự sung sướng chốn thiên đường. Năm trăm đồng tiền vàng kia có thể chỉ là một phần triệu gia sản của ông ta, có thối thía gì đâu sự mua bán này? Thiền Sư Seistsu đã được mọi người tôn trọng tán thán là một bậc cao tăng khả kính, chắc chắn lời cầu nguyện của Sư sẽ giúp lão ta lên thiên đường, vậy bỏ ra 500 đồng tiền vàng mua lấy sự bình an sung sướng cảnh tiên vẫn còn quá rẻ. Umezu đã cân nhắc tính toán lời lỗ rất kỹ nên mới dám bỏ ra 500 đồng tiền vàng như vậy. Nhưng ông ta đã chùng hững khó chịu. vì Thiền Sư Seistsu thản nhiên trước món tiền kếp sù kia.

"Được rồi, để đó đi!"

Lời nói của Thiền Sư như một gáo nước lạnh dội tạt vào mặt lão thương gia. Umezu tưởng rằng Thiền Sư phải rối rít cảm ơn và tuyên bố với mọi người là lão đã ủng hộ đến 500 đồng tiền vàng (như mọi người đã từng làm khi có ai ủng hộ một số tiền lớn). Nào ngờ đâu, Sư Seistsu chỉ đứng đưng thốt lên vồn vện "Được rồi, để đó đi" (có lẽ là Sư không biết vật giá bên ngoài nên cho là 500 đồng tiền vàng là không ra gì). Lão khó chịu ầm ức quá phải nhấn mạnh:

"Này Sư, trong túi là 500 đồng tiền vàng cơ đấy! Người ta chỉ cần 3 đồng thôi là đủ sống cả năm rồi!"

Thiền Sư vẫn chẳng chịu hiểu cho:

"Thì ông đã nói với tôi rồi!"

"Nhưng đến tận 500 đồng tiền vàng!"

"À, hóa ra ông muốn tôi phải cảm ơn ông chứ gì?"

"Chứ sao, ít nhất Sư cũng phải như thế!"

"Tại sao? Người cho cần phải cảm ơn người nhận chứ?"

Lão Umezu là con người tiền bạc. Mạng sống lão là tiền bạc; hơi thở lão là tiền bạc. Những gì lão nghĩ đều qua những con số và những dấu cộng, trừ, nhân, chia. Tiền bạc cần thiết, cũng quan yếu trong đời

sống con người; nhưng không phải là tất cả. Con người không phải sống chỉ vì tiền bạc, nhờ vào tiền bạc. Có những thứ mà tiền bạc không thể nào mua được như Hạnh Phúc, An Bình Tâm Trí, Phẩm Hạnh, Đạo Đức, Can Đảm, Trung Trực, v.v. và v.v... Nếu cuộc đời chỉ có tiền bạc thì tốt hơn hết ta nên chết quách cho xong. Chúa Giê Su cũng từng nói: "Con người không thể sống chỉ có bánh mì mà thôi". Ngài cũng hiểu rằng bánh mì (hay tiền bạc) là cần yếu; con người không thể sống thiếu bánh mì— song ở một góc độ, tầng bậc cao hơn đời sống thường nhật thì bánh mì hay tiền bạc chỉ là rơm rác.

Tuy nhiên, đối với lão Umezu, đối với hạng người sống vì tiền thì quả là khó chịu, không hài lòng nếu cho ra mà không nhận lại gì dù một lời cảm ơn nồng nhiệt. Bánh sáp đi thì bánh qui phải lại chứ! Khi ta cho ai một vật gì, giúp ai một điều gì, ban cho với một điều kiện thì ta luôn cảm thấy không hài lòng thỏa mãn bởi vì điều kiện ta đòi hỏi người khác ít khi nào được đáp lại đầy đủ như ý. Trong tâm ta còn tham cầu, còn điều kiện, còn mong chờ đòi hỏi thì không bao giờ ta cảm thấy an lạc cả. Trong Sáu Phương Pháp Đưa Người Đến Bờ An Lạc Rốt Ráo (Lục Độ Ba La Mật), những người con Phật đều rõ lời Phật dạy là Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Huệ, đều phải ba la mật, nghĩa là rốt ráo vắng lặng. Người cho, người nhận, vật cho đều không (đẳng tam luân không tịch) thì mới rốt ráo vượt qua đến bờ bên kia giác ngộ, giải thoát đau khổ ràng buộc. Thế cho nên, chúng ta mới qui ngưỡng, tôn trọng, tán thán, tôn xưng Đức Phật là Đấng Đạo Sư của trời người; Mahavira là giáo chủ - vì tính chất đạo hạnh cao quý tối thượng đó.

Đức Phật đã từ bỏ hoàng cung, phú quý vinh hoa cùng tình ái hạn hẹp, những cái mà hạng phàm tục thế nhân đua nhau tranh giành tận hưởng đến brou đầu sứt trán để đi tìm Hạnh Phúc An Lạc Tuyệt Đối Vĩnh Hằng của nội tâm. Mahavira cũng đã rời xa ngai vàng để dẫn thân vào cát bụi, ngõ hầu tìm giải thoát thực sự. Krishnamurti cũng đã bước xuống ngôi vị giáo chủ một tôn phái để khoác lên người chiếc áo "không nhà, không tôn phái, không địa vị". Làm sao những hạng phàm tục chúng ta đây hiểu được? Do đó, những bậc thánh, vĩ nhân bước thênh thang trên con đường thương yêu; chúng ta ngất ngưỡng lẫn mò trên con đường tăm tối của bạc tiền danh vọng. Cái hố thẳm đó các bạn đã đào sâu lắm rồi; cái giếng đục đó các bạn đã

đào sâu lắm rồi; hãy trèo lên đi; dù khó nhọc đến mấy hãy cố trèo lên đi, đừng tụt sâu xuống nữa, các bạn ạ! Hãy quăng đi những túi bạc đeo trên người các bạn, hãy cho đi với tấm lòng rộng mở; càng đeo nặng túi tham chừng nào, các bạn càng khó trèo lên đó. Cho đi vô điều kiện, cho đi không cần nhận lại.

Hãy nhìn những hiểm họa do vật chất văn minh kỹ thuật mang tới cho con người, cho sanh linh trên toàn địa cầu này.. Con người đã và đang chịu đựng những hậu quả khốc liệt gì do lòng tham đem lại? Chiến tranh, ô nhiễm môi sinh, bệnh tật nan trị, bạo lực tung hoành và còn thiên tai hạn hán v.v... Thảm trạng thế giới đó xảy ra do lòng tham đắm của con người gây nên.

Hoa Kỳ là quốc gia đầu tiên phải xả bỏ tiền bạc. Một khi đã quá dư thừa thì tóm thâu vào nữa, có ích lợi gì? Tích lũy càng nhiều, càng thêm tai họa. Hoa Kỳ là nước văn minh vật chất tột đỉnh nhưng đồng thời cũng là một quốc gia bị xáo trộn nhiều nhất. Nếu những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ biết dừng lại, cho bớt đi và cảm ơn những người nhận, thì chúng sanh an lạc biết chừng nào?

Vị Thiền Sư nói: Người cho nên cảm ơn!

Umezū nên cảm ơn Thiền Sư đã nhận món quà. Chúng ta nên cảm ơn người khác khi chúng ta giúp họ điều gì — vì có người nhận thì người cho mới có cơ hội để cho, để làm việc phước chứ. Người cho nên cảm ơn, người nhận cũng cảm ơn. Cả hai tương quan tương tức với nhau để cùng sinh tồn, cùng giải thoát. Các vị thiền sư sống giữa cuộc đời, cũng cần một chút vật thực qua ngày nuôi tấm thân tứ đại, nhưng các thiền sư vẫn thông dong tự tại vượt thoát ra ngoài sức chi phối mãnh liệt của vật chất. Tiền bạc chỉ là phương tiện trao đổi ở thế giới điên loạn này; đừng biến nó thành cứu cánh, đừng tự biến mình thành nô lệ. Người giác ngộ khác với chúng ta Họ cũng sống giữa đời nhưng khôn khéo xử dụng những thủ thuật và uyển chuyển dùng những phương tiện đó để cảnh tỉnh dẫn dắt chúng ta leo lên miệng hố, đập sóng tới bờ.

Ở Nhật Bản, có một dị nhân hay bị bắt vào tù vì tội ăn cắp — hôm nay ông ta lấy một món đồ nhỏ này, ngày mai ông ta lại ăn cắp một vật tầm thường khác. Không có vật gì đáng giá cả nhưng đó cũng là hành vi ăn cắp và vẫn phải bị ngồi tù. Ông ta vào tù ra tù đến cả 26 lần, và tội nhân trong tù đều là đệ tử của ông. Lần cuối cùng ông ra

tù, ông đã 78 tuổi rồi, những đệ tử của ông khuyên: "Thôi, Thầy đã già rồi, đừng làm như thế nữa!" Ông đã trả lời: "Nếu ta không làm nữa thì ai sẽ vào tù để hóa độ những tội nhân kia Ai sẽ giảng dạy, khuyên bảo chúng cải tà qui chánh? Nếu mọi người chỉ biết giải thoát sung sướng một mình mình thì ai sẽ là người vào địa ngục cứu khổ muôn loài? Ai là người bẻ khóa xiềng xích giải thoát cho sanh linh? Đó là con đường duy nhất ta phải làm, nếu không chúng sẽ không theo ta tu tập sửa đổi lỗi lầm."

Đó là cách cho của bậc giác ngộ, bậc đạt đạo —-ban cho chúng sanh sự giải thoát, ban cho chúng sanh trí tuệ.

Viết đến đây, tôi (người dịch) lại nhớ đến đại nguyện của ngài A Nan trong bài tựa thần chú Lăng Nghiêm: "... ngũ trước ác thế thệ tiên nhập, như nhứt chúng sanh vị thành Phật, chung bất ư thử thủ nê hoàn."

Ngài A Nan đã lập thệ nguyện với đại hùng tâm: "đời này trước hắc ám con xin vào trước, nếu có một chúng sanh nào chưa thành Phật, con đây cũng sẽ không nhập Niết Bàn vội để an hưởng giải thoát một mình..."

Đại thệ nguyện đó chỉ có bậc Bồ Tát mới làm nổi, còn chúng ta đây, giúp ai một tí đã kể công, cho ai một đồng đã mong người nhận ghi ơn tạc dạ, ủng hộ cúng dường thì muốn tên mình đưa lên bảng vàng công đức. Càng làm càng bành trướng bản ngã, càng làm càng chấp trước chiếm hữu.

Cuộc đời dày đặc những tham vọng ngông cuồng như thế đó. Thế nhân mang nặng những hệ lụy như thế đó. Vì thế, con người chỉ có một cách nhìn và một lối đi: đi xuống địa ngục!

Tôi và bạn có đại đột gì đi xuống địa ngục không? Chắc chắn không, bạn nhỉ? Vậy, đừng ôm giữ nữa, hãy buông xả đi! Buông xả chính là hương thiền tỏa ra. Buông xả chính là trở về cội nguồn, chân tâm, Phật tánh. Buông xả để thể nhập chân như, vạn sự nhẹ thênh, vắng lặng, nhất thể (Doãn quốc Sỹ).

Người cho cần phải cảm ơn.

Người cho cần phải buông xả.

Đó là nếp sống chân thật quân bình của Thiền.

Xách nước qua đây,

Đai tre ải đứt,

Thùng vỡ đáy tung,
Nước ào ra hết,
Đâu còn đáy nước trắng trong ,
Hư không còn lại tay không hững hờ.
Kìa, vành trăng Chân Lý!

Osho

10 Mẫu Truyện Thiền cho Đời Sống Thường Nhật Con Người

Dịch giả Thích Nữ Minh Tâm

Câu truyện thiền số 9

MỘT TRIẾT GIA HỎI PHẬT

Ngày kia, có một triết gia đến hỏi Phật:

"Bạch Đức Thế Tôn, không nói, không phải là không nói, Ngài có thể cho con biết sự thật không?"

Đức Phật im lặng.

Ông triết gia kia đành lễ Phật và xưng tán rằng: "Với ánh sáng đại bi đại trí của Phật chiếu soi tâm con, con đã đoạn trừ được mê vọng và bước vào chánh đạo."

Ông triết gia ra về rồi, ngài A Nan bèn bạch Phật:

"Bạch Đức Thế Tôn, triết nhân kia đã đạt tới những gì?"

Phật trả lời:

"Con chiến mã phi nhanh ngay cả dưới cái bóng của ngọn roi da!"

Rất hiếm khi các nhà triết học đến hỏi Phật. Nhưng một khi điều đó xảy ra thì đúng là một cuộc cách mạng, một sự biến chuyển lớn trong làng triết học.

Tại sao các triết gia đến gặp Phật lại có vẻ miễn cưỡng khó khăn quá như vậy? Bởi vì triết học và tôn giáo là hai vấn đề đối nghịch nhau, khác chiều hướng.

Triết học đặt nền tảng trên cơ sở suy tư nghiền ngẫm và Tôn giáo thì đặt trọng tâm niềm tin vào chân lý.

Người suy tư luôn dễ dàng đặt nghi vấn về một vấn đề gì đó; nhưng không thể tin dễ dàng vào bất cứ cái gì. Song người tôn giáo, điều tiên quyết cần có là niềm tin vững chắc kiên cố, không nghi ngờ. Triết gia sống bằng lập luận; nhà tôn giáo sống với Tình Thương. Lô gích và Tình Thương là hai con đường song song như đường rầy xe lửa, không bao giờ gặp nhau tại một trung điểm nào cả. Có thể hai con đường đó rất gần nhau nhưng luôn luôn song song.

Bạn hãy đứng tại một trạm đường rầy xe lửa, hãy nhìn những đường rầy chạy thẳng tít đằng xa kia, bạn tưởng rằng dù con đường có

song song đi chẳng nữa rồi cũng phải gặp nhau ở tận cuối chân trời, phải không; nhưng không, đó chỉ là ảo giác của bạn. Hai con đường song song không bao giờ gặp nhau. Đầu óc và trái tim không thể gặp nhau; lý trí và tình cảm, tri thức và trí tuệ, không thể nào gặp nhau. Bạn có thể nhảy một bước từ con đường này nhảy sang con đường kia, từ đầu óc nhảy vào trái tim, nhưng chỉ là một cú nhảy mà thôi, và chấm dứt, không có sự tiếp nối đâu.

Nếu bạn đặt nặng lý trí — nghĩa là bạn tin vào sự lập luận, nghi ngờ. Có rất nhiều triết gia vĩ đại, họ suy tư và suy tư, họ chìm đắm trong suy tư, rồi sáng tạo ra nhiều tình huống, hệ thống, phép lạ chữ nghĩa, thuật ngữ v.v... nhưng họ thực không bao giờ sát nhập hay tiến gần đến chân lý bằng những người ngây thơ, không biết một chút gì về triết học. Những người ngây thơ đó, có thể không học cao, không hiểu rộng bằng các triết gia, nhưng ít nhất ra họ cũng chân thật nhìn nhận họ dở họ kém nên tự ngã của họ vắng bóng, nhờ vậy họ đến với mọi người dễ dàng hơn, lắng nghe người khác dễ dàng hơn, thâm nhập chân lý dễ dàng hơn, gần gũi Phật dễ dàng hơn. Còn những hạng triết gia, vì tưởng rằng cái gì ta cũng biết hơn người, ta tài giỏi hơn người nên kiêu căng ngạo mạn, không cần tìm đến người khác để học hỏi — song thực ra, họ có hiểu biết gì đâu.

Tại sao đối với những nhà lô gích, Tình Thương đến với họ khó khăn như vậy? — bởi vì Tình Thương cần một hành động can đảm, quyết đoán, không chần chừ, do dự hay nghi kỵ gì cả. Yêu là tin, là giao phó, ngay cả sanh mạng mình, là can đảm hành động. Còn Lô gích là một tên hèn nhát, nó không bao giờ dám đối diện với sự không hiểu biết. Nó luôn nói: "Tôi phải biết rõ trước đã. Nếu lãnh vực đó, việc đó, tôi biết rõ ràng rồi, tôi mới hành động."

Lô gích không bao giờ dám phiêu lưu. Đối với người lô gích thì họ sẽ cho những con người sống với Tình Yêu kia là đám ngu xuẩn. "Anh đang làm gì vậy? Anh đâm đầu đi tới trước mà không rõ là mình đang đi đâu à? Trời ơi, sao ngu dại thế, rời bỏ một nơi chốn an toàn, lợi lộc để phiêu lưu tới một nơi không nhất định, không rõ ràng. Này, đừng nói với tôi là anh thích như thế nhé. Anh bạn của tôi ơi, đừng ngu dại đánh mất những gì mình đang có để trở thành kẻ không nhà, không tài sản. Trước khi quyết định làm gì, hãy suy nghĩ cho kỹ và biết chắc là mình sẽ được lợi lộc gì?"

Đó, người lô gích sẽ nói với bạn như vậy. Phải biết chắc bậc thang kế tiếp rồi mới dám đặt chân lên — thực ra nếu cứ lần dò như vậy thì còn lâu lắm bạn mới đặt chân lên bậc thang kế tiếp.

Tôi (tác giả) có nghe nói lại như thế này: Ngày kia, Mulla Nasrudin muốn học bơi. Ông ta đến gặp người huấn luyện viên dạy bơi và người này nói: Hãy đi với tôi ra bờ sông tập bơi. Không khó đâu, đừng sợ, bọn trẻ con còn tập được cơ mà!

Nhưng tai hại thay, khi Mulla đi tới gần bờ sông, ông ta trượt té một cú đau điếng vì bờ sông đầy bùn trơn trượt. Ngã một cú điếng hồn, Mulla hoảng kinh bỏ chạy, không dám xuống sông nữa. Huấn luyện viên nói: Tại sao ông nhát quá vậy? Ông chạy đi đâu? Mulla nói: Thôi thôi, trước hết ông dạy tôi cách bơi ra làm sao đi, rồi sau đó tôi sẽ xuống bơi. Nguy hiểm quá! Nếu lỡ có chuyện gì xảy ra, ai là người chịu trách nhiệm đây? Thôi, để tôi học xong phương pháp bơi lội đã rồi tôi sẽ xuống nước!

Ngộ nghĩnh quá, phải không? Làm sao bạn có thể học bơi được nếu bạn không chịu xuống nước? Vì thế, Mulla chẳng bao giờ biết bơi cả. Cái nguy hại của lô gích là thế đấy.. Lô gích hay lập luận trở thành một nắm mồ chôn sống tình cảm chân thật của con người. Nó không thể nào đưa ta đến Sự Thật, đến Chân Lý Giác Ngộ được. Nó giết chết sự hồn nhiên trong trắng của tâm hồn ta; nó tạo ra những nghi kỵ, do dự, lưỡng lự. Còn Tình Thương trình nguyên kia dẫn đường ta đến Chân Như Phật Tánh. Con người của Tình Thương quan tâm đến cái gì sẽ xảy ra cho ta, cho chủng tánh của ta, làm sao để hạt giống tình thương hướng tâm hồn ta về tương lai rộng mở, về phía ánh mặt trời rực sáng; còn lô gích kéo ta về vũng lầy nghi kỵ, bần khổ. Đó là vì sao các triết gia rất khó gặp Phật. Họ quay tìm quá khứ, truy cứu nguyên nhân; nhưng Phật dạy ta hãy an nhiên tỉnh thức trong từng phút giây hiện tại và hướng bước tới tương lai. Bước chân của cả hai có thể giống nhau đều bước tới, nhưng hai hướng khác nhau hoàn toàn. Do đó, khi có triết gia nào đến thỉnh vấn Phật, đó là điều đáng ngạc nhiên, cần ghi nhớ. Vì sao? Vì khi có triết gia nào tìm tới Phật có nghĩa là tận cùng thâm tâm, ông ta đã cảm nhận sự thất bại của triết học, sự thất bại của lô gích. Suốt cả một đời, ông ta đã đi tìm, đã tranh luận, đã hăng say bảo vệ lập luận của mình và tưởng rằng sẽ tìm ra chân lý qua những cuộc tranh luận bàn

cãi đó; nhưng nay ông ta đã nhận ra sự thật, ông ta đã thất vọng vì sự bất lực của lô gích. Chỉ có người trong cuộc mới thấm thía cái mùi vị thất bại đắng cay, cái đau đớn tận cùng của sự bất lực thảm hại đó. Những người khác không tài nào hiểu nổi đâu. Từ trên cao rơi xuống thấp, cái tự ngã trong người triết gia bỗng tan biến đâu mất, và vị bác học tri thức kia như đứa trẻ thơ chưa biết gì, quì xuống dưới chân Đức Phật, xin được dạy bảo.

Có hai loại vô minh: một loại là Định tánh Vô Minh, có nghĩa là không hiểu biết gì, khó chuyển hóa; còn loại kia là Bất định tánh Vô Minh, có nghĩa là tự học hỏi và giác ngộ hoặc là nhờ người khác khai ngộ cho và chuyển hóa vô minh thành trí tuệ.

Có một triết gia đến hỏi Phật...

Vào thời Đức Phật còn tại thế, có rất nhiều triết gia, nhiều đạo phái, nhiều học thuyết. Chưa có một thời kỳ nào lại có quá nhiều triết thuyết ra đời như thời Đức Phật tại thế. Không phải chỉ ở Ấn mà còn trên toàn thế giới. Ở Ấn, có Đức Phật, Mahavira, Prabudha Katyayan, Ajit Keshakambal (một đại triết gia), Makkhali Goshal (một nhà trí thức lỗi lạc), Sanjay Vilethiputta và còn nhiều bác học nữa ở Bihar. Đương thời tại Hy Lạp, có Heraclite, Socrates, Plato Aristotle, ba vĩ nhân sáng tạo ra triết học Tây Phương. Cùng thời gian đó, bên Trung Hoa là Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử, Mạnh Tử. Hình như đỉnh cao trí tuệ của loài người tụ hội cả lại ở phương Đông.

Đúng ra chỉ có ba nền văn hóa lớn: một là Trung Hoa, hai là Ấn và ba là Hy Lạp.

Ba nền văn hóa đó là chính, ngoài ra đều là sản phẩm của ba nền văn hóa tư tưởng đó.

Xuất xứ của văn hóa Tây Phương bắt nguồn ở Athens, Hy Lạp. Toàn bộ văn minh Trung Hoa, một nền văn minh hoàn toàn khác biệt, nổi lên từ tư tưởng đối nghịch giữa Khổng Phu Tử và Lão Tử; và nét tinh hoa siêu tuyệt triết học và đạo học ở Ấn sản sanh ra do Đức Phật, Mahavira; và tất cả những bác học vĩ nhân đó đều hiện hữu trong cùng một giai đoạn lịch sử nhất định.

Các sử gia cho rằng Lịch sử di chuyển theo vòng tròn bánh xe: có những thời kỳ kiến thức siêu việt tận đỉnh cao, có lúc lại bị chìm xuống không ai mơ màng đến. Ví dụ như ở Ấn, trước và đương thời Đức Phật tại thế, có hàng ngàn, hàng triệu người là triết gia, đạo sĩ. Từ

tưởng huyền bí siêu hình đạo học và đường lối lập luận triết học giao lưu nhau, bao trùm lên toàn xứ Ấn, tạo cho nó thêm vẻ trác tuyệt. Tuy nhiên, đỉnh cao trí tuệ đó giống như Kim Tự Tháp, đáy thì rộng bằng và chóp thì nhọn. Có nghĩa là dù có hàng triệu triết gia, đạo sĩ đi chăng nữa, người đạt đạo cũng chẳng có bao nhiêu. Thời đó, duy chỉ có Đức Phật là bậc Đại Giác Ngộ và ánh sáng giáo lý của Ngài còn gieo rắc đến tận hơn hai thiên niên kỷ và chắc chắn sẽ còn mãi mãi.

Sự giác ngộ đạt đạo của Đức Phật không ai sánh nổi. Người Tây Phương nghĩ rằng họ là người thông thái tuyệt đỉnh, ví dụ như Sigmund Freud lập luận: "Tôi cho rằng nằm sâu dưới lớp tri thức là siêu thức và vô thức." Người Tây Phương cho rằng đó là một khám phá tuyệt diệu, một cách mạng lớn trong nền tư tưởng triết học Tây Phương. Nhưng thực ra, Đức Phật đã dạy: "Con người có 8 thức — đó là tiền ngũ thức (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) đệ lục thức (thức thứ 6 là Ý thức), đệ thất thức (thức thứ 7 là Mạt Na), và đệ bát thức (Tàng thức); mà sau đó, hai luận sư đệ nhất là Ngài Vô Trước và Thế Thân đã sáng lập ra hệ thống Duy Thức học vô cùng chặt chẽ và khoa học. "Ngày kia, có một triết gia đến hỏi Phật..."

Hãy nhớ kỹ rằng Đức Phật chính là người bác bỏ lý luận trừu tượng, phủ nhận siêu hình học. Ngài cho rằng tất cả những câu hỏi triết học đều vô nghĩa, đi tìm cái không tưởng. Bây giờ ở phương Tây, Bertrand Russell, Wittgenstein là người phản kháng kịch liệt thuyết siêu hình, trừu tượng. Vì thế, nếu bạn hỏi một câu hỏi vô nghĩa vô lý, một câu hỏi triết học, Bertrand Russell cũng sẽ trả lời phải không phải, có không có. Song Đức Phật thì không trả lời. Ngài im lặng, vì câu hỏi vốn đã vô nghĩa thì nếu trả lời lại càng phi lý vô nghĩa hơn. Cách tốt nhất là im lặng. Cũng như có người thắc mắc "Thế giới này bắt nguồn từ đâu, ai sáng tạo ra; hay chết rồi linh hồn còn hay mất; trước khi có thế giới này, vũ trụ là gì ra sao v.v... và v.v..." đều là những câu hỏi không lợi ích thiết thực, Đức Phật không nhất thiết phải giải đáp. Ngài đơn giản dạy rằng: "Có 4 chân lý chắc thật mà chúng sanh cần hiểu rõ: "đó là Sanh, Lão, Bệnh, Tử, chúng sanh chắc chắn phải trải qua 4 chu kỳ Sanh Lão Bệnh Tử đó và vạn vật cũng phải trải qua 4 giai đoạn Thành Trụ Hoại Không." Ngoài ra, còn có 8 cái khổ căn bản là "Sanh khổ, Lão khổ, Bệnh khổ, Tử khổ, Cầu Bất Đắc khổ, Oán Tắng Hội khổ, Ái Biệt Ly khổ, Ngũ Ấm Xí Thịnh khổ..."

Đó, đó chính là những điều mà chúng sanh cần phải giải quyết, cần phải đoạn trừ để được hạnh phúc thật sự. Tại sao không lo trầm tư mặc tưởng tu tập quán chiếu về những đề tài này mà lại vẫn vơ đi tìm câu trả lời về những câu hỏi trừu tượng siêu hình như Thượng Đế có hay không có? Tạo Hóa là ai? v.v.

"Ngày kia, có một triết gia đến hỏi Phật: "Không nói cũng không phải là không nói, xin Ngài giảng cho con biết về Chân Lý?"

Ông ta hỏi một điều không thể nào làm được; nhưng với một vị Phật, một bậc đại giác ngộ, không có điều gì mà không thể làm được — và chỉ có Phật mới làm được cái không thể làm. Cái không thể sẽ biến thành có thể. Ở đây, tất cả qui luật bình thường của thế gian đều bị bẻ gãy.

Câu hỏi "Không nói cũng không phải là không nói" đã được nêu lên nhiều lần rồi, không phải đây là lần đầu. Trước ông triết gia này cũng đã có hàng ngàn triết gia học giả khác đến tham vấn Phật. Tuy nhiên, Đức Phật không nhất thiết chỉ có một câu trả lời. Ngài không có câu trả lời nhất định. Tùy theo căn cơ trình độ, tình huống, thời gian... mà Đức Phật tùy duyên uyển chuyển trả lời hay không.

Xưa kia, có người hỏi Phật: "Không nói cũng không phải là không nói, Phật cho con biết gì về chân lý?" Đức Phật trả lời: "Nếu ông hỏi tôi nhưng không nói cũng không phải là không nói, tôi sẽ trả lời cho ông. Nếu ông không làm được như thế, ông còn đòi hỏi mong cầu gì nữa? Vậy, hãy thực hành đi! Hãy sẵn sàng câu nói nhưng không phải là câu nói rồi hãy tới đây!"

Nhưng đối với ông triết gia này, Đức Phật không trả lời như vậy; vì tư chất ông triết gia này khác với người kia. Cũng cùng một câu hỏi nhưng tư chất hai người hoàn toàn khác nhau. Người trước hỏi Phật và đặt nặng trên cơ sở ngôn từ chữ nghĩa chứ không màng đến chân lý; người đó còn mang nặng hành trang phân tích lý luận trên vai, chỉ muốn thỏa mãn tri thức cạn cợt bề mặt của mình; còn ông triết gia này, câu hỏi của ông chứa đựng tổng thể con người ông và niềm khao khát tìm chân lý giải thoát. Câu hỏi đưa ra cho có lệ, ông triết gia muốn đào sâu vào cái tiềm ẩn bên trong sức sống muôn loài, chứ không cần định danh những chữ nghĩa chết cứng khô cứng kia.

Câu hỏi "Không nói cũng không phải là không nói" là một câu hỏi vô cùng hàm xúc. "Không nói" thì quả là dễ dàng rồi, ta chỉ cần im lặng.

Nhưng "không phải là không nói" thì thật khó lòng. Im lặng cũng không phải là im lặng thì thế nào đây?

Đó chính là sự Im Lặng Tuyệt Đối của Đức Phật!

Có hai loại im lặng: "Khi ta im lặng không thốt lên một âm thanh nào cả, đó chính là sự im lặng kèm hãm, miễn cưỡng. Ta đè nén nó, không cho nó phát ra âm thanh nào mà thôi. Miệng ta không mở ra, môi ta không mấp máy, cổ họng ta không phát ra âm thanh, lưỡi không bật ra tiếng, nhưng sự thực trong tâm ta, trong đầu óc ta, chữ nghĩa quay cuồng, âm thanh nhẩy múa. Ta chỉ kèm hãm đè nén ngôn từ không cho nó phát ra tiếng. Đó là loại im lặng bề mặt, loại sóng ngầm dưới mặt đại dương phẳng lặng.

Loại im lặng thứ hai là không có ngôn từ ngoài và trong, không âm thanh, sững sờ, chết đứng, bất động, không lóe lên một tia chớp nào. Loại im lặng thứ hai này là loại im lặng phản ứng trong trường hợp nguy hiểm chết người, bất ngờ, vượt sức chịu đựng, thành ra không kịp phản ứng. Tất cả cơ quan đầu não trong một tích tắc ngưng hoạt động. Nhưng đó cũng không phải là sự im lặng của Đức Phật. Sự im lặng của Đức Phật là loại thứ ba, hay nói đúng hơn là không thuộc loại nào cả, siêu việt ra ngoài sự xếp hạng tầm thường của thế tục.

Im Lặng của Đức Phật là Vô Ngôn, bất dứt khái niệm ngôn từ, xóa sạch dấu vết vọng tưởng, loạn niệm. Sự Im Lặng này không cần sử dụng một chút áp lực nào để kèm hãm đè nén, cũng không bị sức ép mãnh liệt nào từ ngoài đưa vào. Im Lặng là im lặng, đơn giản vậy thôi. Sự Im Lặng này là Trung Đạo; không ở cực đoan này là nói, cũng không ở cực đoan kia là không nói. Sự Im Lặng của Đức Phật ở giữa, không chống phá, không gượng ép bên nào cả. Bình thản, thông dong, tự tại, an nhiên, đến đến đi đi. Đó là con đường Như Lai, hạnh Như Lai, im lặng Như Lai.

Ví dụ thêm thế này cho bạn dễ hiểu, khi bạn tọa thiền, bạn cần yên lặng — nhưng con bạn đang nô đùa, cười khúc khích, xe hơi chạy ngoài đường, có ai đó bóp còi inh ỏi v.v... Bạn cố im lặng tập trung nhưng tiếng động huyền não đó vẫn lọt vào tai khiến bạn bức bối khó chịu. Đó, sự im lặng bề mặt luôn luôn gặp luồng đối kháng mãnh liệt trong tâm. Vì sao? Vì tự ngã của bạn vẫn có mặt 24 trên 24. Còn im lặng của Đức Phật là sự vắng bóng Tự Ngã. Tiếng trẻ con, tiếng động cơ, tiếng còi, tiếng nước v.v... vẫn có đó nhưng không tác động

ảnh hưởng gì. Ta vẫn là ta, âm thanh là âm thanh.

"Nhận độ hàn đàm,
Nhận quá, nhi đàm vô lưu ảnh,
Phong lai sơ trúc,
Phong khứ, nhi trúc bất lưu thanh."

(Bóng nhận qua sông,
Nhận bay đi, nước không giữ lại gì,
Gió thổi qua rừng trúc,
Gió vèo qua, trúc chẳng lưu lại chút âm thanh.)

Con chim én bay qua dòng sông, nó không cố tình phản chiếu bóng nó xuống mặt nước; và dòng sông cũng không cố ý lưu giữ lại bóng nó. Gió thổi qua rừng trúc, gió bay vèo qua, trúc chẳng cố tâm giữ lại chút gió thoảng nào. Đây, một khi tự ngã vắng bóng, tất cả chỉ là "Không". Không trong Có, Có trong Không!

"Đức Phật im lặng — và người triết gia cúi đầu đánh lễ chân Phật, bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, với đại bi đại trí của Ngài, con đã quét sạch vô minh và bước vào chánh đạo."

Chuyện gì đã xảy ra vậy? Tại sao ông ta đánh lễ Phật?

Đức Phật im lặng. Triết gia cũng im lặng. Dòng tư tưởng của cả hai đều bật dứt. Tự ngã cả hai đều mất dấu. Phật ở trong triết gia. Triết gia ở trong Phật. Cả hai hoà hợp nhau, tấu lên bản nhạc "Chân Như" bất tuyệt. Một mà hai, hai mà một. Một là tất cả, tất cả là một. Tiểu ngã hoà trong đại ngã. Đại ngã chan hoà lên vạn vật. Ta là vũ trụ. Vũ trụ là ta. Ngay lúc đó, phép lạ xảy ra, bí mật của Như Lai khai mở. Thực ra, cánh cửa Chân Lý nhiệm mầu vẫn luôn mở rộng cho người hữu duyên, giống như cánh hoa kia khai nhụy lúc nửa đêm. Không một ai hay biết. Cánh cửa, nụ hoa khai mở trong Im Lặng Tuyệt Đối. Nếu bạn đầy đủ kiên nhẫn chờ đợi, nụ hoa kia sẽ chia sẻ hương thơm ướp xông lên bạn, mời đón bạn. Đóa hồng Phật tánh nở trong bạn rồi đó!

Ông triết gia ra về rồi, ngài A Nan bèn bạch Phật:

"Bạch Đức Thế Tôn, triết nhân kia đã đạt tới những cảnh giới nào?"

Có đúng không, A Nan, thị giả của Phật, bậc đa văn đệ nhứt, lại không hiểu tại sao triết gia kia đánh lễ Phật và tán thán Ngài, dù Phật

không thốt lên lời nào sao? A Nan không hiểu thật sao? Phải, ngài A Nan không thể hiểu vì ông là người chạy theo chữ nghĩa ngôn từ. Như cái máy khâu băng, Phật nói ra lời nào là ông đều khâu lại hết không sót một chữ. Đức Phật nhập diệt, A Nan trùng tuyên lại lời Phật dạy suốt 50 năm — hàng ngàn trang lá bối được ghi chép, hàng triệu triệu chữ được trùng tuyên lại không sơ sót. A Nan là người có công đức nhất trong công cuộc kết tập lại tam tạng kinh điển — nhưng A Nan vẫn thiếu sót một cái gì. Đó là sự tu chứng, sự thể nhập.

Suốt 25 năm hầu Phật, A Nan chỉ lo khai triển tri thức, chạy theo chữ nghĩa mà quên băng đi vun bồi hạt giống giác ngộ. Thế cho nên A Nan đã bị ngài Ma Ha Ca Diếp quở trách: "Phải thể hiện tu chứng rồi mới cho tham dự Đại Hội Kết Tập Kinh Điển." Thực ra, đó chỉ là sự thị hiện, một ví dụ điển hình cho người đời nay chúng ta, đừng nên mù quáng rong tìm chữ nghĩa, đuổi bắt tri thức; vì tri thức là đầu mối của nghi kỵ, phân biệt, do dự v.v. Phật đã dạy trong tám cái nạn khó gặp được Phật, Pháp, Tăng thì Tri thức là một (bác văn tất nạn thị đạo). Thông thái quá khó gặp Phật, tri thức phân biệt đó là hàng rào ngăn trở con người tiến vào mảnh đất tâm linh, là vật chắn cửa chân lý, là cây song gài khóa giải thoát. Cái học thức thế gian đó chỉ giới hạn sức thăng hóa của tâm thần và giúp tự ngã của bạn thêm bành trướng nguy hại. Tâm nguyện của Phật là giúp chúng sanh tự thể nghiệm, tự chứng, tự mình là tia đạo nhãn phóng vào thực tại, thay vì bàn suông về phương pháp hoặc đùa với khái niệm. Phật ghét mọi trò triết lý ấy mà Ngài gọi là kiến chấp hoặc ngôn thuyết, vì chúng không đưa chúng ta về đâu hết, mà cũng không đem đến kết quả thực tiễn nào cho sinh hoạt tâm linh (Thiền Luận của Dr. Suzuki). Tuy nhiên, bạn cũng đừng hiểu lầm lời Phật nói rồi lại đâm ra lười biếng hoặc chấp không và buông bỏ không tu học gì cả. Phật dạy là "đừng để bị dính mắc, đừng để bị vướng kẹt vào tri thức, trở thành nô lệ cho khái niệm ngôn từ, chứ không phải nói là buông bỏ tất cả, chấp không có gì hết, không cần gì hết." Có Không, Không Có — Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, đó mới đúng là chân tinh thần của người học Phật. (Ấy ấy, chớ hiểu lầm nhé; đây là nói tới hạng đa văn đạt thông nghĩa lý, còn hạng phàm tăng và chân tục như chúng ta đây thì phải y theo căn bản, nương theo giáo lý mà tu tập hành trì,

giữ giới, tri túc thiếu dục, sống đúng chánh pháp, phạm hạnh thanh cao trước đã; chứ đừng lờ người bịp mình mà "Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc" rồi tha hồ lợi dụng thiên hạ. Bệnh này khó chữa lắm đó nghe!)

Tri thức phân biệt, triết học luận lý đã che mờ A Nan, đã che mờ chúng ta.

Tôi (tác giả) đã thấy rất nhiều người ghi chép khi tôi giảng. Tôi nói và họ ghi chép. Họ ngồi trước mặt tôi nhưng tâm hồn họ ruỗi rong theo mớ ngôn từ tôi nói. Họ hụt mất tôi rồi; khi họ ghi chép được đoạn này thì đoạn kia đã mất. Về nhà, họ đọc lại và cố tìm hiểu ý nghĩa câu văn, ngôn ngữ — nhưng chỉ là một mớ chữ lòng thông hỗn độn. Cũng như có nhiều người du lịch Hy Mã Lạp Sơn; đến nơi, họ vội vàng lấy máy quay phim, máy chụp hình ra quay chụp đủ kiểu, đủ cảnh, mọi nơi mọi góc... Núi Hy Mã Lạp Sơn hùng vĩ sừng sững ở đó, nhưng họ có thấy gì đâu, chỉ có máy ảnh thấy mà thôi. Rồi về nhà, họ lôi album ra và ngắm nghía trầm trồ. Cái Thật đã bị gạt bỏ qua một bên và thiên hạ ngắm nhìn bản sao của nó. Nếu chỉ ngắm Hy Mã Lạp Sơn qua hình ảnh thì cần gì phải đi đến tận nơi? Những nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp không giỏi hơn bạn à? Những bức ảnh họ chụp không như thật à? Vậy bạn chỉ cần bỏ ra vài đồng là có ngay bức ảnh Hy Mã Lạp Sơn, tội gì tốn bao nhiêu tiền đi đến tận nơi để chụp hình? Bạn có thấy là bạn đã bỏ quên cái Thật để chạy theo cái giả không?

Hãy lắng nghe những gì tôi nói. Đừng ghi chép. Đừng thu băng. Không cần thiết đâu, và rồi cũng quên đi những gì tôi nói. Nếu bạn hiểu thực sự những gì tôi nói, thì không cần ghi chép, những lời nói của tôi nói cũng theo bạn như mùi hương. Không cần nhớ, không cần vác ngôn từ chữ nghĩa trên vai, nó đã là một phần trong cơ thể bạn, nó là một phần của con người bạn rồi!

Ông triết gia kia đến thỉnh vấn Phật với tâm trạng khát khao cầu tìm chân lý. Ông ta đã đeo gông cùm chữ nghĩa suốt bao năm và không phút giây nào được Tự Do thực sự cả. Cái danh tiếng là một nhà bác học thông thái tự lâu đã giam hãm ông ta trong ngục tù khái niệm và ngôn thuyết, và giờ đây ông ta muốn tự do, muốn trở về, muốn tìm lại chính con người thật của mình.

Đức Phật im lặng, nhìn ông ta với đôi mắt tràn đầy từ bị Tình Thương

cực thuần của Ngài chan hòa lên ông ta, chan hòa lên vạn vật sanh linh. Triết nhân kia ngẩng đầu lên nhắm mắt tận hưởng dòng suối Tình Thương ngọt ngào đang thấm dần trên từng thớ thịt làn da, và ông ta cũng im lặng. Ông ta đã thấm, đã hiểu, đã nhận và đang cất bước trở về chốn cũ xa xưa, nơi thanh bình hạnh phúc.

Nhưng A Nan (hay chúng ta) vẫn chẳng lĩnh hội được gì. Tại sao Phật không nói lời gì mà ông triết gia kia lại ngộ đạo? Sự Im Lặng đó có tính chất quyền năng gì, nhiệm màu thế nào khiến con người đa văn thông thái kia quay ngược bước trở về? A Nan bèn bạch Phật — và câu trả lời của Phật mới thâm thúy hàm xúc làm sao!

"Con chiến mã phi nhanh ngay dưới bóng ngọn roi da!"

Trên đời này có 3 loại ngựa: loại thứ nhất rất cứng đầu cứng cổ, trừ phi bạn phải đánh nó, thúc nó thì nó mới chiu. chạy, còn không thì cứ ù lì ra đó. Bạn quất nó một roi, nó đi một bước, quất hai roi nó đi hai bước, ngừng tay quất là ngừng bước. Gặp nhầm loại ngựa này thì bạn rất phiền não, mệt nhọc, tốn công sức dạy dỗ rất nhiều.

Loại ngựa thứ hai không cần phải quất nhưng phải đe dọa nạt nộ thì mới chiu. cất bước.

Còn loại thứ ba thì không cần phải dùng roi quất, cũng không cần phải nạt nộ đe dọa gì cả, chỉ thấy bóng ngọn roi thì nó đã cất vó phi nhanh rồi.

Bạn có hiểu ẩn dụ này không? Nếu chưa thì bạn cố gắng suy nghĩ và đọc cho kỹ đi nhé!

Đức Phật không làm gì hết, không nói gì hết. Đức Phật chỉ im lặng từ hòa — và trong sự Im Lặng tột cùng, bức màn vô minh đã vén mở. Con chiến mã triết gia kia đã phi vào Tâm Cảnh. Triết nhân đã "trở về quê nhà và lặng lẽ nghỉ ngơi."

Trở về là trở về với trời đất, với muôn sinh, với nguồn sống vô tận ở trong ta và ở ngoài ta, trở về để như mọi người "thấy núi là núi, thấy sông là sông"; để sống giản dị với đất trời bao la muôn thuở mà vì vô minh nên ta đã lầm đường lạc lối, đã lãng quên bao tháng ngày và sự tự do tuyệt đối mà ta nhiệt thành tìm kiếm vẫn có đó tự bao giờ. (chưa thêm của người dịch: Thi hào Tô Đông Pha, một quan đại phu đời nhà Tống, diễn đạt ý nghĩa ấy bằng mấy vần thơ sau:

"Lô sơn yên tỏa Chiết giang triều

Vị đạo sanh bình hận bất tiêu

Đáo đắc hoàn lai vô biệt sư.

Lô sơn yên tỏa Chiết giang triều "

"Khói ngút non Lô sóng Chiết giang

Khi chưa đến được hận muôn ngàn

Đến rồi hóa vẫn không gì khác

Khói ngút non Lô sóng Chiết giang "

Ngày kia có ông đạo hỏi Thiền Sư Mục Châu, một cao tăng ở hậu bán thế kỷ thứ 9:

"Suốt ngày mặc áo ăn cơm, làm sao khỏi mặc áo ăn cơm?" Sư đáp:

"Mặc áo, ăn cơm" Thầy kia trả lời không hiểu. Sư đáp: "Không hiểu thì mặc áo ăn cơm."

Thiền luôn luôn tiếp xử với những cái cụ thể như vậy, không thích suy luận mơ hồ. Chúng ta đều là hữu hạn hết, ta không thể nào sống ngoài không gian; bởi lẽ chúng ta sanh ra từ trái đất nên không thể đạt tới cái vô hạn. Làm sao thoát ngoài những giới hạn của cuộc sống? Có lẽ đó là ý nghĩ của ông đạo trong câu hỏi đầu đối lại. Sư Mục Châu đáp: "Giải thoát phải tìm ngay trong cái hữu hạn; không đâu có cái vô hạn ngoài những sự vật hữu hạn của thế gian; ông đi tìm cái vô hạn nào khác tức ông cắt đứt với thế gian tương đối này, như thế khác nào ông tự hủy ông. Ông không muốn có được sự giải thoát trả giá bằng cuộc sống thường tục này. Vậy, thà là cứ bình thường mà ăn và uống, và tìm giải thoát ngay trong cảnh bình thường ấy.)

Từ đời thuở nào, con người vốn là thanh tịnh, vốn là không, nên Phật dạy trở về để mà nhập cuộc.

Nhập cuộc là nhập vào cái trật tự tự nhiên, không thì không chung của trời đất.

Trong trật tự ấy, chúng sanh là một pháp vô tâm nên vô sự. Viên sỏi bên đường là một pháp vô sự nên vô vị. Muôn pháp đều vô vi mà bình đẳng nhau trong Pháp giới vô ngại: nước chảy, hoa trôi, trăng lên, gió mát. Muôn vật đều vô ngại nên tự tại, không phải tự tại ở Niết Bàn, không phải tự tại trong phiền não mà tự tại trong Không. Trong trạng thái Không ấy, những danh từ phạm thánh, phải trái, tình mê, đều mất nghĩa, tất cả đều là đại đồng, ứng hóa từ một giác tánh, nên Nhứt thiết không Niết Bàn

Không có Niết Bàn Phật

Không có Phật Niết Bàn.
TẤT CẢ là MỘT, MỘT là TẤT CẢ.
Trăng Lăng Già tỏa sáng trên đỉnh Linh Thửu Sơn!

Osho

10 Mẫu Truyện Thiền cho Đời Sống Thường Nhật Con Người

Câu chuyện thiền số 10

NỤ CƯỜI NINAKAWA

"Ninakawa đang hấp hối trên giường bệnh. Sự sống đang mất dần. Thầy của Sư là Thiền Sư Ikkyu đến thăm và hỏi:

"Ta biết người đang chịu đựng cơn đau ghê gớm. Ta giúp được gì cho người?"

"Con đến không đem theo vật gì, ra đi cũng không mang theo gì, ngài giúp được gì cho con?"

"Nếu thực sự người nghĩ "Có Đến, Có Đi" thì ta sẽ chỉ cho người con đường "Không Đến, Không Đi"

Những lời nói đó đã đưa Ninakawa vào cõi Chân Không vô cùng vô tận với nụ cười giải thoát trên môi."

Chết là mục tiêu tối hậu. Chết là đỉnh cao cuối cùng mà con người phải chạm tới, giáp mặt và vượt qua Ngay lúc Thần Chết đến gõ cửa nhà bạn, tất cả mọi sự việc đều đã phải sẵn sàng. Nếu bạn đã chuẩn bị, thiền định và chờ đợi, thì ngay lúc cái chết thực sự xảy ra, bạn không bị hốt hoảng, lo sợ hay bàng hoàng; và có thể bạn sẽ liễu ngộ được ngay lúc hơi thở cuối cùng chấm dứt; vì sao? - Vì Chết và Giác Ngộ rất giống nhau.

Cái gì xảy ra khi bạn chết? Bất thành linh, bạn mất đi cái thân xác dẫu yêu này; bất thành linh bạn không còn khả năng suy tưởng được gì nữa cả; bất thành linh, bạn thấy bạn bị tách xa ra khỏi những người thân yêu; bạn thấy bạn không còn là bạn nữa và những gì trước kia là của bạn cũng không thể nắm giữ được nữa. Điều đó, đối với bạn thật đớn đau vô cùng, vì bạn cảm thấy bạn như đang bị chới với hụt

hằng trong khoảng hư không vô cùng vô tận. Bạn không biết rồi sẽ đi đâu, về đâu; tất cả như xa lạ, hững hờ; ngay cả cái thân xác dầu yêu mà trước kia bạn đã từng ấp ủ, nâng niu, lo lắng thì giờ đây cũng nằm đó, im lìm, lạnh teo, trải dài cứng đờ như một vật vô tri vô giác, không lên một tiếng nói. Trong từng bước chân tiến dần về cái chết, bạn phải chạm trán một sự thực trắng trợn, phũ phàng và khắc nghiệt của kiếp nhân sinh là: "Tại sao không ai tránh được cái chết? Tại sao có những cuộc ra đi đau lòng cướp theo đời sống và mọi niềm vui của kiếp sống? Đời sống thực sự có giá trị gì nếu cặp mắt kia có lần đã sáng tỏ trong niềm vui, có lần rực rỡ trong tình thương, giờ đây đã mãi mãi nhắm lại, im lìm không linh động? Cái "Tôi" yêu dấu của bạn đang tàn nhẫn giã từ. Bạn run sợ hãi hùng bên bờ vực thẳm của hư không. Bạn sẽ không còn. Bạn sẽ biến mất.

Đối với hạng người thông thường, Chết không phải là một đề tài hấp dẫn, dầu để thảo luận hay để thuyết trình. Chết là một cái gì buồn thảm, thê lương, ảm đạm, là áp bức, là cái gì thật sự giết chết mọi niềm vui. Hạng người thông thường co rút trở vào nằm bên trong cái Ta của mình, luôn luôn chạy đi tìm dục lạc, luôn luôn rượt bắt những gì kích thích và thỏa mãn dục vọng mà không bao giờ dừng chân lại để bình tĩnh ngồi xuống và nghiêm chỉnh suy gẫm rằng chính những thú vui vật chất và những thỏa mãn dục vọng kia rồi sẽ phải chấm dứt một ngày nào. Chỉ đến khi nào cái Chết thực sự xảy ra dưới mái nhà của họ, cho người thân yêu của họ hay chính bản thân họ thì lúc đó họ mới mở mắt bừng tỉnh dậy và đau khổ hãi hùng.

Theo đường lối suy tư của người Phật tử, Chết không phải là một đề tài phải lẩn tránh hay xua đuổi, mà là cái chìa khóa để mở cánh cửa đưa vào những gì được xem là bí ẩn của cuộc đời. Chính nhờ hiểu biết cái Chết mà ta hiểu được Sự Sống; bởi vì hiểu theo một chiều hướng, Chết là một phần trong tiến trình Sống. Theo một lối hiểu khác, Sống và Chết là hai giai đoạn tận cùng của một tiến trình, hai đầu của một luồng trôi chảy, và nếu hiểu biết được đầu này thì cũng hiểu biết được đầu kia. Do đó, khi hiểu được ý nghĩa và mục tiêu của sự Chết, ta cũng hiểu được ý nghĩa và mục tiêu của kiếp nhân sinh. Chính nhờ gia công suy niệm về cái Chết mà ta có thể tiêu diệt được

tánh tự cao tự mãn. Chính nhờ gia công suy niệm về cái Chết mà ta có thể tìm lại được thế quân bình cho cái tâm quá đổi chao động của ta. Chính nhờ gia công suy niệm về cái Chết mà ta có thể thắt chặt lại dây thân ái giữa người này với người kia, để phá tan những hàng rào giai cấp và san bằng những ranh giới chủng tộc, xã hội, quốc gia hay tôn giáo.

Cái Chết có khả năng san bằng rất vĩ đại. Tự cao tự đại vì sanh trưởng trong một gia đình giàu sang, quyền quý, lắm tiền nhiều của; hống hách vì quyền cao chức trọng, địa vị ăn trên ngồi trước hay kiêu căng hợm hĩnh vì sắc đẹp tài năng... tất cả đều phải nhường bước cho Thần Chết, tất cả đều phải sụp đổ dưới những nhát cuốc, lưỡi xuống- và trong đám cát bụi vô tình đó, tất cả đều bình đẳng, ngang nhau khi xuôi tay nằm xuống.

Giác Ngộ cũng vậy. Giác Ngộ có khả năng san bằng rất mau nhiệm. Giác ngộ san bằng Tham, Sân, Si, đập đổ thành trì Bản Ngã, xô xập hàng rào Vô Minh, chế ngự Tham Vọng Khát Ái và đưa hành giả thẳng bước về miền đất tâm linh thơm lành. Vì thế, nếu bạn đã chuẩn bị, đã thực tập thiền định, đã gia công suy niệm về cái chết, sẵn sàng làm một bước nhảy vọt thì bạn không e sợ, lo buồn, hốt hoảng gì cả khi đối diện với sự thật và bạn cũng không tiếc nuối than phiền. Trái lại, có thể bạn còn tỏ vẻ an nhiên tự tại hơn nữa. Tuy nhiên, bạn đừng bao giờ lầm lẫn ý nghĩa "Đón nhận" và "Chấp nhận" nghen. Hai danh từ đó mang hai nghĩa khác nhau hoàn toàn. Khi bạn dùng danh từ "Chấp nhận" có nghĩa là bạn không muốn nhưng vẫn phải nhận sự việc đó hay một vật gì đó. Nó hàm ý bắt buộc, chịu đựng, miễn cưỡng, ép bức. Còn "Đón nhận" chứng tỏ một sự mời chào, vui vẻ, nồng nhiệt, hân hoan hơn. Như thế, nếu bạn không lãnh hội được ý nghĩa sâu sắc đó và phải chấp nhận cái chết thì trong bạn dâng trào lên một luồng đối kháng mãnh liệt giữa bản năng tham sống và sợ chết. Chính luồng đối kháng đó sẽ đưa bạn đến những vùng tăm tối của tâm thức, kết thành nghiệp quả luân hồi vô tận. Nói "Vâng" với Thần Chết thì bạn sẽ坦然 nhiên bình tĩnh; nói "Không" với Thần Chết thì bạn sẽ chiêu cảm đau khổ, lo sợ, hay hốt hoảng bất an ngay Song, dù không hay có thì tất cả chúng ta và mọi sanh linh khác cũng

đều phải đi qua đoạn đường cuối cùng này, thế thì tội gì chúng ta phải chống đối phản kháng lại cho uổng công? Không cũng chết, Vâng cũng chết, người khôn ngoan nên chọn lựa thái độ nào để ít nhất ra còn gặt hái được chút kết quả tốt?

Một vị Phật, một vị giác ngộ an nhiên đón nhận cái chết đến. Không có một chút phản kháng chống trả nào, không có một chút nuối tiếc, dây dưa, hay bồn xúc não loạn nào giữa bậc giác ngộ và cái chết. Chết cũng màu nhiệm linh thiêng như Sống vậy. Vì thế, nếu người nào có chuẩn bị, có tu tập, thì ngay lúc cận kề cái chết, chỉ cần vài lời nói của một vị đạo sư thôi đã đủ đưa người chết về cõi an lành rồi vậy. Chỉ cần một lời nói đúng lúc là ngọn lửa trong tâm bùng sáng, bạn đắc đạo ngay - vì cái giây phút cận kề cái chết đó rất quan trọng thiết yếu, cái giây phút đó rất mong manh căng thẳng, bạn dốc toàn lực tập trung cả con người bạn vào đó, tập trung toàn bộ tư tưởng vào đó, nên chỉ cần một que diêm làm mồi thôi thì ngọn đuốc tâm linh bạn bùng cháy ngay.

Người ta kể lại rằng Thiền Sư Ikkyu là một vị đại sư kỳ đặc, phóng khoáng, không câu nệ giới luật hay tiểu tiết gì cả. Một ngày kia, Thiền Sư đi ngang qua một ngôi chùa và ghé vào xin trọ lại một đêm. Đêm đó, trời trở cơn thật lạnh và trong chánh điện không có gì để sưởi ấm ngoài ba tượng Phật gỗ. Sư Ikkyu chẳng nói chẳng rằng, leo lên rình một pho tượng Phật xuống, chẻ ra chụm đốt sưởi ấm. Lúc đó, ông đạo trụ trì chợt thức giấc và cảm thấy như có cái gì khác thường nên ông đạo đi chung quanh chùa xem xét. Đến cửa chánh điện, ông đạo tá hỏa tam tinh lên khi thấy nhà sư lang thang kia đang ung dung tự tại chẻ tượng Phật ra hơ ấm đôi tay Ông đạo tức quá, phùng mang trợn mắt la lớn lên:

"Trời ơi, ông làm cái gì vậy? Tại sao ông dám chẻ tượng Phật ra chụm lửa vậy trời? Bộ Ông điên rồi hả? Tôi thấy ông là nhà sư nên tôi mới cho ông vào trú chân qua đêm, nào ngờ đâu ông lại dám làm cái chuyện kinh thiên động địa thế này hả?"

"Nhưng ông Phật trong tôi lạnh lắm. Tại sao lại hy sinh ông Phật

sống này cho mấy ông tượng gỗ kia chứ?" Thiền Sư ikkyu trả lời.

Nhưng ông đạo tức giận càn hông nên nào có nghe thấy những gì Sư Ikkyu nói. Ông ta cứ ong óng lên: "Trời ơi, thật đúng là điên quá cỡ rồi. Thế này thì chết tôi rồi còn gì. Thôi thôi, ông cuốn xéo đi cho tôi nhò!"

Sư Ikkyu lặng thinh, lấy cây que khừi khừi bươi bươi đống tro, có vẻ như muốn tìm tòi cái gì. Ông đạo lạ lùng, hỏi: "Này ông lại muốn làm cái gì nữa đó?"

Sư Ikkyu nói: "Ồ, tôi muốn tìm xá lợi Phật cho ông."

Ông đạo đang giận mà cũng phải bật cười: "Ông thật đúng là không điên thì cũng mát. Tượng Phật gỗ làm gì có xá lợi?"

Sư Ikkyu phá lên cười ha hả: "Thế thì rinh nốt hai pho kia xuống đốt luôn đi. Trời còn lâu lắm mới sáng mà đêm nay thì lạnh lắm, ông đạo ạ."

Vị thiền sư đó kỳ quặc như vậy, nhưng ông ta có đến hàng trăm, hàng ngàn đệ tử khắp nơi trên đất Nhật và Sư không ngừng đi hoằng hóa nơi này nơi kia để dạy dỗ đệ tử. Câu chuyện về Ninakawa cũng là một phần trong cuộc du trình hành đạo của Sư.

Ninakawa đang mấp mé bên bờ quả vị. "Sắp chứng đắc" có nghĩa là sẽ chứng, mà cũng có nghĩa là không. Ninakawa đã tu hành suốt cả một cuộc đời nhưng vẫn còn vướng mắc, chưa thông suốt. Ông ta còn kẹt vào kinh điển, văn tự; và đang loay hoay chưa biết tháo gỡ ra như thế nào.

Thật khó mà thoát ra được ngục tù chữ nghĩa, kinh điển. Điều đó chỉ xảy ra khi bạn đã liễu đạo được mà thôi; và chỉ khi đó bạn mới thấy rằng danh tự kinh điển chỉ là danh tự kinh điển; không có gì cả, sách vở kinh điển chỉ là những phát minh phương tiện của con người sáng tạo ra mà thôi; chúng chỉ là tiếng vang trong tiềm thức. Chúng

không phải là Chân Lý; chúng không phải là Giải Thoát; chúng không phải là Cứu Cánh. Ông tăng Ninakawa đó đã tu tập, đã chiến đấu với chính bản thân mình, đã thiền định, đã sử dụng nhiều pháp môn, đã thử nhiều cách để thanh lọc tự tâm; nhưng Ninakawa vẫn không thể gỡ thoát ra được sức kềm hãm của ngữ ngôn văn thuyết. Cho đến ngày Ninakawa hấp hối, ông vẫn còn loay hoay với rừng rậm ngôn từ. Đúng lúc đó, Thiền Sư Ikkyu đến thăm ông. Đây là giai đoạn sanh tử; đây là giai đoạn quyết liệt, đây là lúc phải đập Ninakawa mạnh một cái, xô Ninakawa mạnh một cái vào trong vùng chân không vô tận. Có thể Ninakawa sẽ hụt mất dịp may hiếm có này trước khi ông trở về cát bụi; có thể ông sẽ tóm trọn được Chân Lý trong tay.

Muốn được như thế, ta cần phải quán chiếu rõ ràng về Tánh Không của vạn hữu; ta cần phải đạt lý thông tâm thì ta mới có thể giáp mặt với cái Chết một cách thông dong tự tại được; vì sao, vì Chết chính là Chân Không Diệu Hữu. Chỉ lúc đó, Tất cả là Một, Một là Tất cả - Có mà Không, Không mà Có. Do đó, Thiền Sư Ikkyu đến để ban cho đệ tử một ân huệ cuối cùng. Ninakawa đã hao phí tâm lực cả một đời rồi, phút cuối cùng này, Ninakawa không được vượt mất.

"Ta biết người đang chịu đựng cơn đau ghê gớm. Ta giúp được gì cho người?"

"Con đến đây một mình và ra đi cũng một mình. Ngài giúp được gì cho con?"

Tất cả mọi người đều sanh ra một mình và chết cũng một mình; đó là sự thật hiển nhiên không thể chối cãi; tuy nhiên, giữa hai đầu Sống Chết đó, con người đã lầm tưởng, đã tự dối gạt mình là ta sống chung với người nào đó, chồng vợ, con cái, bạn bè, thân hữu, xã hội v.v... nhưng thật ra, đó chỉ là ảo tưởng. Cô đơn chính là bản chất thực sự của con người. Đến một mình và ra đi cũng một mình. Cô đơn hoàn toàn. Hoàn toàn cô đơn. Đó chính là lời Phật dạy. Đó chính là giáo lý cơ bản của đạo Phật. Đó chính là vì sao Phật phủ nhận Thượng Đế, một ngôi vị tối cao do con người đặt ra để nương dựa; vì có Thượng Đế thì con người làm sao cô đơn được? Con người

vẫn còn có một điểm tựa để bám víu, để dựa dẫm. Từ tinh thần nương dựa nhờ cậy đó, con người đâm ra hèn yếu, sợ sệt, do dự, hoài nghi, không dám chiến đấu, không dám nhìn nhận sự thật. Sự ràng buộc bám víu vào nhau từ đó cũng hình thành, dẫn đến luân hồi sanh tử.

Ninakawa trả lời Sư Ikkyu: "Con đến một mình và ra đi cũng một mình. Thầy giúp được gì cho con?" Câu nói đó của Ninakawa tuy mang âm hưởng như đã liễu suốt đạo; nhưng thực ra Ninakawa chưa đạt được phần cốt tủy của Thiền. Nếu thực sự Ninakawa không cần sự giúp đỡ của Thầy thì Ninakawa cứ mặc nhiên cười và giả dối nói "Cám ơn." Không cần phải nói rườm rà lễ mễ như vậy. Không cần phải vay mượn những ngôn từ trong nhà thiền như vậy. Một khi bạn không chắc chắn, một khi bạn trống rỗng nội tâm thì bạn phải vay mượn, bạn phải nương nhờ Phật, Chúa, Thượng Đế, Krishna, bởi vì đằng sau những bức bình phong vĩ đại đó, bạn sẽ che dấu được mọi người sự ngu dốt, trống rỗng, hay nông cạn tâm linh. Bất cứ khi nào bạn sử dụng càng nhiều danh từ, bạn càng che dấu một cách thâm hại sự vô minh, sự giả dối của bạn. Ninakawa đã lập lại những ngôn thuyết rỗng tuếch đó, nên Thiền Sư Ikkyu mới phang thẳng cho một cú

"Nếu người nghĩ có đến có đi, Ta sẽ chỉ cho người con đường Không Đến Không Đi!"

Một cú sấm sét giáng lên đầu Ninakawa Một trái bom nổ tung đất trời lồng lộng. Một câu nói lật ngược càn khôn vũ trụ. Một ngọn sóng thủy triều dâng cao dập xuống vỗ bờ. Đẹp, đẹp tuyệt vời từng chữ trong câu nói của Thiền Sư Ikkyu Đó là tinh túy; đó là cốt tủy của tất cả chư Phật, của tất cả Mahavira, của kinh Áo Nghĩa Thư; chỉ một câu thôi, chỉ cần một câu thôi đã bao gồm trọn vẹn 50 năm thuyết pháp của Phật; chỉ cần một câu thôi gói trọn tinh hoa của trời đất.

"Con đường Không Đến Không Đi," đó chính là những danh từ đẹp nhất của trần thế.

Thiền Sư Ikkyu nói: "Nếu người nghĩ có đến có đi, đó chỉ là ảo tưởng của người..."

Thật khó hiểu và tế nhị sâu sắc quá, phải không?

Câu nói của Sư Ikkyu có ý như thế này: "Nếu người nghĩ là có đến có đi, thì ai đến ai đi Cái nào của người đến, cái nào của người đi Cái tâm của người đến hay cái thân của người đến; cái tâm của người đi hay cái thân của người đi Nếu người không giải được, có nghĩa là người chỉ lập đi lập lại lời nói của chư Phật như con vẹt mà thôi."

Người dịch xin mượn tạm một thí dụ trong kinh Na Tiên Tỳ Khưu để giải rõ thêm:

"Đại Đức Na Tiên (Nagasena) muốn giải thích cho vua Milinda biết đặc tánh cấu thành của vạn hữu, hỏi vua đi đến tinh xá bằng gì, đi bộ hay đi xe. Vua đáp bằng xe.

"Tâu Đại vương, nếu ngài đến bằng xe, xin Đại vương cho biết phải cái gọng là xe không?"

"Bạch Đại Đức, không phải."

"Có phải cái bánh là xe không?"

"Quả thật không phải."

"Phải cái thùng là xe không?"

"Thưa không phải."

"Tâu Đại vương, Đại vương nói đến bằng xe, vậy cái xe đưa Đại vương đến ở đâu? Ngài là vị vua hùng mạnh nhất ở Ấn mà còn nói dối hay sao khi ngài nói đến bằng xe"

Như vậy bằng lối thẳng thắn phân tích, bằng cách phân chia ra từng

thành phần cấu tạo nên cái gọi là xe, Đại Đức Na Tiên đã thành công thuyết phục vua Milinda rằng dầu nhà vua có nói sao đi nữa thì vẫn không có cái gì đơn thuần gọi là xe mà chỉ có những thành phần ráp nối lại với nhau mà thôi.

"Kính bạch Đại Đức, Trẫm không nói dối. Danh từ "cái xe" chỉ là một hình ảnh ngôn ngữ, một tiếng nói, một tên gọi, một lối chỉ định có tính cách qui ước, cái gong, cái thùng, cái bánh v. v... "

Cùng thể ấy, "chúng sanh", "con người", "tôi", chỉ là những danh từ, những chữ không tương ứng chính xác với một cái gì đơn thuần nguyên vẹn, thật sự hiện hữu. Không có cái gì như một thực thể đơn thuần, hiện hữu trong thực tế mà có thể gọi như vậy. Trong ý nghĩa cùng tột, chỉ có năng lực luôn luôn biến đổi. Tuy nhiên danh từ "cấu thành" không phải chỉ liên quan đến vật chất và tánh chất của vật chất được gọi là Sắc (rùpa) mà cũng bao hàm luôn phần tinh thần, tâm và tánh chất của tâm được gọi là Danh (Nàma). Do đó, Tâm cũng là một sự phối hợp, giống như thể xác là một sự phối hợp.

Nói rằng Tâm là sự phối hợp của nhiều tư tưởng, không có nghĩa rằng những tư tưởng ấy đồng thời hiện hữu, cùng tồn tại trong một lúc, như những thành phần của cái xe. Đây là sự nối tiếp liên tục của những chấp tư tưởng cũng gọi là sát na tâm; một tiến trình không gián đoạn của những tư tưởng — khi là những tư tưởng sân hận, lúc thì tư tưởng từ bi, khi thì tư tưởng phiền não, lúc lại là tư tưởng an vui, phục vụ v.v..; một sự nối tiếp liên tục không gián đoạn, vô cùng tận. Mỗi chấp tư tưởng phát sanh, tồn tại rồi hoại diệt, nhường chỗ cho một chấp khác, những chấp tư tưởng liên tục nối tiếp nhau, chấp này đến chấp kia, vô cùng nhanh chóng, đến nỗi ta có một cảm tưởng như có một cái gì đơn thuần, nguyên vẹn, không biến đổi gọi là "Tâm". Nhưng trong thực tế, không có cái gì trường tồn bất biến mà chỉ có sự trôi chảy của những chấp tư tưởng kế tiếp nối đuôi nhau, có thể sánh với sự trôi chảy của một dòng sông. Từng giọt nước kế tiếp nối đuôi nhau và trôi chảy nhanh chóng đến nỗi ta có cảm tưởng như có một cái gì nguyên vẹn, một thực thể không biến đổi gọi là con sông. Nhưng đó chỉ là một cảm tưởng, một ảo tưởng.

Trong thực tế, dòng sông luôn luôn trôi chảy, luôn luôn biến đổi. Cùng thế ấy, không có một cái gì là một thực thể nguyên vẹn không thay đổi gọi là cái tâm mà chỉ có sự liên tục nối tiếp của những chấp tư tưởng, một dòng tư tưởng phát sinh rồi hoại diệt. Nếu tôi nói rằng buổi sáng tôi băng qua con sông và buổi chiều tôi băng trở lại, cũng qua con sông ấy; trên thực tế có phải tôi băng qua và băng trở lại cũng một con sông ấy không? Con sông mà tôi băng qua buổi sáng và con sông mà tôi băng qua buổi chiều có phải là một không? Nước sông mà tôi băng qua buổi sáng có phải là nước sông mà tôi băng qua buổi chiều không? Vậy nước buổi sáng hay nước buổi chiều là con sông hay có hai con sông, một con sông buổi sáng và một con sông buổi chiều? Và nếu tôi băng qua con sông vào lúc buổi trưa, vậy lại còn có một con sông buổi trưa chăng? Suy luận như vậy, chúng ta sẽ thấy rằng mỗi giờ, mỗi phút, mỗi giây, mỗi khoảnh khắc đều có một con sông khác biệt. Như vậy thì đâu là cái trọn vẹn mãi mãi tồn tại gọi là con sông? Như thế, con sông chỉ tồn tại như một danh từ. Bằng một cách qui ước để được tiện lợi trong sự thông cảm với nhau, chúng ta đồng ý gọi là con sông những giọt nước riêng biệt nối tiếp nhau trôi chảy vô cùng tận. Cái Tâm cũng y hệt như thế. Tâm chỉ là một luồng trôi chảy của những tư tưởng nối tiếp vô cùng tận. Chúng ta không thể nào chỉ riêng một tư tưởng đang thoáng qua và nói: "đây là cái tâm của tôi, đây là cái tâm thường còn không biến đổi của tôi". Nếu tư tưởng ấy là cái tâm thường còn không biến đổi thì làm sao trong một lúc có những tư tưởng tốt đẹp, và chớp nhoáng thay đổi tư tưởng xấu xa. Còn nếu tư tưởng thân ái này cũng là cái tâm thường còn và không biến đổi của tôi thì ra tôi có hai cái tâm thường còn và không biến đổi, và hai cái tâm đối nghịch nhau. Nếu tự đặt ra những câu hỏi dài dài như vậy theo chiều hướng này, ta sẽ đi đến một kết luận là không có một cái gì tương tự như cái tâm bất di bất dịch mà chỉ có một danh từ, một phương tiện để diễn đạt sự liên tục nối tiếp của những tư tưởng. Cái xe, con sông, danh sắc, tất cả chỉ là những phối hợp, những sự cấu thành. Không có gì tự nó có đặc tánh vững bền, trường tồn, không biến đổi; và cùng thế ấy, Tâm chỉ là một danh từ diễn đạt dòng trôi chảy của những tư tưởng liên tục thì sự phối hợp tâm - vật lý - danh sắc - gọi là con người, không thể là một đơn vị nguyên vẹn thường còn không biến đổi, chỉ là một danh từ,

một phương tiện qui ước.

Khi sự phân tích tỉ mỉ và công phu ấy khám phá rằng không có một con người mà chỉ có một tiến trình, không có người hành động mà chỉ có hành động, chúng ta đi đến một kết luận rằng không có người chết mà chỉ có tiến trình của sự chết. Di chuyển là một tiến trình. Đi là một tiến trình. Chết là một tiến trình. Không có một nhân vật hay một nguyên lực ẩn núp phía sau tiến trình di chuyển hay tiến trình đi, cũng như không có một nhân vật hay nguyên lực nào phía sau tiến trình chết. Quả thật là một khám phá kỳ diệu, thần khôi; và khi nhận thức được như vậy, bao nhiêu lo âu, bao nhiêu sợ sệt liên quan đến sự chết đều tan biến; và ngày nào nhờ gia công tham thiền suy niệm như vậy, chúng ta dứt bỏ được quan kiến sai lầm bám víu vào sự vật và làm mờ mọi nhận định về sự vật của chúng ta; chừng ấy chúng ta mới có thể phát huy trí kiến minh mẫn và chỉ có trí huệ ấy mới rọi sáng cho chúng ta thấy rõ thực tướng của sự vật; chỉ đến chừng ấy chúng ta mới nhận thức rằng không có ai đang chết mà chỉ có tiến trình của sự chết, cũng như không có ai đang sống mà chỉ có tiến trình của sự sống. Gia công thực hành quán niệm như vậy, có nghĩa là dần dần chúng ta sẽ dứt bỏ được thói quen không tốt đã nhiễm sâu vào đời sống chúng ta là tự đồng nhất mình với tiến trình hành động bằng thân, khẩu, ý, và do đó, thay vào đó bằng giáo lý Vô Ngã. Suy niệm như vậy, chúng ta mới cởi mở dần dần, nới rộng cái tự ngã để vượt ra khỏi mọi luyến ái ràng buộc; chừng ấy chúng ta mới có thể vui vẻ, không lo sợ, bình tĩnh đối diện với hiện tượng chết một cách mạnh dạn an nhiên. (trích một đoạn trong Tử Niệm của Vô Danh thị). Thế cho nên Sư Ikkyu nói: "Nếu người cho là có đến có đi, thì đó là ảo tưởng của người mà thôi. Không có một ai đến, một ai đi và cũng chẳng có nơi nào để đến để đi. Vì không có người đến đi và cũng chẳng có nơi nào đến đi thì con đường cũng không thực sự hiện hữu. Như thế để ta chỉ người con đường Không Đến Không Đi".

Với những lời nói sắc bén đập thẳng vào tâm thức, Sư Ikkyu đã vén bức màn Vô Ngã là Niết Bàn cho đệ tử và Ninakawa thông tay an nhiên đi vào cõi Vô Cùng với nụ cười giải thoát trên môi. Nụ cười Ninakawa là nụ cười của Phật, một nụ cười giác ngộ.

Câu truyện thật đẹp; thật tuyệt vời, thật cảm xúc. Câu truyện đó là một ẩn dụ cho sự giác ngộ rất ráo, tột cùng. Chúng ta phải chết đi để sống lại; chúng ta phải chết đi con người đầy tham lam sân hận si mê để sống lại thật tràn đầy an lạc giải thoát. Cái chết của Ninakawa không phải là cái chết vật lý tầm thường, đó chỉ là một chuyến viễn du, một cuộc hành trình, một bước chân đi vào một thế giới khác, bắt đầu một cuộc sống khác. Nếu bạn có thể chết với nụ cười giải thoát trên môi thì bạn đã biết nghệ thuật chết; và tinh hoa của tất cả mọi tôn giáo đều nằm gọn trong nghệ thuật Chết đó.

Hãy chết như Ninakawa đã chết!

Hãy cười như Ninakawa đã cười!

Nụ cười Ninakawa! Nụ cười Chư Phật!

Xách nước qua đây

Đai tre ải đứt

Thùng vỡ đáy tung

Nước ào ra hết

Đâu còn đáy nước trắng trong

Hư không còn lại tay không hững hờ

Hãy buông bỏ đi! Đừng nắm giữ gì cả! Hãy để nước trào ra, hãy để bóng trắng tan biến đi; có như thế bạn mới có thể thoải mái ngược mặt lên nhìn vành trăng thực thụ đang chiếu sáng thái hư; hãy tận hưởng niềm an lạc giải thoát đó; hãy để tâm bạn thanh thoát trống rỗng như bầu trời lồng lộng trên cao kia; và một khi bạn đã nắm được cảm giác thanh thoát tự tại đó rồi thì bạn sẽ mặc nhiên hiểu được ý nghĩa Sự Sống cũng như ý nghĩa Cái Chết.

Tay tôi rỗng không chẳng có vật gì
Tâm tôi rỗng không chẳng có vật gì.
Nụ cười Ninakawa! Nụ cười Chư Phật!
Tịch tịch Lăng Già nguyệt
Không không độ hải chu
Tri không, không giác hữu
Tam muội nhiệm thông chu
Huệ Minh Thiền Sư
Trăng Lăng Già lặng sáng
Biển cả chiếc thuyền không
Thấu triệt Không và Có
Giải thoát bước thông dong
(tạm dịch thay lời kết)

Virginia, dịch xong ngày 30/5/01

Tỳ Khưu Ni TN Minh Tâm